

Trần-đức-An
Nguyễn-văn-Linh
Bùi-phong-Quang
Nguyễn-văn-Sửu
Chu-trọng-Thuyết
Đinh-tử Thức
và một nhóm Giáo sư

GIÁO SƯ CÁC TRƯỜNG CÔNG TƯ THỦ ĐÔ
CHU VĂN AN
MẠC ĐÌNH CHI
HƯNG ĐẠO — VĂN HỌC — PÉTRUS KÝ
THÁNH LINH
LÊ BẢO TỊNH
NGUYỄN BÁ TÔNG



CHÍNH TRỊ

PHÔ THÔNG

giáo-đục công-dân các lớp đệ nhất và đệ nhì a.b.c.d

NIÊN-KHÓA 65-66

SÁNG XUẤT.BAN

BỘ SÁCH TRIẾT-HỌC

của Trần-Điệc-An

GIÁO SƯ TRƯỜNG TRUNG-HỌC CHU-VĂN-AN, HƯNG-ĐẠO

Đã xuất-bản:

- Đạo-đức học Bộ I A,B,C,D.
- Luận-lý học Bộ I A,B,C,D.
- Câu hỏi Giáo-khoa Đạo-đức học { soạn chung với
● Câu hỏi Giáo-khoa Luận-lý học { BÙI-QUANG-PHONG

Sắp xuất-bản:

- Tâm-lý học Bộ I A.
- Tâm-lý học Bộ I C,D.
- Siêu-hình học Bộ I C,D.
- Câu hỏi Giáo-khoa Tâm-lý học Tú-tài II A,C,D.
- Phương-pháp làm bài Triết-học Tú-tài II A,B,C,D.
- Luận-dề Đạo-đức học Tú-tài II A,B,C,D.
- Luận-dề Luận-lý học Tú-tài II A,B,C,D.
- Luận-dề Tâm-lý học Tú-tài II A,B,C,D.

50đ.

TỦ SÁCH
NGUYỄN TRỌNG TUẤN
An Dân Tân Tạo, An Túc - 22031975

Trần-đức-An GIÁO SƯ CÁC TRƯỞNG CÔNG TƯ THỦ ĐÔ
Nguyễn-văn-Linh CHU VĂN AN
Bùi-phong-Quang MẠC ĐÌNH CHI
Nguyễn-văn-Sửu HƯNG ĐẠO — VĂN HỌC — PÉTRUS KÝ
Chu-trọng-Thuyết THÁNH LINH
Đinh-tử Thức LÊ BẢO TỊNH
và một nhóm Giáo sư NGUYỄN-BÁ TÒNG

CHÍNH - TRỊ PHÔ - THÔNG

GIÁO-DỤC CỘNG-DÂN CÁC LỚP ĐỆ NHẤT VÀ ĐỆ NHỊ A,B,C,D

NIÊN-KHOÁ 65-66

CHƯƠNG TRÌNH

LỚP ĐỆ NHẤT VÀ PHẦN NHÌ LỚP ĐỆ NHỊ

A) LÝ-THUYẾT : CHÍNH-TRỊ PHÓ-THÔNG

1) TÌNH THẦN DÂN-CHỦ Ở ĐÔNG-PHƯƠNG

Sự chọn lựa bằng khoa cử.

Không-Tử, Mạnh-Tử.

Tôn-Văn và Tam-dân Chủ-nghĩa.

Và ở Việt-Nam :

Tổ-chức làng xóm, Công-diễn...

2) CHẾ-ĐỘ DÂN-CHỦ TÂY-PHƯƠNG

a) Sự tiến-triển :

Anh : Từ Đại Hiến-chương đến Quân-chủ lập-hiến thè-chế hiện nay.

Hoa-Kỳ: Cuộc cách-mạng — Thè-chế hiện nay.

Pháp : Những nguyên-nhân trí-thức của cuộc cách-mạng — Thè-chế của Đệ III và Đệ IV Cộng-Hòa.

b) Đặc điểm :

— Chủ-quyền quốc-gia thuộc về dân.

— Tự-do và bình-dâng (nhấn mạnh : ý thức tự-do trong tinh-thần trách-nhiệm và trật-tự xã-hội) — Quan-niệm dân-chủ pháp-trị.

— Sự phân quyền.

— Nguyên-tắc đa số và sự tôn-trọng thiểu-số.

3) CHẾ-ĐỘ ĐỘC-TÀI :

— Đức-quốc-Xã và Ý-phát-Xít.

— Cộng-sản : Nga-sô và một vài nước mệnh-danh «dân-chủ nhân-dân»

B) THỰC HÀNH :

— Tổ chức các cuộc thảo-luận về đề tài liên-quan đến bài học.

— Hướng dẫn học-sinh làm điều-tra phúc-trình về những sự-kiện liên-quan đến đời sống chính-trị hiện-tại.

— Chiếu phim tài-liệu về sinh-hoạt chính-trị (trong và ngoài nước).

MỤC-LỤC

BÀI	TRANG
— I : Tinh-thần dân-chủ ở Đông-phương	9
— II : Sự chọn lựa bùng khoa-cử	14
— III : Quan-niệm của Không-Tử và Mạnh-Tử về chính-trị	21
— IV : Tôn-Vân và Tam-dân chủ-nghiệp	29
V và VI : Tinh-thần dân-chủ tại Việt-Nam	38
— VII : Sự tiến-triền của chế-độ dân-chủ tại Anh-quốc	50
— VIII : Hoa-kỳ	57
— IX : Sự tiến-triền của nền dân-chủ Pháp	65
— X : Chủ-quyền Quốc-gia thuộc về dân	77
— XI : Tự-do và bình-đẳng	82
— XII : Quan-niệm dân-chủ pháp-trị	89
— XIII : Sự phân quyền	95
— XIV : Nguyên-tắc đa số và sự tôn trọng thiểu-số	107
— XV : Đức Quốc-xã	116
— XVI : Ý Phát-xít	131
XVII-XVIII : Chế-độ Cộng-sản	140

CUỐN sách này được soạn-thảo nhằm mục-đich cung-cấp tài-liệu Giáo-khoa cho học-sinh các lớp Đệ nhất, Đệ nhì (phần thứ nhì của chương-trình) về môn "Giáo-đức Công-dân", bắt đầu áp-dụng từ niên-khóa 1965-1966.

Tuy là tập tài-liệu dùng cho học-sinh, nhưng không quá vắn-tắt để các bạn đồng-nghiệp ở tỉnh xa có thêm tài-liệu tham-khảo.

Tập tài-liệu này được trình-bày theo đúng tinh-thần "chính-trị phò-thông", không lấn sang địa-hạt lịch-sử và triết-học.

Một công-việc soạn-thảo quá gấp rút, chắc không thể tránh hết khuyết-diểm. Mong được sự thông-cảm.

BÀI THỨ NHẤT
TINH-THẦN DÂN-CHỦ Ở ĐÔNG-PHƯƠNG

- I.— Đại-cương về dân-chủ
- II.— Phân-biệt tinh-thần và chế-độ dân-chủ
- III.— Những sự kiện chứng-minh
- IV.— Đặc-tính của tinh-thần dân-chủ Đông-phương
- V.— Kết-luận.

I.— ĐẠI-CƯƠNG VỀ DÂN-CHỦ

Ngày nay, trào lưu dân-chủ đã được lan tràn khắp thế-giới, và được nồng-nhiệt ủng-hỗ. Người ta coi như một chế-độ chính-trị lý-tưởng, một chế-độ mà con người được sống hoàn toàn tự-do, hạnh-phúc, và tự mình làm chủ được vận-mệnh mình.

Nhưng thế nào là dân-chủ ?

Đây là một câu hỏi quan-trọng, vì chính nội-dung của danh-từ dân-chủ đã này sinh ra bao nhiêu chế-độ, chế-độ nào cũng tự gán cho mình là dân-chủ thực sự !

Phe Cộng-sản mệnh danh dân-chủ của họ là Dân-chủ nhân-dân, Dân-chủ xã-hội, Dân-chủ mác-xít... Và Khối Tự-Do cũng có những phong trào Dân-chủ Quốc-Gia, Dân-chủ Tự-Do v.v...

Người ta thường định-nghĩa :

Dân-chủ là một chế-độ trong đó chủ-quyền thuộc về toàn-dân.
Nói khác đi nhân-dân được quyền tham-gia việc điều-khiển bộ máy chính-trị quốc-gia một cách gián-tiếp hoặc trực-tiếp.

Dân-chủ còn là một chế-độ mà mọi công-dân đều được bình-dâng về chính-trị cũng như về kinh-tế, về quyền-lợi và phàm-cách, không có một giai-cấp nào được ưu-dai. Chính từ chỗ bình-dâng này con người mới có tự-do.

Trên đây là mấy ý-niệm sơ-khởi đè chúng ta phân-biệt rõ ràng tinh-thần và chế-độ dân-chủ khác nhau như thế nào.

II.— PHÂN-BIỆT TINH-THẦN VÀ CHẾ-ĐỘ DÂN-CHỦ

Ta thường bảo rằng tinh-thần dân-chủ của người Anh đã có từ lâu và rất cao, dù họ sống dưới chế-độ quân-chủ.

Như vậy tinh-thần biều lộ một tư-tưởng, một thái-độ, hành-động hoặc những phàm-tính...

Còn chế-độ là cách thể-hiện cụ-thể của tinh-thần đó. Một chế-độ phải được xây-dựng và tồ-chức thành cơ-cấu, hệ-thống rõ ràng.

Tinh-thần là phần tiêu-cực, và chế-độ là phần tích-cực.

Phân biệt như vậy, ta mới có thể hiểu được tại sao Đông-phương suốt mấy ngàn năm sống dưới chế-độ quân-chủ, nhưng đã có những sắc thái dân-chủ, biều-lộ nhiều khi rất đặc-biệt.

III.— NHỮNG SỰ-KIỆN BIỂU-LỘ TINH-THẦN DÂN-CHỦ Ở ĐÔNG-PHƯƠNG

Chế-độ dân-chủ mới được thành hình chừng hơn một trăm năm nay, đặc-biệt là ở Tây-Phương,

Nhưng trước khi tiến tới một chế-độ, nó đã được un-dúc bằng những tư-tưởng, thái-độ, hành-động...

Ở Đông-phương ta thấy có nhiều sự việc đã chứng tỏ tinh-thần đó :

1) Tiêu-biểu là Trung-Hoa, đã có những thời kỳ, dân chúng sống trong cảnh thái-hòa, thịnh-trị, không có những cảnh người đè-nén người, xâm-phạm quyền-lợi của nhau : đó là thời Đường-Nghiêу, Ngu-Thuấn (—2852-2207).

Người lãnh đạo không cứ phải cha truyền con nối, nhưng có thể do dân tiến-cử, cốt sao là người được nhân-dân tín-nhiệm về tài về đức.

Lịch-sử đã ghi lại những truyện vua Nghiêу nhường ngôi cho Ông Thuấn hay truyện Hứa-Do, Sào-Phù...

2) Kẻ quǎn-thần cũng vậy, cốt sao tỏ được cái tài của mình, và nếu gặp dǎng minh-quân là được trọng dụng ngay (Quản-Trọng, Bao-Thúc, Sô-Ký, Ngô-Khôi, Tô-Tần, Trương-Nghi đều là những người tự tiến thân và được nhà vua trao cho những chức-vụ quan-trọng).

Hai sự việc kẽ trên đã chứng tỏ chín h-quyền không phải luôn luôn là tư-hữu của một cá-nhân, một dòng họ.

3) Dần dần sự tuyển-chọn nhân-tài được thể-hiện qua chế-độ khoa-cử. Khoa cử là một hình-thức khảo-hạch công-bình, cốt ứng-cử-viên chứng tỏ được tài-đức của mình. Và khi đã trúng-tuyễn họ có quyền tham-gia việc điều-khiển bộ máy quốc-gia.

4) Ở triều-dinh lại đặt ra một cơ-quan Giám-sát, hay các quan Ngự-sử có Quyền dàn-hắc cấp lãnh-đạo một khi di-sai đường, kè-cá nhà Vua. Như vậy, đã chứng tỏ các quyền hạn của vua quan không phải là vô hạn.

5) Thêm vào đó Luật-pháp mỗi ngày một tinh-vi. Luật-pháp phải chǎng là một hình thức của nền dân-chủ nhằm mục-dịch xác-định trên giấy tờ vị-trí cũng như quyền hạn của mỗi người. Khâu hiệu : « Pháp bất vi thân » nhiều lần được nhắc nhở-tới, cũng chứng tỏ mọi người đều được coi bình-dâng đối với pháp luật..

6) Nhưng đặc-sắc nhất là tư-tưởng của Mạnh Tử. Ông có viết một câu bắt hủ tiêu-biểu cho tinh-thần dân-chủ : « Dân vi quý, xã-tắc thứ chi, quân vi khinh », nghĩa là « Dân phải được quý trọng hơn hết, rồi tới quốc-gia, và cuối cùng mới là Ông Vua ».

Khi Tuyên-vương hỏi Ông : « Bầy tôi giết vua có được chǎng » Ông đáp : « Kẻ làm hại điều-nhân gọi là giặc, kẻ làm hại điều-nghĩa là ác. Kẻ ác, giặc cướp chỉ là người thường mà thôi, nên tôi chỉ nghe thấy người ta giết một người tên Trụ mà thôi » (Tắc-nhan giả, vị-chi-tắc, tắc-nghĩa giả, vị-chi-tàn, tắc-chi-nhân, vị-chi-nhất-phu. Văn-trụ-nhất-phu Trụ-hý...)

7) Riêng ở Việt-Nam, ta thấy cách tổ-chức thôn-xã, một phần nào cũng tổ-lộ tinh-thần dân-chủ. Mỗi làng xã là một công-đồng tư-tri, dân

àng tự bao ra những kẻ tài đức đề cai trị lấy nhau. Cho nên ta mới có câu : « Phép vua thua lèn làng ».

Lịch-sử còn chứng tỏ thêm tính cách dân chủ qua hội nghị Diên Hồng, nơi nhân-dân tự định lấy số phận quốc-gia của mình...

IV.— ĐẶC TÍNH CỦA TINH THẦN DÂN CHỦ ĐÔNG PHƯƠNG

Tất cả những sự kiện trên đây mới chứng tỏ người Đông-Phương có một tinh thần dân-chủ từ lâu. Nhưng nó không xây dựng thành một chế-độ. Đó mới chỉ là những thái-độ không có tính cách thường xuyên, hệ-thống tồ-chức hàn-hội. Phải chờ đến đầu thế-kỷ hai mươi ngọn gió Tây Phương đem lại những cơ-cấu thực sự để thức tinh, vì rằng có nhiều yếu-tố đã ảnh-hưởng đến tinh-thần đó:

1) Tinh thần đó chịu ảnh-hưởng rất nhiều của một nền Triết-lý nhất là Nho-giáo.

Với thuyết « Vạn vật nhất thề », Nho-giáo coi Trời, Đất, Người đều cùng một nguồn-gốc (lý), cho nên hợp với Trời là hợp với Người (dân). Vua đã là người được Trời trao sứ mệnh (thiên mệnh) chăm sóc dân (Thể thiên hành-đạo), nên vị thiên-tử chỉ cần dùng làm trái đạo Trời là hợp ý nguyện chung của nhân-dân rồi.

2) Tinh-thần đó lại xây-dựng trên căn-bản luân-lý : Vua đã là con Trời nên là một người đầy đủ nhân-nghĩa lấy lẽ phải làm quy tắc, không làm trái ý dân. Hơn nữa, Khổng-Tử còn nhấn mạnh đến việc Tu-thân làm gốc. Tu thân là tạo cho mình một căn bản luân-lý, biết thương người, thương dân không làm điều gì đi ngược lại ý-nghuyện của dân. Cũng vì vậy mà ở Đông-phương, cấp lãnh-đạo là người có đức hơn là có tài...

3) Xã-hội Đông-phương được xây-dựng trên tinh cảm hơn là lý trí, trên bùa phật hơn là quyền lợi. Con người sống đề hòa hợp với thiên nhiên hơn là dành lấy quyền lợi (đạo Lão) hoặc đề thoát ly thế tục (đạo Phật). Vì vậy họ thiếu hẳn một tinh thần tranh-dấu, tự xóa bỏ quyền lợi cá nhân, thiếu sự phân tích rõ ràng, và điều quan-hệ là thiếu hẳn một cơ cấu tổ chức theo hệ-thống cụ-thète.

Kết quả là tinh-thần dân-chủ đó có tính-cách mơ hồ, rời rạc và co-dán (tiêu-cực).

V.— KẾT LUẬN

Bằng vào những dẫn-chứng và đặc-tính trên, ta thấy tinh-thần dân-chủ ở Đông-phương đã phát-triển rất sớm, nhưng nó chỉ manh-nha yếu-bi, vì thiếu một cơ-sở vững vàng.

Xây-dựng trên những tư-tưởng tiêu-cực, quá tin vào yếu-tố nhân-sư (lòng tốt của lớp người lãnh-dạo), thiếu sự-tổ-chức hợp-lý rõ ràng như luật-pháp, hiến-pháp là những giới-hạn phân-định quyền-lợi đề ngăn ngừa kẻ lãnh-dạo đi đến chỗ độc-tài. Cái tinh-thần đó đã làm cho xã-hội Đông-phương chậm tiến hàng mấy thế-kỷ so với Tây-phương.

CÂU HỎI

- 1) Định-nghĩa Dân-chủ ?
- 2) Tại sao có bình-đẳng về kinh-tế và chính-trị con người mới có tự do ?
- 3) Phân biệt tinh-thần và chế-độ dân-chủ ?
- 4) Tại sao Đông-phương có tinh-thần dân-chủ mà không xây-dựng được một chế độ dân chủ ?
- 5) Tinh-thần dân chủ xây-dựng trên căn-bản luân-lý có ưu và khuyết điểm gì ?
- 6) Luật-pháp có phải là yếu-tố cần-thiết trong việc xây-dựng một chế-độ dân-chủ không ?

BÀI THỨ HAI

SỰ CHỌN LỰA BẰNG KHOA-CỬ

- I.— Định-nghĩa
- II.— Tiến-cử, tịch-cử, khoa-cử
- III.— Ý-nghĩa khoa-cử
- IV.— Nhận-dịnh

1.— ĐỊNH-NGHĨA

Theo Đào-duy-Anh, khoa-cử là : «Chế-độ lựa chọn nhân-tài ngày xưa».

Theo Dương-quảng-Hàm : «Cách lựa chọn các người ra làm quan là khoa-cử».

Định-nghĩa của Đào-duy-Anh không nói rõ là các nhân-tài lựa chọn được bằng khoa-cử có ra làm quan hay không. Như vậy, theo định-nghĩa này, khoa cử xưa cũng giống như chế-độ thi cử ngày nay. Người thi đậu chỉ được công nhận cái khả-năng, cái «tài» của mình. Còn việc có được nhà nước trọng dụng hay không, là quyền của nhà nước. Người thi đậu không có quyền đòi được bồ-dụng.

Nhưng, nếu theo định-nghĩa của Dương quang Hàm, thì rõ ràng khoa cử là biện-pháp tuyển người làm việc nước. Một thí sinh sau khi thi đậu đương nhiên được bồ-dụng làm quan. Vậy theo định-nghĩa này, khoa-cử ngày xưa khác hẳn chế-độ thi-cử ngày nay.

Cứ theo lịch-sử, ta thấy rằng : khi mới xuất-hiện tại Trung-Hoa cũng

như Việt-Nam, khoa-cử chính là cách thức tuyển người ra làm quan.

Nhưng về sau, khi số người thi đậu ngày càng đông, mục đích ban đầu của khoa-cử thay đổi đi. Người thi đậu không đương nhiên được trọng-dụng nữa. Bằng chứng là dưới triều Nguyễn, nhiều vị đỗ đạt cao mà vẫn không được bồ-làm-quan.

Tuy nhiên, ta phải ghi nhận một điều là dưới bất cứ triều đại nào, khoa-cử vẫn là tiêu-chuẩn căn-bản để lựa người ra làm việc nước.

II.— TIẾN-CỬ, TỊCH-CỬ, KHOA-CỬ

Trong xã-hội Trung-Hoa và Việt-Nam xưa kia, để chọn lựa người có khả-năng, người ta thường áp-dụng ba cách : tiến-cử, tịch-cử và khoa-cử.

1) Tiến-cử :

Tiến-cử là cách giới thiệu. Người nào muốn ra làm việc, thấy mình đủ khả-năng, có thể tự tiến-cử bằng cách tạo dịp ra mắt vua quan, để chứng tỏ cái khả năng, sở-trường của mình để được trọng-dụng.

Nhưng thường thường thì người này tiến-cử người khác. Khi gặp người có tài, các quan chức có thế-lực tiến-cử với thượng cấp : Mạnh-thường-Quân, Bình-nghuyên-Quân đời chiến quốc đã nuôi trong nhà hàng mươi ngàn người đợi được tiến-cử ra làm quan. Dưới đời Đường, (618-907) các quan từ ngũ-phẩm trở lên được quyền tiến-cử người giỏi để triều đình bồ-Tri-Huyện.

Những người được tiến-cử, không phân-biệt giai-cấp, miễn có tài là được. Đời nhà Chu, Quản-Trọng ở nước Tề, Bách-lý-Hề ở Tần, Tống thúc-Ngao ở Lỗ, đều là những người thuộc tầng lớp « vi-tiện » mà vẫn được tiến-cử để làm quan cao. Rất nhiều học trò của Khòng-Tử, xuất thân là nông-dân mà vẫn được thâu-dụng làm những chức lớn. Chỉ có dưới thời Văn-Đé (179-157 trước Tây-lịch), Vũ-Đé (140-87 trước Tây-lịch) thuộc nhà Tiền-Hán là cấm con cháu công-nhân và thương-nhân không được làm quan (để dân chúng bỏ ngành công-thương theo nghề nông).

Tại Việt-Nam cũng có lệc tiến-cử. Ví-dụ : trường-hợp Đào-duy-Tử. Muốn được trọng-dụng, Đào-duy-Tử đã phải đi chăn trâu cho một nhà phú-hộ, rồi làm bài « Ngựa long Cương » tự vi minh với Giả-cát-Lượng.

Nhờ vậy quan Khâm-lý Trần-đức-Hòa mới biết tài, tiến-cử với chúa Sái và Đào-duy-Tử đã được trọng-dụng.

2) Tịch-cử :

Tịch-cử là cách chọn người của nhà Hán (—202+220). Các quan địa phương xem trong quản hặt mình, ai là người tài đức, lập thành danh sách đề-nghị lên thượng-cấp. Chính-phủ sát-hạch để biết rõ khả-năng rồi bồi-dụng.

Dưới triều Ngụy Văn-Đế (220) đời Tam-Quốc, Trần-Quân đặt ra phép « cửu phàm trung-chánh » để chọn người. Các quan Tiêu-Trung-Chánh ở Quận Huyện chọn người tài đức lập thành 9 hạng, Quan Đại-Trung-Chánh ở Châu sát-hạch, quan Tư-Đồ ở Kinh phúc-hạch rồi chuyển qua bộ Lại bồi-dụng.

Tại Việt-Nam, trong thời Bắc thuộc, dưới đời vua Linh-Đế (168-189) vào cuối đời Đông Hán, phép tịch-cử cũng được áp-dụng. Hán-Đế cho những người Giao-Chi đậu kỳ thi Mậu-tài (có tài) và Hiếu-liêm (hiếu đế, thanh-liêm) được làm quan. Lý-Tiến, Lý-Cầm, là những người Giao-Chi đậu các kỳ thi trên, nên đã được bồi làm quan. Mặc dầu sử có ghi là các kỳ thi mậu-tài, và hiếu-liêm, nhưng thực ra, đây chỉ là kỳ sát-hạch của phép tịch-cử, chứ không giống chế-độ khoa-cử mà mãi mấy trăm năm sau mới xuất hiện.

Dưới thời Minh thuộc (1414-1427), có lệ cứ một năm hoặc hai năm một lần, các Phủ, Châu và Huyện được chọn người gửi vào Quốc-Tử-Giá-học rồi sau bồi làm quan.

3) Khoa-cử :

Cách tiến-cử và tịch-cử rất nhiều khuyết điểm, thiếu công-bằng. Vì vậy, chế-độ khoa-cử đã xuất hiện để chọn lựa nhân tài.

Tại Trung-hoa, khoa-cử xuất hiện từ đời nhà Tùy (589-617). Người có học được tự do đi thi. Từ đời Đường về sau, đều bắt chước dùng khoa-cử để chọn người làm quan.

Tại Việt-Nam, khoa-cử xuất-hiện vào đời Lý. Năm Ất-Mão (1075) Lý-nhân-Tôn mở khoa thi (tam-trường) để chọn người làm quan. Đây là kỳ thi đầu tiên tại nước ta, chọn được 10 người. Thủ-khoa Lê-văn-Thịnh sau làm đến Thá.-Sư.

Lê-Thái-Tồ (1428-1433) còn dùng khoa-cử để sát-hạch năng-lực quan chức. Các quan từ Tứ phàm trở xuống bắt buộc phải thi Minh-kinh-Khoa. Ai đậu thăng chức, ai tốt giáng chức.

Khoa-cử không những chỉ lựa chọn văn-quan, mà còn lựa chọn cả võ-quan nữa.

Tại Trung-Hoa, Vũ-Hậu đời Đường đã đặt thi võ để chọn người giỏi võ-thuật.

Tại Việt-Nam, Lê-thánh-Tôn (1460-1497) đặt lệ cứ ba năm tồ-chức một kỳ thi võ. Trong hàng tướng-sĩ ai đậu thi thường, ai hỏng thì phạt. Dưới thời Lê-uy-Mục (1505-1509), Mạc-dăng-Dung, một người đánh cá, nhờ thi đỗ Đô-lực-sĩ, nên đã được làm chức Đô Chi-huy Sứ, rồi về sau lên ngôi Thiên-tử.

III.—Ý-NGHĨA KHOA-CỬ

Qua lịch-sử, mục-dịch và cách tồ-chức các kỳ thi ngày trước, ta thấy việc chọn-lọc bằng khoa-cử có rất nhiều ý-nghĩa :

1) Khoa-cử có tính cách tự-de :

Tất cả những ai có khả-năng đều có thể ứng-thí. Khoa-cử không có tính cách cưỡng-bách (trừ các khoa Minh-kinh dưới thời Hậu-Lê). Ai muốn được chọn lựa thì nộp đơn đi thi. Khoa-cử là cánh cửa mở rộng cho tất cả mọi hạng người muốn tiến thân. Mãi về sau, tại Việt-Nam, dưới các triều Hậu-Lê và Nguyễn, Khoa-cử bị hạn-chế đối với vài hạng người, như : con nhà hát-xướng và nô-tì không được đi thi. Ví dụ : trường hợp ông Đào-duy-Tử (thời Lê-trung-Hưng) là con nhà hát-xướng.

2) Khoa-cử có tính cách bình-dâng :

Trừ việc hạn chế đối với nữ giới, và các hạn chế đặc biệt kè-trên, khoa-cử xưa kia đã thể hiện được tinh-thần bình-dâng rất tốt đẹp. Tất cả mọi người, không phân-biệt giai-cấp, giàu nghèo, sang hèn, đều có thể tiến-thân bằng khoa-cử. Trong trường thi, tất cả mọi thí sinh đều bình-dâng về phàm cách và quyền lợi. Tất cả những người đậu cùng một cấp bằng đều được trọng-vọng ngang nhau, dù trước khi thi, thành phần xã-hội của họ khác nhau.

Tại Việt-Nam, theo nghi-lễ các triều Lê, Mạc, dù một người thuộc thành phần nào, nếu thi đỗ Trạng-nguyên, sẽ được cả nước đón rước; đỗ Bảng-nhân, Thám-hoa, sẽ được cả Tỉnh sở tại đón rước; đỗ Tiến-sĩ hoàng-giáp được cả Huyện sở tại đón rước; đỗ Tiến-sĩ tam-giáp (ông Nghè), được cả Tòng đón rước; đỗ Cử-nhân và Tú-tài được cả Làng đón rước.

3) Khoa cử có tính cách công bằng :

Tiến-cử và Tịch-cử có thể bắt công, thiên-vi, nhưng khoa-cử thì rất công bằng. Bất cứ thí-sinh nào, miễn có tài là được chấm đậu hoặc đậu cao. Để bảo đảm sự công bằng của khoa cử, các kỳ thi thường được tổ chức rất chu đáo. Ngoài việc đề-phòng nghiêm mật nơi trường thi để tránh gian lận, việc chấm thi rất thận-trọng. Ví dụ : trước khi chấm, tất cả bài thi đều được « rọc phách » hoặc dán trang đầu quyền lại để giám khảo không biết tên thí-sinh h้า tránh thiên-vi. Ngoài ra, các giám khảo, nếu có con cháu thi, thì không được chấm, gọi là « hồi ty ». Trong kỳ thi Hương, mỗi bài thi được chấm tới ba lượt, từ dưới lên trên, qua tay các vị : sơ-khảo, phúc-khảo rồi tới giám-khảo. Sau đó, Chủ-khảo, với sự giúp sức của Phân-khảo sẽ duyệt lại tất cả các quyền bị đánh hỏng để tránh oan-uồng. Khi duyệt lại, nếu Chủ-khảo thấy có bài khá, đáng đậu mà bị phê hỏng, thì vị Giám-khảo đã phê trước sẽ bị khiển trách, cốt ý để tránh sự cầu thả.

IV.— NHẬN ĐỊNH

Một cách vô-tu, ta thấy lối chọn-lọc bằng khoa-cử có các ưu khuyết-diểm sau :

1) Ưu-diểm :

a) Một hình-thức dân-chủ:

Khi mới xuất-hiện, khoa-cử chính là chế-độ chọn người tham-gia việc công một cách tự-do và bình-dâng. Thực vậy, nhờ khoa-cử mà bất cứ người dân nào, nếu có khả-năng đều có thể tham-gia chính-quyền. Ngày xưa, với khoa-cử, ai muốn đem tài ra giúp nước, cứ việc đệ đơn ứng-thi. Cũng giống như ngày nay, dưới chế-độ dân-chủ, ai muốn tham-chánh thì ra ứng-cử.

Nếu so-sánh với cách chọn người tại các xã-hội Tây-phương xưa kia, thì khoa-cử có vẻ tiến-bộ hơn. Cách đây mới chừng vài thế-kỷ, tại Tây-phương, chỉ có những người thuộc giai-cấp quý-tộc hoặc tu-sĩ mới có quyền đảm-nhiệm việc công. Trong khi đó, đã từ rất lâu, một người dân Trung-Hoa hay Việt-Nam chỉ cần có tài, không phân-biệt giai cấp, nhờ khoa-cử, có thể được chọn-lọc đề ra làm quan.

b) Việc chọn người dựa trên căn-bản khả-năng :

Tại các xã-hội Âu-Tây trước kia, việc chọn người làm quan dựa trên căn-bản giai-cấp.

Trong các chế-độ dân-chủ ngày nay, việc tuyển-cử dựa trên căn-bản đảng-phái, phe nhóm.

Với khoa-cử, việc chọn người hoàn-toàn dựa trên căn-bản khả-năng cá-nhân.

2) Khuyết-diểm :

a) Trường-quy quá khắt-khe :

Những luật lệ của khoa-cử ngày càng khắt-khe, khiến thí sinh phải chật vật về trường quy. Vì luật lệ quá rắc rối, nên nhiều khi khoa-cử đã cản bước tiến của nhiều người có thực tài. Thực tế đã chứng minh, có những người rất giỏi mà thi mãi không đỗ, khoa danh lận đận, chỉ vì trường-quy. Ví-dụ Trần-tế-Xương « tám khoa chưa khỏi phạm trường-quy ».

b) Tổ-chức thi cử thiếu khoa-học :

Có những kỳ thi rất đông thí-sinh như các khóa thi Hương, thế mà việc tổ-chức thi cử thiếu khoa-học, nên trong lịch sử thi cử không thể tránh được các sự gian-lận đáng tiếc làm cho ý-nghĩa khoa-cử ngày càng sai lạc đi, khiến khoa-cử bị giảm giá-trị dần.

3) Kết-Luận :

Sự chọn-lọc bằng khoa-cử không thể tránh hết mọi khuyết-diểm. Nhưng dù sao, ít nhất, lối chọn-lọc bằng khoa-cử xưa kia cũng đã thể-

hiện được phần nào cái tinh-thần tự-do, bình-dâng và dân-chủ tiềm-tàng trong xã-hội Đông-phương. Với cách dùng khoa-cử để chọn người làm quan, việc nước không phải dành độc-quyền cho một cá-nhân, một nhóm người hay một đẳng-cấp nào, mà dành cho tất cả những ai có khả-năng.

CÂU HỎI

- 1) Khoa-cử là gì?
- 2) Hãy cho biết mục-đích của khoa-cử.
- 3) So sánh mục-đích của khoa-cử xưa và nay.
- 4) Tại xã-hội Trung-Hoa và Việt-Nam, xưa kia nhà nước chọn người làm quan bằng cách nào?
- 5) Tiến-cử và khoa-cử khác nhau thế nào?
- 6) Sơ lược về sự xuất hiện khoa-cử tại Trung-Hoa.
- 7) Tại Việt-Nam, khoa-cử xuất hiện vào thời nào?
- 8) Việc chọn lọc bằng khoa-cử mang những ý nghĩa nào?
- 9) Tại sao khoa-cử lại thè-hiện được tinh-thần dân-chủ tại Đông-phương?
- 10) Hãy nói qua những ưu khuyết-diểm của khoa-cử.

BÀI THỨ BA

QUAN-NIỆM CỦA KHÔNG-TỬ VÀ MẠNH-TỬ VỀ CHÍNH-TRỊ

A.— KHÔNG-TỬ

- I. Vài nét về con người Không-Tử.
- II. Quan-niệm của Không-Tử về Chính-trị.

B.— MẠNH-TỬ

- I. Vài nét về con người Mạnh-Tử.
- II. Quan-niệm của Mạnh-Tử về Chính-trị.

C.— NHẬN-ĐỊNH

- I. Chủ-trương của Không-Mạnh và chế-độ Quân-chủ chuyên-ché.
- II. Chủ-trương của Không-Mạnh và chế-độ dân-chủ Tây-phương.

A.— Không Tử :

I.— VÀI NÉT VỀ CON NGƯỜI KHÔNG-TỬ

Không-Tử, húy là Khâu, tự là Trọng-Ni, sinh năm 551 trước Tây-lịch (đời nhà Chu), quán tại tỉnh Sơn-Đông (nước Lỗ) bên Trung-Hoa.

Không-Tử là người hiếu học, tính tình nhân-hậu, thận-trọng. Vì sinh vào thời loạn (đời Xuân-Thu) thấy dân tình khò-sở, phong-hóa suy-dồi, nên Ngài rất muốn đem tài ra giúp nước.

Không-Tử đặc-biệt chú tâm vào việc giáo-hóa nhân-dân, và cải-cách chính-trị. Theo Ngài, người nào không chịu giúp đời là trái với đạo làm người. Những người có tài-đức, phải đem khả-năng của mình để trị nước, yên dân. Ngài còn cho rằng «nhân-dạo chính vi đại» (đạo người thì chính-trị là lớn).

Vì muốn giúp đời nên Không-Tử đã đi chu-du qua nhiều nước, hy vọng có dịp thi thố tài năng. Các Vua Chúa đương thời rất phục tài Ngài, nhưng không dám dùng Ngài. Trong đời Ngài chỉ được trao phó những chức-vụ hành-chánh không quan trọng.

Khi được 68 tuổi, Không-Tử trở về quê quán là nước Lỗ. Vì đã già, không mong làm quan nữa, Ngài đã dùng hết thời giờ vào việc dạy học, san-dinh lại các sách vở đời trước, làm sách Xuân-Thu để bày tỏ chủ-trương, đường lối của mình về chính-trị.

Không-Tử mất năm 478 trước Tây-lịch, thọ 73 tuổi. Tiếng tăm Ngài lẫy-lừng ngay từ khi còn sống, và được người đời gọi là «Vạn thế sư biểu» (Ông thầy muôn đời).

II.—QUAN NIỆM CỦA KHÔNG-TỬ VỀ CHÍNH-TRỊ

Không-Tử đã trình bày các quan-niệm chính-trị của mình trong sách Xuân-Thu. Đại đè có các điểm chính là : chính danh định phận và tôn quân quyền.

1) Chính danh định phận :

Không-Tử chủ-trương nhân-trị, cho rằng việc nước hay, dở là do ở người cai-trị có tài đức hay không.

Muốn cho trật tự xã-hội khỏi rối loạn, tất cả mọi người từ Vua đến dân đều phải cù-xứ cho đúng danh-phận mình, trên ra trên, dưới ra dưới. Một nước thịnh-trị là một nước vua ra vua, tôi ra tôi, cha ra cha, con ra con : «Quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử».

2) Tôn quân quyền :

a) Không-Tử thừa nhận chính-thì quân-chủ, việc nước do một người nắm giữ, người đó là Vua (đế hay vương). Vua thừa mệnh trời để trị nước. Vua có các quan giúp sức. Quan là các người tài đức lựa chọn trong dân chúng. Việc nước hay dở là do ở vua quan giỏi hay dở.

Tuy nhiên, Không-Tử cho rằng Trời không trao quyền trị nước mải mải cho riêng một người hay một dòng họ. Ai làn điều lành, có tài đức thì được trời trao mệnh cho, ai làm điều ác thì mất : « Duy mệnh bất vu thường, đạo thiện tắc đặc chi, bất thiện tắc thất chi hỷ » (Mệnh Trời không nhất-định, thiện thì được, bất-thiện thì mất). Hoặc : «Hoàng-thiên vô thân, duy đức thị phụ» (Trời không thân riêng ai, có đức là Trời giúp).

b) Vua thay mệnh Trời để trị-dân, nhưng Trời với dân cùng một thể, nên có thể biết được ý Trời qua lòng dân. Muốn biết ý Trời, cứ xem lòng dân: «Thiên-thị tự ngã dân-thị, thiên thính tự ngã dân thính» (Trời trông thấy tự ở dân ta trông thấy, trời nghe thấy tự ở dân ta nghe thấy). Dân cũng sáng-suốt như Trời: «Thiên thông minh tự ngã dân thông-minh» (Cái sáng-suốt của trời ở cái sáng-suốt của dân); Vì Trời và dân có liên-hệ mật thiết như vậy nên dân muốn là Trời muốn : «Thiên cảng vu dân, dân chi sở dục, thiên tất tòng chi» (Vì Trời thương dân, dân muốn điều gì, Trời cũng theo).

Như vậy, nhà Vua thừa mệnh Trời, nhưng lại phải theo lòng dân, và chịu trách-nhiệm với dân.

c) Vì phải theo lòng dân để trị nước nên nhà Vua cần dựa vào cái thế nhân-dân, phải hòa minh với nhân-dân : «Dân chi sở hiếu, hiếu chi, dân chi sở ố, ố chi.» (phải thích cái thích của dân, phải ghét cái ghét của dân). Ông Vua nào có hành-động bạo-ngược, nghịch với lòng dân tức là trái mệnh Trời. Trong trường hợp này, người khác được quyền «diều dân phạt tội» (cứu dân đánh kẻ có tội). Không-Tử còn nói rằng Vua và dân phải nương-tựa vào nhau, có liên-quan với nhau như tâm-thần với thân-thề.

B.—Mạnh-Tử:

I.—VÀI NÉT VỀ CON NGƯỜI MẠNH-TỬ

Mạnh-Tử húy là Kha, tự là Dur, sinh năm 372 trước Tây-lịch, quán thuộc tỉnh Sơn-Đông (cùng tỉnh với Không-Tử).

Mạnh-Tử là học trò của Tử-Tư (Tử-Tư là học trò Tăng-Tử, Tăng-Tử là học trò Không-Tử). Sau khi Không-Tử mất, Tăng-Tử là người nối tiếp việc mở trường dạy học tại nước Lỗ. Trong Nho-giáo, học phái của ông được coi là chính-truyền. Nhờ theo học phái này nên Mạnh-Tử hiều rõ được cái đạo của Không-Tử.

Mạnh-Tử là người có tài ứng-đối, hùng-biện, diễn-tả mạch-lạc, lý-luân vững-chắc, đã cố-gắng rất nhiều để lèn sáng thêm cái-dạo của Không-Tử. Ông đã chu-du qua nhiều nước như Tề, Lương, Tống, Đằng, muốn có dịp đem cái-dạo của thánh-hiện ra giúp đời. Nhưng cũng giống như trường hợp của Không-Tử, các vua chúa đương thời chỉ lo tranh-dành nhau hơn là lo việc nhân-nghĩa, nên Ông không có cơ-hội thi thố tài-năng.

Khi về già, ông cùng các môn-đệ ghi lại những lời ông đã đối-đáp với các vua-chúa hoặc với môn-đệ, cùng những lời phê-phán của ông đối với các học-thuyết khác, làm thành sách Mạnh-Tử.

Mạnh-Tử mất vào năm 289 trước Tây-lịch. Vì là người có công lớn trong Nho-giáo, ông đã được hậu-thế gọi là Á-Thánh. (Không-Tử được tôn là Thánh).

Sau Mạnh-Tử, Nho-giáo sai-lạc đi nhiều.

II.— QUAN-NIỆM CỦA MẠNH-TỬ VỀ CHÍNH-TRỊ

Giống Không-Tử, Mạnh-Tử cũng thừa-nhận chính-thì quân-chủ. Nhưng ông chủ-trương đất-nước là của chung-mọi người chứ vua không thể coi đất-nước là của riêng-mình.

Một hôm học-trò của ông là Vạn-Chương hỏi ông rằng :

— Vua Nghiêu lấy thiên-hạ cho vua Thuấn, việc ấy có đúng không ?

Mạnh-Tử đáp :

— Không. Thiên-tử không thể lấy thiên-hạ cho người khác được.

— Vậy vua Thuấn có thiên-hạ là ai cho ?

— Trời cho.

— Trời cho, thì chăm-chăm bảo rõ ra hay sao ?

— Không. Trời không nói, chỉ lấy sự hành-vi với sự-nghiệp mà tỏ ra thôi.

Mạnh-Tử còn chứng-minh rằng, quyền cai-trị do Trời trao cho, nhưng dân thuận cho ai người ấy mới được, vì ý dân là ý Trời.

Dân và Trời liên-hệ mật-thiết như vậy, nên trong một quốc-gia, dân phải coi trọng hơn cả. Mạnh-Tử nói : «Dân vi quý, xá-tắc thứ chi,

quân vi khinh» (Dân làm quý, xá-tắc là thứ, vua làm khinh).

Mạnh-Tử rất chú-trọng tới luật-pháp, và cho rằng trong việc trị-nước, phép công là trọng-hơn cả. Ai phạm-tội, cứ theo phép mà trị, dù người có tội là ông Thái-Thượng-Hoàng cũng không tha.

Mạnh-Tử còn đặc-biệt chú-trọng tới quyền-lợi của người dân trong xã-hội. Theo ông, người nắm quyền cai-trị phải chăm-lo việc dân, giúp dân sung-túc, rồi dạy dỗ dân, để dân khỏi làm điều-xâng-bậy. «Dân chi vi đạo dã, hưu hằng sản già, hưu hằng tâm ; vô hằng sản già, vô hằng tâm. Cầu vê hằng tâm, phóng, tịch, tà, xi, vô bất vi dã. Cập hâm hồ tội, nhiên hậu tòng nhị hình chí, thị vông dân dã». (Cái lối của dân là, người có của-sản, thì có sẵn-lòng-tốt ; người không có của-sản, thì không có sẵn-lòng-tốt. Nếu không có sẵn-lòng-tốt, thì sinh ra phóng-dâng, chênh-lệch, gian-tà, càn-dở, không có điều-gì là không-làm. Đến khi phạm-tội, nhiên-hậu mới lấy hình-luật mà trừng-trị, thế là chẳng lười để đánh bấy-dân). Đây là một quan-niệm rất tiến-bộ về xã-hội.

C.— *Nhận-định :*

I.— CHỦ-TRƯƠNG CỦA KHÔNG MẠNH VÀ CHẾ - ĐỘ QUÂN-CHỦ CHUYÊN-CHẾ

Mặc dù cả Không-Tử lẫn Mạnh-Tử đều thừa-nhận chính-thì quân-chủ, nhưng nếu so-sánh chủ-trương của Không-Mạnh với các chế-độ quân-chủ chuyên-chế, ta sẽ thấy nhiều-diểm khác-bié特.

1) Về nguồn-gốc chủ-quyền và vai-trò người cầm-quyền:

Chế-độ quân-chủ chuyên-chế đặt căn-bản trên lý-thuyết thần-quyền, chủ-quyền thuộc về Trời. Nhà-vua thay Trời trị-dân. Trên nguyên-tắc, vua phải chịu-trách-nhiệm với Trời. Nhưng vì ý Trời không rõ, nên trên thực-tế, quyền-hành nhà-vua tuyệt-đối. Ý-muốn của vua là ý-muốn của Trời. Nhà-vua coi đất-nước là của riêng-mình.

Theo Không-Mạnh, chủ-quyền cũng thuộc về Trời, vua cũng thừa-mệnh Trời để trị-dân. Nhưng Trời với dân cùng một-thì nên ý-dân là ý-Trời. Quyền-hành nhà-vua không tuyệt-đối. Vua phải tôn-trọng nguyễn-vọng của dân, phải hành-động hợp với lòng-dân. Đất-nước là của-chung, vua không thể coi như của riêng-mình.

2) Về vai trò và quyền lợi người dân :

Dưới chế độ quân-chủ chuyên-chế, người dân hoàn toàn là kẻ bị trị, bị khinh-rẻ. Nhà vua chỉ biết có Trời chứ không chịu trách-nhiệm với dân. Dân được hưởng quyền-lợi hay không là do ở từ-tâm nhà vua. Vua cho hưởng mới được hưởng, dân không có quyền đòi hỏi.

Theo Không Mạnh, vì Trời và dân có liên-hệ mật-thiết với nhau nên trong một nước, dân đáng quý hơn cả. Vua phải nhờ vào dân, hòa minh sướng, khôn chung với dân. Nếu vua đi ngược lòng dân, dân có quyền phế-bỏ.

II.— CHỦ-TRƯƠNG CỦA KHÔNG MẠNH VÀ CHẾ-DỘ DÂN CHỦ TÂY-PHƯƠNG.

Nhiều người thường cho rằng: Không Mạnh chủ-trương quân-chủ nên đường lối của Không Mạnh không liên-hệ gì tới chế độ dân-chủ. Lập-luận như vậy không vững. Thật ra, nếu đối chiếu với chế độ dân-chủ Tây-phương, ta sẽ thấy chủ-trương của Không Mạnh có nhiều điểm rất tiến bộ.

1) Các đặc-diểm của chế độ dân-chủ Tây-phương :

- a) Chủ-quyền thuộc về dân.
- b) Dân được quyền ủy-nhiệm cho một số người thay mặt cầm quyền cai-trị.
- c) Sinh-hoạt xã-hội, tự-do và quyền-lợi người dân phải được quy-dịnh trên nền-tảng Pháp-luật.
- d) Các quyền lập-pháp, hành-pháp và tư-pháp được phân-biệt rõ ràng.

2) Đối-kiểu với chủ-trương của Không Mạnh :

a) Tại các nước dân-chủ, người cầm quyền phải chịu trách-nhiệm với dân. Theo Không Mạnh, người cầm quyền thừa mệnh Trời. Nhưng ý Trời thè hiện qua lòng dân, nên vua cũng phải chịu trách-nhiệm với dân. Như vậy, tuy quan-niệm về nguồn-gốc chủ quyền có khác nhau, nhưng trách-nhiệm người cầm quyền giống nhau.

b) Tại các nước dân-chủ, qua các cuộc bầu-cử, dân ủy-nhiệm người nào, người đó sẽ nắm quyền cai-trị. Theo Không Mạnh, Trời trao quyền cho vua. Nhưng Trời không trao quyền riêng cho ai. Ai có tài-đức, làm

điều thiện, hợp lòng dân thì Trời trao mệnh cho. Mạnh-Tử còn nói rõ : Quyền cai-trị do trời trao cho, nhưng dân có thuận thì mới được. Như vậy, tuy hình-thức ủy-nhiệm có khác nhau, nhưng kết quả giống nhau, ý-nghịch người dân trong việc chọn người cai-trị đều được tôn-trọng.

c) Chế độ dân-chủ Tây-phương đặc-biệt chú-trọng vào vai-trò của pháp-luật trong việc duy-trì trật-tự xã-hội, và bảo-vệ quyền-lợi người dân. Không-Tử chủ-trương nhân-tri, lấy đức trị dân. Nhưng với thuyết chính-danh định-phận, nếu tất cả mọi người trong xã-hội đều hành-dộng đúng với cương-vị của mình, thì dù không có luật-pháp, trật-tự xã-hội vẫn được duy-trì. Còn Mạnh-Tử đi xa hơn, đã chú-trọng tới luật-pháp, tức là « phép công ». Từ vua tới dân đều phải trọng phép công. Như vậy, chủ-trương của Mạnh-Tử rất gần với chế độ quân-chủ lập-hiến.

d) Chế độ dân-chủ Tây-phương áp dụng sự phân quyền để tránh độc-tài, chuyên-chế. Không Mạnh chủ-trương tập quyền cho việc nước được thống-nhứt. Nhưng không phải tập quyền mà vua có thể chuyên-chế. Vua phải dựa vào ý-nghịch dân để trị nước. Kẻ nào chuyên-chế tức là nghịch lòng dân, trái mệnh Trời, sẽ bị phế-bỏ đi. Như vậy, phương-pháp cai-trị khác nhau, nhưng mục-dịch vẫn giống nhau.

KẾT LUẬN

Qua các nhận xét trên, ta thấy tư-tưởng chính-trị của Không Mạnh quả có đặc-biệt, và nhiều điểm rất tiến-bộ.

Nhưng về sau, tư-tưởng Không Mạnh đã bị sai lạc đi nhiều. Từ đời nọ qua đời kia, người ta vẫn ca-tụng Không-Mạnh, nhưng không ai chịu áp dụng một cách trung-thực tư-tưởng của các Ngài.

Có khi các vua chúa còn cố-ý áp-dụng sai-lạc cái đạo của Không Mạnh để mưu lợi và củng cố địa-vị cá-nhân. Ví-dụ quan-niệm « trung-quân » của Không-Tử, đáng lẽ phải hiều một cách rộng là trung quân-quyền, trung thành với uy-quyền Quốc-gia. Nhưng để bảo vệ địa-vị, các vua chúa đã giải-thích quan-niệm này một cách hẹp hòi là trung-thành với cá-nhân nhà vua, với dòng họ cầm quyền cai-trị !

Vì tư-tưởng của Không Mạnh rất gần với các tư-tưởng dân-chủ sau này, nên Tôn-Dật-Tiên đã có một nhận xét đáng lưu-ý : « Vào thời Không-Tử, Trung-Hoa đã có tư-tưởng dân-chủ, nhưng chưa có một chế độ dân-chủ ».

CÂU HỎI

- 1) Sơ-lược về thân-thể Khòng-Tử.
- 2) Quan-niệm của Khòng-Tử về chủ-quyền Quốc-Gia như thế nào?
- 3) Theo Khòng-Tử, trong khi trị nước, nhà Vua phải hành-động ra sao?
- 4) Theo Khòng-Tử, sự liên-hệ giữa Trời và dân như thế nào?
- 5) Sơ-lược về thuyết chính-danh định-phận của Khòng-Tử.
- 6) Tìm hiểu sơ-lược tinh-thần dân-chủ trong quan-niệm của Khòng-Tử về chính-trị.
- 7) Nói qua về thân thể của Mạnh-Tử.
- 8) Tìm hiểu tinh-thần dân-chủ trong quan-niệm chính-trị của Mạnh-Tử.
- 9) Mạnh-Tử đã quan-niệm về quyền-lợi của người dân như thế nào?
- 10) Những đặc-diểm về quan-niệm chính-trị của Mạnh-Tử.
- 11) Không, Mạnh đã quan-niệm thế nào về nguồn gốc chủ-quyền và vai trò người cầm-quyền?
- 12) Không, Mạnh đã quan-niệm thế nào về vai trò và quyền-lợi của người dân?
- 13) So sánh chủ-trương của Khòng, Mạnh và chế-độ dân-chủ Tây phương.
- 14) Tôn-Dật-Tiên có nhận xét: "Vào thời Khòng-Tử, Trung-Hoa đã có tư-tưởng dân-chủ, nhưng chưa có một chế-độ dân-chủ". Anh hay chỉ nghĩ thế nào về nhận-định này?

BÀI THỨ TƯ

TÔN-VĂN VÀ TAM-DÂN CHỦ-NGHĨA

I.— Thân-thể Tôn-văn

II.— Sự xuất-hiện của Tam-dân Chủ-nghĩa và chính-tình của nước Trung-Hoa

III.— Đại-cương về lý-thuyết và chủ-trương của Tôn-Văn

IV.— Giai-doạn thực-hành Tam-dân chủ-nghĩa

V.— Những điểm khác-bié特 giửa Tam-dân chủ-nghĩa và các học-thuyết khác

VI.— Nhận-định về Tam-dân chủ-nghĩa



I.— THÂN-THỂ TÔN-VĂN

Tôn-Văn tức Tôn-dật-Tiên hay Tôn-trung-Sơn, một chính-trị-gia kiêm học-giả Trung-hoa, sinh năm 1868, tại huyện Trung-Sơn, Quảng-Châu. Lúc nhỏ Tôn-Văn học tại một trường do các Thừa-sai Tin-lành Hoa-kỳ điều-khiển. Mới 13 tuổi cậu bé Tôn-Văn đã tham-gia hoạt-dộng tuyên-truyền Cách-mạng. Lớn lên, Tôn-Văn học thuốc tại Hồng-kông và dỗ cù-nhan y-học và giải-phẫu. Năm 1892, Tôn-Văn hành-nghề tại Ma-cao và bắt đầu thực-sự nhảy vào sân-khấu chính-trị. Năm 1894, Tôn-Văn lập Hưng-trung Hội nhằm lật-đổ triều-dinh Mân-Thanh.

Sau 3 lần mưu toan khởi-nghĩa thất-bại và sau khi bôn-dào qua nhiều nước, Tôn-Văn đã thành-công trong cuộc Cách-mạng Tân-Hợi.

(1911) lật đổ Thanh-trào và được cử làm Lâm-thời Đại Tông-thống. Sau đó, Ông nhường chức cho Viên-thế-Khai. Năm 1915, Viên-thế-Khai định xung đế, nhưng rồi ốm và chết. Trung-Hoa lại bị rơi vào một tình-trạng vô-cùng hỗn-dộn : Nam Bắc phân tranh. Năm 1921, Tôn-Văn trở về Quảng-châu nhận chức Tòng-thống Trung-hoa Dân-quốc. Năm 1925, Tôn-Văn lên Bắc-kinh để tìm cách giải-quyết công cuộc thống-nhất Nam-Bắc. Nhưng lên đến nơi ông bị bệnh và chết đột-ngột.

Tôn-Văn đã có công lật đổ được triều đình chuyên chế Mân-thanh và thiết lập một chính-thề Dân-chủ Cộng Hòa cho Trung-hoa. Ông đã hoạt động xóa bỏ được nhiều bất bình đẳng, thiệt thòi cho Trung-hoa. Một khác, ông là người đã đề xướng Tam-dân chủ-nghĩa và thành-lập một chính đẳng lấy tên là Quốc-dân-đảng để lãnh-dạo công cuộc kiến-thiết nước Trung-hoa.

II.— SỰ XUẤT-HIỆN CỦA CHỦ-NGHĨA TAM-DÂN VÀ CHÍNH-TÌNH TRUNG-QUỐC

Tam-dân chủ-nghĩa của Tôn-Văn xuất hiện giữa lúc chính-tình Trung-quoć đen tối như chưa bao giờ thấy trong lịch-sử nước này.

— Về chính-trị, quần chúng Trung-Hoa bị sống đè nén dưới một chế độ quân-chủ chuyên-chế, thối nát, bưng bít của nhà Mân-Thanh, một dòng họ thuộc Mân-Châu. Cũng vì thế, người dân Trung-Hoa uất-ức tủi nhục như dân một nước bị trị.

— Về xã-hội, quần chúng Trung-Hoa sống trong một xã-hội nhiều-nhương, loạn-lạc khắp nơi. Dân chúng bắt-màn nồi lên chống lại vua quan nhà Mân-Thanh, nhất là dưới hình-thức tôn-giáo.

Đối ngoại, nhà Mân-Thanh áp-dụng chính-sách «bế-quan tỏa-cảng». Lợi dụng sự suy yếu của nhà Mân-Thanh, các cường-quốc dùng vũ-lực xâm-xé Trung-Hoa và bắt ký nhiều hiệp-ước bắt bình-dâng.

Đứng trước nguy-cơ của đất nước, các sĩ-phu Trung-hoa cũng muốn noi gương nước Nhật để duy-tân, cầm đầu phong-trào : Tăng-quốc-Phiên, Tả-tổng-Đường, Lý-hồng-Chương, Khang-hữu-Vi, Lương-khai-Siêu. Nhưng vẫn phải óc thủ-cựu của Từ-hi Thái-hậu và đình-thần Mân-Thanh, phong trào Duy-Tân bị thất-bại.

II.— ĐẠI-CƯƠNG VỀ LÝ-THUYẾT VÀ CHỦ-TRƯƠNG CỦA TÔN-VĂN.

Giữa lúc nhân-dân Trung-hoa quắn-quại như thế, Tôn-Văn khởi xướng Tam-dân chủ-nghĩa và phát-động cuộc Cách-mạng nhằm lật đổ vua quan Mân-Thanh.

Thuyết Tam-dân của Tôn-Văn được xây-dựng trên định-luật tiến-hóa của lịch-sử, noi theo những tư-tưởng chính-thống của nền văn-hóa Trung Hoa. Một mặt, mượn những tư-tưởng tiến-bộ trong các thuyết lớn của Tây-phương, tham-bán cho hợp với hoàn-cảnh của Trung-Hoa. Mặt khác, học-thuyết còn được thử-thách, gạn-lọc qua những kinh-nghiệm học hỏi được trên đường tranh-dấu Cách-mạng.

Học-thuyết gồm 2 phần chính : lý-thuyết và chủ-trương.

1) Lý-thuyết :

Học-thuyết Tam-dân được xây dựng trên nền-tảng triết-học *Dân Sinh*.

Tôn-Văn cho rằng : Dân-Sinh là vấn đề sống còn, là trọng-tâm của lịch-sử. Nói cách khác, cần phải lấy sự sống còn của loài người làm nguồn gốc tiến-hóa của xã-hội.

Con người ai cũng muốn sống, muốn tồn-tại. Chính ý-chí mưu-cầu sống còn này của con người là động-lực thúc đẩy xã-hội trên đường tiến-hóa. Chính ý-chí mưu-cầu sống còn này đã phát-sinh bao sự-nghiệp cách-mạng để mưu-cầu hạnh-phúc cho nhân-quần.

Muốn sống, muốn còn là một thiên-tính (tính-chất tự-nhiên).

Đó là một định-luật (một nguyên-lý). Dựa vào định-luật này, Tôn-Văn kết-luận : Dân-sinh là trọng-tâm của lịch-sử. Đây là nền-tảng của học-thuyết Tam-dân.

2) Chủ-trương :

Căn-cứ vào định-luật trên, Tôn-Văn cho rằng : «*Ở đời muôn sự của chúng* » (Thiên-hạ vi-công). Từ nguyên-tắc căn-bản này, Tôn-Văn chủ-trương dùng cách-mạng để cải-tạo lại xã-hội. Cuộc Cách-mạng chủ-trọng giải-quyết 3 vấn-dề thiết yếu. Vì thế, gọi là Tam-dân chủ-nghĩa.

a) Về phương-diện Dân-tộc :

Căn cứ trên tinh-thần hổ-trợ, cộng-tồn, Tôn-Văn chủ-trương :

Đòi cho Trung-hoa có đầy đủ chủ-quyền, tự-do này-nở, bình-dâng với các dân-tộc khác (bái-bò các hiệp-ước bắt-bình-dâng ký kết giữa Trung-hoa và ngoại-quốc).

Tôn-trọng quyền sống còn của các dân-tộc khác, đồng thời giúp đỡ các dân-tộc lạc-hậu phát-triển thêm. (Hán, Mông Cờ, Mân-Thanh.)

b) Về phương-diện Dân-quyền :

Tôn-Văn chủ-trương làm cho mọi người bình dâng về chính-trị. Nhà nước phải do toàn dân bầu ra và phục-vụ cho quốc dân. Coi đó, Tôn-Văn tán thành chế độ Dân-chủ Tây-phương và nhất là chính thể Tổng-thống của Hoa-Kỳ.

Tuy-nhiên, khác với các quốc-gia Tây-phương hồi đó chỉ phân-biéet có 3 loại công-quyền: Lập-pháp, Hành-pháp, Tư-pháp, Tôn-Văn thêm 2 quyền : quyền khảo-thí và quyền giám-sát. Do đó bản Hiến-pháp do Tôn-Văn chủ-trương gọi là ngũ-quyền hiến-pháp. Mặt khác, đi xa hơn các nước Tây-phương, Tôn-Văn còn đề-xướng cho người dân Trung-hoa 4 quyền chính-trị để tiết-chế quyền-lực chính-phủ : Quyền bầu-cử, quyền sáng kiến luật-pháp, quyền phúc-quyết, quyền hủy-bỏ pháp-luật (Quyền và năng)

Ngoài ra, dân quyền Cách-mạng của Tôn-Văn cũng không hoàn toàn giống thuyết «thiên-phú nhân-quyền» (quyền làm người của Trời cho).

c) Về phương-diện Dân-sinh :

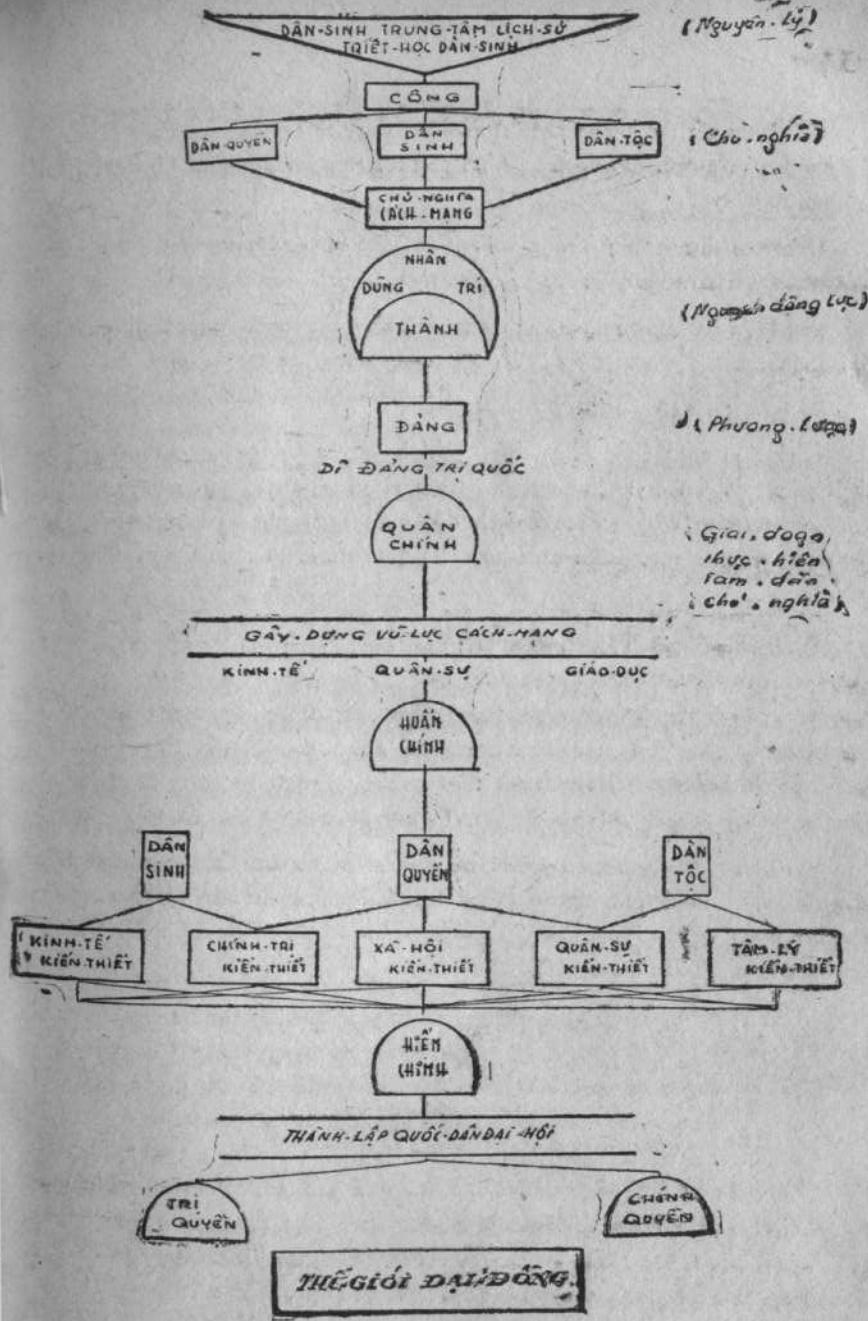
Tôn-Văn chủ-trương : người dân có quyền bình dâng về kinh-tế.

Một đằng, «Bình-quân địa-quyền» nghĩa là làm thế nào cho ruộng đất khỏi tập-trung vào tay một thiểu số, nghĩa là ruộng phải đem chia đều cho mọi người.

Mặt khác, «tiết-chế tư-bản» nghĩa là tránh, không cho tư-bản của tư-nhân bành trướng quá.

Tóm lại, áp-dụng biện-pháp ôn-hòa, Tôn-Văn muốn tránh hiện-tượng giàu nghèo quá chênh-lệch của các nước tư-bản, đồng thời loại bỏ những biện-pháp khốc-liệt, bất-chấp thủ-doan của các nước Cộng-Sản.

IV.— GIAI-DOẠN THỰC-HÀNH TAM-DÂN CHỦ-NGHĨA



Hệ-thống và giai-doạn thực-hiện Tam-dân Chủ-nghĩa

—34—

Có lý-thuyết mà không có hành-động thực-tế thì cũng không gây nổi sức mạnh của nước. Do đó Tôn-Văn chủ-trương Cách-mạng để thực hiện chủ-nghĩa.

Dựa vào thực-trạng Trung-hoa, Tôn-Văn chia công việc thực hiện chủ-nghĩa làm hai thời-kỳ : Kiến-quốc và thế-giới đại-dồng.

a) Muốn đạt được mục-dịch của thời-kỳ thứ nhất, phải trải qua ba giai đoạn :

1) Giai-doạn Quân-chính :

Khởi đầu công cuộc Kiến-thiết, chính quyền Cách-mạng thường gặp nhiều cản-trở, hoặc vì chiến-tranh, hoặc vì sức phản-động, nên phải tri bằng quân-pháp (võ-lực cách-mạng), để quét sạch mọi sức ngăn-trở. Đè xây dựng cách-mạng, phải phối-hợp ba phương-diện : quân-sự, kinh-tế, giáo-dục.

2) Giai-doạn Huấn-chính :

Là thời kỳ cai-trị bằng ước-pháp, nghĩa là cho địa-phương tự-trị, huấn-luyện cho dân chúng xử-dụng bốn quyền (nói trên).

3) Giai-doạn Hiến-chính :

Sau giai-doạn huấn-chính, dân-chúng đã thề thực-hành chủ-nghĩa và thi hành bồn-phận cách-mạng, biết xử-dụng bốn quyền. Cách-mạng sẽ tiến sang thời kỳ Hiến-chính, nghĩa là cai-trị bằng hiến-pháp : thành lập quốc-hội, lựa chọn lịch-sử, hoàn toàn theo ngũ-quyền hiến-pháp. Lúc đó, Chính-phủ là của nhân-dân toàn quốc.

b) Đạt được thời kỳ kiến-quốc, sẽ tiến tới thời kỳ thực-hiện Thế-giới đại-dồng. Tuy không thấy Tôn-Văn đề-cập rõ ràng thế nào là Thế-giới đại-dồng. Nhưng quan-niệm của Tôn-Văn không giống ý nghĩa của thế-giới đại-dồng của Cộng-sản. Theo Tam-dân chủ-nghĩa, đạt được thời-kỳ thế-giới đại-dồng có nghĩa là lúc đó các quốc-gia bình-đẳng nhau trong tinh-thần-tương-trợ, sống trong cảnh thanh-bình đầy đủ mọi quyền tự-do về chính-trị và kinh-tế, không ai bị đè-nén áp-bức.

V.— NHỮNG ĐIỂM KHÁC-BIỆT GIỮA TAM-DÂN CHỦ-NGHĨA VÀ CÁC LÝ-THUYẾT KHÁC

Đại-cương Tam-dân chủ-nghĩa cũng tôn-trọng bốn nguyên-tắc căn-bản:

tiêu-chuẩn cho chế-độ dân-chủ Tây-phương :

Chủ quyền thuộc về dân.

Dân phải ủy-nhiệm cho một số người thay mặt và cai-trị.

Các quyền tự-do phải được tôn-trọng và đặt trên nền tảng pháp-luật.

Các quyền Hành-pháp, Lập-pháp, Tư-pháp phải phân-biệt cho rõ.

Tuy-nhiên giữa Tam-dân chủ-nghĩa và chế-độ dân-chủ Tây-phương có nhiều điểm khác-bié :

— Về phương-diện dân-tộc, Dân-chủ tự-do chủ-trương cho dân-tộc mình giàu mạnh, nhưng coi thường sự sống còn của dân-tộc khác, trong khi Tam-dân chủ-nghĩa áp-dụng tinh-thần hổ-trợ cộng đồng nghĩa là bình-dẳng với các dân-tộc khác, không dùng mạnh hiếp yếu.

— Về phương-diện dân-quyền, Dân-chủ tự-do chủ-trương thiên-phú nhân quyền, trong khi Tam-dân chủ-nghĩa áp-dụng dân-quyền cách-mạng, nghĩa là chánh-phủ phải có năm quyền (Dân-chủ tự-do ba quyền) để làm việc giúp dân. Dân cũng phải có bốn quyền để kiềm-ché chính-phủ. Nói cách khác, Tam-dân quan-niệm không áp-dụng độc-tài cũng không dân-chủ tuyệt-đối. (Một bên dân-chủ tự-do, một bên Dân-chủ tập quyền).

— Về phương-diện dân-sinh, Dân-chủ Tự-do chấp-nhận hiện-tượng giàu nghèo chênh lệch trong xã-hội, trong khi Tam-dân chủ-trương tiết-chế tư-bản, áp dụng biện pháp ôn-hòa để di tói chỗ công-bình.

Tóm lại, Tam-dân chủ-nghĩa có tham-vọng giải-quyết cùng một lúc 3 vấn-dề quan-trọng của mọi xã-hội đặt ra, trong khi chủ-nghĩa Tự-do Tây-phương chỉ giải-quyết vấn-dề dân quyền, Cộng-sản chỉ giải-quyết vấn-dề dân sinh, chủ-nghĩa Phát-xít chỉ giải-quyết vấn-dề dân-tộc.

VI.— NHẬN-ĐỊNH VỀ TAM-DÂN CHỦ-NGHĨA.

Tam-dân chủ-nghĩa đã góp một phần lớn trong công cuộc lật-dò chế-độ quân-chủ chuyên-chế. Sự thành-công của cuộc Cách-mạng Tân-hợi đã gióng lên một tiếng chuông thức-tỉnh dân-tộc Á-châu mất độc-lập, bị



TÔN - DẬT - TIỀN

Người đề-xướng Tam-dân Chủ-nghĩa
và lãnh-đạo cuộc Cách-mạng Tân-Hợi

dè-nén dưới một chính-sách cai-trị khắc-nghiệt. Mặt khác, riêng tại Việt-Nam, phong-trào dành độc-lập cũng đã được cảm-tình và sự giúp đỡ ngay trên đất Trung-hoa của Tân-Văn và các đồng-chí của ông. Ngoài ra Tam-dân chủ-nghĩa còn ảnh-hưởng đến lý-thuyết chính-trị, đường lối cách-mạng của các đảng phái Việt-Nam.

Tuy-nhiên, người ta cũng đã chỉ trích Tam-dân chủ-nghĩa về một vài điểm :

1) Thiếu tính-cách thuần-nhất, Tân-Văn đã xây-dựng Tam-dân chủ-nghĩa bằng cách thâu-góp tất cả cái gì mà tác-giả thấy có thể bắt-chước. Vì quá tham-lam như thế, nên không thể tránh hết được những mâu-thuẫn (Kinh-tế kiều Nga-sô không phù-hop với tư-tưởng truyền-thống của Trung-hoa).

2) Thiếu một cơ-sở tinh-thần trong khi áp-dụng một tổ-chức theo một nhân-sinh mới. Tưởng-giới-Thạch đã nhận thấy khuyết-diểm này, nên đã bô-khuyết bằng cách đề-cao giá-trị tinh-thần của Không-giáo.

3) Tam-dân chủ-nghĩa không đề-cập đến một lớp người giữ vai-trò lãnh-đạo cuộc tranh-dấu chống chế độ quân-chủ để xây-dựng một chế độ dân-chủ.

CÂU HỎI

- 1) Nói qua về thân thế của Tân-Văn.
- 2) Tân-Văn và công cuộc lật đổ chế độ quân-chủ chuyên-chế Mân Thanh.
- 3) Tân-Văn và Tam-dân chủ-nghĩa.
- 4) Tân-Văn đã dựa trên yếu-tố nào để khởi xướng Tam-dân chủ-nghĩa ?
- 5) Tam-dân chủ-nghĩa được xây-dựng trên căn-bản triết-học nào ?
- 6) Mục-đích của Tân-Văn khi chủ-trương Tam-dân ?
- 7) Nguyên-nhân lịch-sử nào đã thúc đẩy Tân-Văn chủ-trương thuyết Dân-tộc. Mục-đích của thuyết này ?
- 8) Về phương-diện dân-quyền so sánh quan-niệm của Tân-Văn và của Tây-phương.
- 9) Chủ-trương của Tân-Văn về phương-diện Dân-sinh.
- 10) So-sánh chủ-trương của Tân-Văn về phương-diện Dân-sinh và quan-niệm Tự-do Tây-phương cũng như của Karl Marx.
- 11) Tân-Văn có đưa ra kế-hoạch rõ rệt để thực-hiện Tam-dân chủ-nghĩa không ?
- 12) Tân-Văn đã đề ra những giai-đoạn nào để thực hiện thời-ky kiến-thiết ?
- 13) Quan-niệm về thế-giới đại-đồng của Tân-Văn có khác với quan-niệm thế-giới đại-đồng của Karl Marx không ?
- 14) Những nguyên-tắc đại-cương của Tam-dân chủ-nghĩa có khác với những nguyên-tắc của Dân-chủ Tự-do không ?
- 15) Ảnh-hưởng của Tam-dân chủ-nghĩa.
- 16) Tam-dân chủ-nghĩa bị chỉ-trích về những điểm nào ?

BÀI THỨ NĂM VÀ SÁU
TINH-THẦN DÂN-CHỦ TẠI VIỆT-NAM

A.— TỔ CHỨC LÀNG XÓM : Xã thôn tự-trị

- I.— Xã là đơn vị căn-bản của chính-sách địa-phương phân quyền
- II.— Quá trình tổ-chức làng xã
- III.— Tính cách dân-chủ trong việc tổ-chức làng xã
- IV.— Hậu quả của chế-độ xã thôn tự-trị

B.— VĂN ĐỀ QUÂN PHÂN CÔNG ĐIỀN

- I.— Quá trình lịch-sử của chế-độ công điền
- II.— Các loại công điền
- III.— Sự cấp-phát công điền
- IV.— Hậu quả của chế-độ công điền

Ở Việt-Nam, tinh-thần dân-chủ thè hiện rõ rệt nơi cách tổ-chức làng xóm theo chế-độ xã-thôn tự-trị và việc quân-phân công-điền.

A.— Tổ-chức làng xóm xã-thôn tự-trị

I.— XÃ LÀ ĐƠN-VỊ CĂN-BẢN CỦA CHÍNH SÁCH ĐỊA-PHƯƠNG PHÂN QUYỀN

Nước ta là một nước nông-nghiệp nên dân-cư thường tụ-tập thành các làng xã để tiện việc canh-tác. Cho nên, xã thường được coi là đơn-vị căn-bản của quốc gia và nhà cầm-quyền đã lưu tâm rất nhiều đến việc chức hành-chánh của đơn-vị căn-bản này.

Từ đầu thế-kỷ thứ mươi, Khúc-Hạo đã chia nước thành lô, phủ, châu và cuối cùng là xã, đơn-vị hành-chánh nhỏ nhất. Từ đó, trải qua bao Triều-đại, từ các thời kỳ tự chủ, các cuộc đô-hộ của Tàu và Pháp, cho đến nay, tuy tổ-chức hành-chánh địa-phương có được sửa đổi nhiều về phân-hat hành-chánh cũng như về tổ-chức điều-hành, xã vẫn còn là một đơn-vị căn-bản. Không những về phương-diện hành-chánh, xã còn là đơn-vị căn-bản về phương diện xã-hội. Theo một số quan-sát-viên ngoại-quốc, sự đồng nhât của dân-cư đối với xã mạnh hơn là đối với ấp, thôn xóm, những đơn-vị nhỏ hơn. Hơn nữa, một trong những yếu-tố mạnh nhất để biểu-thì tính cách đơn-thuần của xã có lẽ là tín-ngưỡng đặt vào vị Thành hoàng của làng. Lúc sau này, vì có sự thay đổi ranh-giới sát-nhập hay phân chia các làng cũ nên hiện nay, có làng xã có tới hai hay ba đình thờ thần. Dù vậy, trong các xã này, vẫn chỉ có một ngôi đình chung cho cả xã. Ngoài ra, theo giáo-sư Vũ-quốc-Thúc, xã còn là đơn-vị căn-bản về phương-diện kinh-tế, nhưng nhận xét này chỉ đúng với các xã ở Bắc phần xưa kia mà thôi.

II.— QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC LÀNG XÃ

Việc tổ-chức làng xã ở nước ta theo chế-độ xã-thôn tự-trị, một đường lối thè-hiện nguyên-tắc địa-phương phân-quyền. Qua mọi thời-đại, sự tổ-chức cơ-cấu hành-chánh vẫn được duy-trì theo nguyên-tắc trên và chỉ sửa chút ít mà thôi.

1) Trước Pháp thuộc :

Việc tổ-chức làng xã có tính cách tự-trị về mọi phương-diện :

a) Hành chánh :

Xã được điều-hành bởi một ban-quản-trị xã do dân địa-phương bầu ra hợp với các tiêu-chuẩn của hương-ước. Ban quản-trị gồm có hai cơ-quan: cơ-quan chấp-hành và cơ-quan quyết nghị.

Cơ-quan quyết-nghị hay Hội-đồng kỳ-mục : Hội-đồng kỳ-mục là một tập-thể không giới-hạn nhân số gồm các thân-hào trong xã, nghĩa là những người hoặc đã đỗ-dạt và đã từng làm quan, những người có phầm-hàm hoặc những người nhiều tuổi. Hội-đồng kỳ-mục không phải là một cơ-quan dân-chủ mà là một tập-thể thân-hào có đủ điều-kiện quy-định bởi hương-ước, làm việc trong một nhiệm-kỳ vô hạn-định. Theo nguyên-tắc, công việc

quản-trị xã thuộc Hội-dồng Kỳ-mục vì chỉ cơ-quan này mới có quyền thảo luận và quyết-định những vấn đề liên-quan đến xã. Nhưng trong thực-tế, việc quyết-định chỉ do ông tiên chi, người đứng đầu hội-dồng này. Đôi khi việc quyết-định được trao cho xã-trưởng trong trường-hợp vị tiên-chi là một vị quan tại-chức, không thường-xuyên ở làng.

Cơ-quan chấp-hành : Cơ-quan này đứng đầu là xã-trưởng hay lý-trưởng và một hay nhiều phó-lý do dân cử, có trương-tuần do Hội-dồng kỳ-mục chỉ-định và các tuần-định giúp việc. Chức-dịch thi-hành các quyết-định của quan trên và của hội-dồng kỳ-mục đồng thời đảm-nhiệm việc gìn-giữ an ninh thôn xóm. Nhiệm-kỳ của các chức-dịch trên thường không hạn định.

b) Tài-chánh :

Mỗi xã có tài-sản riêng. Những tài-sản này gồm các bất-động-sản như ruộng, đất gọi là tư-dân-diền và tư-dân-thờ hay những đất dai riêng của xã và những động-sản như tiền bạc, đồ vật bài trí hay tế tự trong đình làng. Các động-sản do việc cho thuê ruộng, đất, tiền nộp cheo, phạt và, tiền thuế, còn các bất-động-sản do đất bồi hay tư-nhân quyên-tặng.

Đối với các tài-sản trên, xã có quyền quản-trị và xử dụng như cho thuê, bán, cầm cố hay tặng dứt mà không phải chịu sự kiềm-soát chặt-chẽ của cấp trên xã.

c) Tư-pháp :

Mỗi xã đều có pháp-định riêng do một nhân-vật có uy-thể nhất chủ-tọa (xã-trưởng hay tiên chi). Pháp-định xã có quyền xét-xử tất cả những vụ kiện nhỏ, và giàn hình tùy trường-hợp phạt tiền, phạt giam, đánh đòn v.v.... Khi xét xử, pháp-định chỉ căn-cứ vào hương-ước, tục-lệ hay lê công bằng chứ không căn căn-cứ vào luật-pháp.

d) An-ninh :

Mỗi xã tự đảm-nhiệm việc gìn-giữ an-ninh trong xã mình bằng việc quấn phòng do trương-tuần và các tuần-định đảm-nhiệm. Trương-tuần do hội-dồng kỳ mục chỉ định còn tuần-định thì do các trai tráng trong xã tự nguyện hay luân phiên xung vào ban tuần phòng.

e) Tin-ngưỡng, phong-tục, tập-quán :

Mỗi xã có một cách tin-ngưỡng và tục-lệ riêng. Mỗi làng, xã có một vị Thành-hoàng có thề là nhân-thần hoặc thiên-thần. Việc tế tự được thề hiện ở đình làng. Về tục-lệ, mỗi làng, xã có một tục-lệ riêng hoặc có ghi rõ ràng trong hương-ước, hoặc chỉ truyền khâu lưu lại. Tục-lệ được coi như một thứ luật-pháp của xã, nhà chức-trách cấp trên không được can-thiệp : phép vua thua lệ làng.

2) Thời Pháp thuộc (1884-1945).

Trong thời Pháp thuộc, vấn-dề tồ-chức xã-thôn vẫn duy trì với tất cả sắc thái cõi truyền ban đầu vì nhận thấy định-chế này có nhiều ưu-diểm về phương-diện chánh-trị cũng như hành-chánh. Nhưng sau khi ván hồi an-ninh và trật-tự trên toàn lãnh-thổ Việt-Nam, nhà cầm quyền Pháp đã bắt đầu tăng cường sự kiềm-soát. Trên nguyên-tắc xã-thôn vẫn có tính cách tự-trị, nhưng nhiều biện-pháp mệnh-danh là cải-lương hương thôn đã được thi-hành để kiềm-soát cơ-quan quản-trị xã :

a) Ở Nam Kỳ :

Nghị-định ngày 27-2-1904 quy-định mỗi xã có một ban Hội-dồng (Hội-tề) gồm 11 hội-viên ấn-định theo thứ tự : hương-cá, hương-chủ, hương-sư, hương-trưởng, hương-chánh, hương-giáo, hương-quản, thủ-bộ, hương-thân, xã-trưởng và hương-hào chia nhau giữ các nhiệm-vụ ở trong xã. Các hội-viên này được chọn trong giới địa chủ và giới khá giả có học. Quyền-hạn của ban hội-tề bị giảm đi rất nhiều (không được phạt roi, bắt giam người, chỉ được giữ rồi giao cho quan trên xét xử sau v.v..)

Nghị-định ngày 30-10-1937 sửa đổi một chút về điều-kiện để gia nhập ban hội-tề : các công-chức về hưu hay từ-chức cũng có thề gia-nhập hội-dồng.

b) Ở Bắc-kỳ :

Nghị-định ngày 2-8-1921 của Thống-sứ Bắc-kỳ thay Hội-dồng kỳ mục bằng Hội-dồng hương-chính, bãi bỏ những lạm-quyền của các chức-dịch giàu có hay thế lực và ấn-định lại điều-kiện gia nhập Hội-dồng hương-chính dễ-dàng hơn. Hội-dồng hương-chính gồm tối đa là 20 người, đứng đầu là Chánh hương-hội, có phó hương-hội, lý-trưởng, phó-lý và một số nhân-viên, khác giúp việc. Tuy nhiên sự tồ-chức này gặp nhiều khó khăn nên Hội-dồng kỳ-mục lại được lập lại bên cạnh Hội-dồng hương-chính bởi

thông tư ngày 25-2-1927 của Thống-sứ Bắc-kỳ. Hội-dồng kỳ-mục sau có rất ít quyền-hạn và chỉ có nhiệm-vụ Tư-vấn mà thôi.

c) *Ở Trung-kỳ :*

Dự ngày 5-1-1942 quy-định mỗi xã có một cơ-quan quyết-nghị là Hội-dồng hương-chức gồm một số hội-viên đủ 25 tuổi, thuộc thành phần chức sắc hay khoa-bảng và một cơ-quan chấp-hành gồm lý-trưởng, phó-lý và ngũ hương (hương-bộ, hương-bản, hương-kiêm, hương-mục, hương-dịch) giúp sức...

3) Sau Pháp-thuộc :

a) *Thời chánh-phủ Bảo-Dai :*

Ở Trung : nghị-định ngày 8-9-1949 quy-định mỗi xã có một cơ-quan quyết-nghị là Hội-dồng trị-sự gồm 5 vị trưởng-tộc, 10 vị thân-hào lựa chọn trong danh-sách do lý-trưởng lập, nhiệm-vụ của Hội-dồng là lập ngân-sách xã, quản-trị tài-sản xã và chỉ-định các tiêu-ban phụ-tá cho lý-trưởng; và một cơ-quan chấp-hành gồm lý-trưởng, và một tiêu-ban phụ-tá.

Ở Bắc và Nam : không có văn-kiện nào trừ sắc-lệnh số 34 NV ngày 9-3-1953 ban bố tính-cách pháp-nhân cho xã, án-định quy-chế các xã cùng là nhiệm-vụ của cơ-quan đại-diện xã. Từ đây mỗi xã có một Hội-dồng hương-chính gồm có chủ-tịch, phó chủ-tịch, tòng thư ký và một số ủy-viên phụ-tá không quá 9 người. Nhiệm-vụ của hội-dồng là cai-trị hương-thôn, quản-lý tài-sản xã. Hội-dồng có quyền quyết-nghị và mỗi tháng phải họp ít nhất hai lần.

b) *Thời chánh-phủ Ngô-đình-Diệm :*

Xã vẫn có tính cách pháp-nhân nhưng một số văn-kiện (thông tư số 802BPTT/VP ngày 28-6-1956 và dụ số 57A ngày 24-10-1956) đã hạn chế một phần nào chế-độ tự-trị với việc bồ-nhiệm nhân-viên Hội-dồng xã của Tỉnh-trưởng sở tại. Ban quản-trị đổi thành ban đại-diện xã và sau này, vì cần đối phó với những âm mưu của Cộng-sản, xã được tổ-chức dưới hình thức những Ấp chiến-lược.

c) *Từ Cách-mạng 1.11.1963 đến nay :*

Tổ-chức hành-chánh xã rất ít thay đổi, chánh-quyền Trung-ương vẫn duy-trì tính cách tự-trị của xã thôn. Lúc này Ấp chiến-lược đổi thành Ấp Tân-sinh.

III.— TÍNH-CÁCH DÂN-CHỦ TRONG VIỆC TỔ-CHỨC LÀNG XÃ

1) *Sự tự-trị của xã thôn về mọi phương-diện :*

Việc tổ-chức và điều-hành các xã dựa vào chính-sách địa-phương phân-quyền, một phương-pháp tổ-chức hành-chánh nhằm mục-đich bảo-vệ quyền-lợi của địa-phương và giúp cho dân-chúng địa-phương được quyền tham-dự vào công việc cai-trị địa-phương, chánh-quyền trung-ương chỉ giữ vai-trò kiềm-soát hay giám-sát chứ không can-thiệp trực tiếp vào nội-bộ xã-thôn. Sự kiện này nói lên tính-cách tự-trị của các xã-thôn. Tính cách này thể hiện rõ rệt qua các điểm sau :

a) Ban quản-trị xã gần như độc-lập với nhà chánh-trách cấp trên vì nhân-viên ban quản-trị không do chánh-phủ bồ-nhiệm mà do dân-chúng địa-phương lựa chọn bằng bầu-cử hay rút thăm. Trước thế kỷ 15, các xã-quan do triều-dinh bồ-nhiệm, nhưng từ năm 1467, đời vua Lê-thánh-Tông, chánh xã-quan bị bãi bỏ và thay thế bằng chánh xã-trưởng do dân bầu lên. Ban quản-trị xã có quyền quyết-định các vấn-dề liên-quan đến làng xã và quyền-lợi của dân địa-phương.

b) Xã có đầy đủ tư-cách pháp-nhân, có tài-sản và công-sản riêng.

c) Xã có pháp-định riêng để xét xử các vụ kiện-tụng xảy ra giữa dân trong xã.

d) Xã nào cũng có một cơ-quan tuần-phòng riêng cho xã mình để phụ-trách công việc an-ninh trong xã.

e) Xã nào cũng có phong-tục tập-quán riêng mà nhà cầm-quyền cấp trên phải tôn-trọng — phép vua thua lê làng.

2) *Sự độc-lập nhưng không biệt-lập với cấp trên :*

Tuy được hưởng một chế-độ tự-trị rộng rãi, thôn xã cũng không biệt lập như những tiều-quốc mà vẫn có liên-hệ với cộng đồng rộng lớn, vẫn chịu sự kiềm-soát hay giám-sát của cơ-quan công-quyền bậc cao. Sự kiềm-soát này có mục-đich duy-trì mối liên-hệ giữa đơn vị hành-chánh căn-bản và cộng đồng quốc-gia. Sự kiềm-soát này thường chỉ nhắm vào các cơ-quan đại-diện xã và các hành-vi của họ :

a) *Về cơ-quan đại-diện :*

Sự kiềm-soát có mục-đich xét xem việc tổ-chức và điều-hành có hợp hay không với những tiêu-chuẩn chung mà cấp trên đề ra : thành

phản ban đại-diện, điều-kiện về lý-lịch, tuổi-tác, trình độ văn-hóa của các chức-sắc.v.v...

b) Về hành-vi của cơ-quan đại-diện :

Việc kiềm-soát có thể là :

Kiềm-soát tinh-cách thích-ứng của các hành-vi : Các cơ-quan đại-diện được quyền quyết định rộng-rãi về tất cả các việc trong làng xã nên dễ-dàng có những lạm-quyền, nhiều khi phương-hại đến quyền-lợi của dân cùng là quyền-lợi quốc-gia. Việc kiềm-soát này có thể ngăn ngừa được những tệ-hại trên trong công việc quản-trị làng xã.

Kiềm-soát tinh-cách hợp-pháp của các hành-vi : Sự kiềm-soát này cốt ngăn-ngừa những hành-động có thể vi-phạm hay trái với luật-lệ của làng xã cũng như của quốc-gia.

Kiềm-soát sự quản-lý tài-sản của xã: như thuế-khoa, việc chi thu cũng như việc quản-phân công-diễn, công-thò. Nói chung, sự giám-sát về phương diện hành-chánh và tài-chánh của nhà cầm-quyền bắc cao đối với làng xã cốt để ngăn giữ những sự lạm-dụng có thể xảy ra của các viên-chức cấp xã đồng-thời để gây một ảnh-hưởng tốt về phương-diện chánh-trị và duy-trì được nền thống-nhất quốc-gia. Tuy nhiên, sự kiềm-soát này chỉ hạn-chế một phần nào chứ không hủy-diệt tinh-cách tự-trị của xã thôn.

IV — HẬU-QUẢ CỦA CHẾ-ĐỘ XÃ THÔN TỰ-TRỊ

1) Hậu-quả tốt :

a) Về phương-diện chánh-trị và hành-chánh :

Chế-độ xã thôn tự-trị đã tiết-chế được phần nào tính cách chuyên-chế và độc-đáo của chế-độ quân-chủ thời cồ. Ngoài ra, chế-độ này còn giúp cho nhà cầm-quyền giải-quyết được nhiều vấn đề quan-trọng như : thiết-lập được một cơ-cấu hành-chánh khá vững chắc, hoạt-động khá điều-hòa, mà không tốn hao công-quỹ, khỏi phải lo lắng về gánh nặng do binh-lính dồn-trú tại địa-phương để duy-trì an-ninh công-cộng v.v...

a) Về phương-diện xã-hội :

Đã tạo ra một «tinh-thần xã thôn», một tinh-thần ganh đua, một tinh-thần tha thiết với quê hương xứ sở và một tinh thần trách-nhiệm liên-dời đáng khen.

Bút ký
(Nguyễn Hoan)

c) Về phương-diện kinh-tế :

Chế-độ thôn xã tự-trị đã thể-hiện được một nền kinh-tế tự-cấp, tự-túc.

2) Hậu-quả xấu:

a) Về phương-diện chánh-trị và hành-chánh :

Sự tự-trị, đã đưa đến nạn cường-hào, bè-phái độc-quyền cai-trị, bóc lột dân-chúng bằng cách phù thu, lạm-bồ.

b) Về phương diện xã-hội :

Tinh-thần xã thôn thể-hiện thái quá đã làm nảy sinh ra óc thủ-cựu, quan-liệu, trọng hư danh khiến cho mọi cài-tò đề theo kịp đà tiến hóa, đe cài-thiện đời sống nông-thôn gấp trót-ngại hay đình-trệ.

a) Về phương-diện kinh-tế :

Tinh-chất tự-túc, tự-cấp của nền kinh-tế nông-thôn cũng như việc ruộng đất bị tách-phân làm cho kinh tế nông-nghiệp khó phát-triển, công nghệ và thương-mại không phát-dạt.

B.— VĂN-ĐỀ QUẢN-PHÂN CÔNG-DIỄN :

I — QUÁ-TRÌNH LỊCH-SỬ CỦA CHẾ-ĐỘ CÔNG-DIỄN

Công-diễn là những luồng thuộc quyền sở-hữu của quốc-gia hay của riêng các làng xã. Trên nguyên-tắc, tất cả ruộng đất đều thuộc nhà vua và nhà vua có toàn quyền xử-dụng, phân phôi ruộng đất đó. Những công-diễn này được tạo lập và xử dụng một cách khác nhau tùy theo thời đại:

1) Từ nhà Ngô đến Tây-Sơn (940-1788) :

Sau khi dành lại quyền tự-chủ cho quốc-gia, Ngô-Quyền đã thiết-lập một chế-độ công-diễn và đem ruộng đất phân phát cho các Tướng sĩ hữu công. Các vua thời Tiền Lê, Lý, Trần, cũng theo cách trên, đem ruộng đất cấp phát cho công thần, quý-tộc dựng thái ấp, diền trang. Sự phân phát công-diễn chỉ thể-hiện đối với giai-cấp thống-trị mà thôi. Mãi đến năm 1397, dưới sự khuyến-cáo của Hồ-quý-Lý, Trần-thuận-Tông đã ban chiếu hạn-định thứ-dân không được có quá mươi mẫu, ruộng thừa phải nộp quan, người nào phạm tội được phép đem ruộng chuộc tội. Trong thời gian này, sự phân-phát công-diễn đã áp-dụng cho cả dân nghèo nưa. Đến hậu Lê, Lê-Lợi đem ruộng đất tịch-thu của bọn theo giặc Minh, cường-hào, nhân thời loạn chấp chiếm ruộng đất và ruộng đất bỏ.

hoang tao-lập thành công-diền và đem một phần cấp-phát cho công-thần, quý-tộc, quan-lại, quân-lính và nhân-dân. Vua Lê-thánh-Tôn còn chú-trọng đến khẩn-hoang để lập các sở đồn-diền. Trong giai-doạn này, ngoài quốc-khổ-diền, công-diền đã cấp-phát, ta còn thấy xuất-hiện một loại công-diền trong xã thôn nữa.

2) Thời Tây-Sơn (1789-1802) :

Từ thế-kỷ 16 trở về sau, chế-dộ công-diền không khác gì dưới triều Lê-Thánh-Tôn. Chỉ sau cuộc khởi-nghĩa của Tây-Sơn, chế-dộ công-diền mới thay đổi: chế-dộ sở-hữu của nhà nước về ruộng đất bị bai-bô, chỉ duy-trì một số rất ít quốc-khổ-diền nhưng chế-dộ sở-hữu của xã-thôn lại phát-triển, tất cả đất dai-cấp cho quý-tộc, quan-lại bị thu hồi và chia cho tá-diền biến họ thành những tiều-nông già.

3) Từ nhà Nguyễn đến nay :

Sau khi thành-lập Nguyễn triều, các vua nhà Nguyễn đều tìm cách củng-cố đế quyền, tái-lập chế-dộ phong-kiến, lập lại chế độ công-diền, đem ruộng đất cấp-phát cho quý-tộc, quan-lại có công, chỉ để lại một ít cấp cho dân nghèo. Sang thời Pháp thuộc, nhà cầm-quyền Pháp đã không can-thiệp trước sự chém hưu ruộng đất của thực dân và địa-chủ thế-lực. Ngoài ra việc cho phép bán hay cho thuê dài hạn đã khiến cho sự phân-phát công-diền cho dân nghèo gần như bị hủy-diệt. Từ đó đến nay, chế độ phân phát công-diền chỉ còn tồn-tại trên nguyên-tắc.

II - CÁC LOẠI CÔNG ĐIỀN

Từ thời nhà Trần, công-diền được chia làm hai loại :

1) Quốc-khổ-diền :

Loại ruộng thuộc vào kho tài sản của nhà nước, do nhà nước trực tiếp điều-khiển việc canh-tác hoặc cho thuê lấy hoa-lợi vào việc chỉ dùng của nhà nước.

2) Công-diền :

Loại ruộng công của nhà nước hoặc là thuộc-quyền sở-hữu của xã thôn. Những ruộng này có được nhờ xung-công những ruộng quá số hạn định cho thường dân, đất bồi, đất khẩn hoang, ruộng do dân nộp chuộc tội, ruộng đất mua được hay do quyên-tặng (trường hợp công-diền của xã). Những ruộng thuộc quyền sở-hữu của xã thôn còn gọi là tư-dân-diền.

III - SỰ CẤP-PHÁT CÔNG ĐIỀN

1) Công-diền thuộc sở-hữu quốc-gia :

Việc cấp-phát công-diền được thể-hiện dưới ba danh-hiệu tùy theo hàng người được cấp-phát :

a) Phong-cấp công-diền :

Đó là sự cấp phát công diền cho các hàng quý-tộc hay quan-lại có công. Việc phong cấp nhằm cấp lương kiều tự-cấp tự-túc đồng thời tạo cho họ một quyền lực tại địa-phương trọng nhậm rất cần thiết cho việc cai-trị. Ruộng được phong-cấp có tính cách không triết-dề và không vĩnh-viễn. Các người thụ-hưởng sau khi chết đi hay mất chức, con cháu chỉ được hưởng một phần rất ít ruộng thế-nghiệp còn phải trả lại triều-đình. Cách phong-cấp không triết-dề và vĩnh-viễn này chỉ đặt ruộng đất thuộc quyền sở-hữu tạm thời của người được cấp, giúp họ hưởng-quyền tò thuê phần đất đó trong thời-gian nào đó mà thôi.

b) Quản-cấp công-diền :

Đó là cách cấp phát công-diền cho quân lính của triều-đình. Việc quản-cấp nhằm trả lương kiều tự-cấp tự-túc theo chính-sách "ngụ binh ư nông" thời bình cho binh lính thay phiên nhau về làm ruộng, thời chiến có thể chiêu mộ lại đầy đủ.

c) Dân cấp công-diền :

Đó là cách cấp-phát ruộng cho dân-chúng, thường là dân nghèo. Việc dân cấp nhằm giúp đỡ dân nghèo có ruộng đất canh-tác sinh-nhai, đồng-thời tránh sự bóc-lột của diền-chủ đối với tá-diền. Các người được cấp ruộng không được làm sở-hữu chủ vĩnh-viễn đất đó, mà phải luân-phiên nhau. Sự cấp phát này được ấn-dịnh tùy theo địa-vị, tuổi tác và gia-cành.

2) Công-diền thuộc sở-hữu của thôn xã :

Theo chế-dộ xã thôn tự-trị, mỗi xã đều có một số công-diền do sự mua-lại bằng hoa-lợi của xã, hoặc bằng sự quyên-tặng của tư-nhân. Việc cấp-phát này không có tính-cách triết-dề và vĩnh-viễn, số ruộng và thời-gian cấp-phát không nhất-dịnh. Những người được hưởng sự cấp-phát công-diền là :

a) Chức-dịch :

Lý-trưởng, phó-lý được cấp-phát một số ruộng gọi là ruộng bút-chì.

b) Quân lính :

Ngoài số ruộng quân-cấp của nhà nước, quân lính còn được chia một số ruộng đất ở làng xã nhiều ít tùy theo luật-lệ xã cũng như việc môt lính khó hay dễ.

c) Dân-đình :

Các tráng-đình, dân nghèo trong làng xã đều có thể được cấp ruộng đất cấy cầy tùy theo số công-diền của xã.

Ngoài ra, những người trông coi về việc thờ tự, tín ngưỡng cũng được cấp một số ruộng công, lấy hoa lợi sinh nhai cũng như dùng vào việc tế tự.

IV.— HẬU-QUẢ CỦA CHẾ-ĐỘ CÔNG ĐIỀN

1.— Hậu-quả tốt :

Sự cấp-phát công-diền đặc tính không triệt-dè và không vĩnh-viễn đã nêu lên được phần nào tinh-thần dân chủ : không tạo lập nên một giai-cấp quý thế-tập, cách biệt với nông-dân. Về phuong-diện chánh-trị, chế-độ công-diền có tác-dụng duy-trì sự thống-nhất quốc-gia, tạo điều-kiện cho nhân-dân liên-kết chặt-chẽ với nhau trong công cuộc chống thiên-nhiên, đền-sản xuất. Về phuong-diện xã-hội, chế-độ công-diền đã duy-trì được sự quan-bình về tài-sản trong dân-chúng, chánh-sách hạn-diền đã không cho phép địa-chủ chấp-chiếm nhiều ruộng đền-bóc lột dân nghèo hay biến họ thành nô-tùy của các lãnh-chúa. Về phuong diện kinh-tế, sự cấp-phát công-diền đã đem lại một nền kinh-tế tự-cấp tự-túc.

2) Hậu-quả xấu :

Tuy nhiên, chế-độ công-diền cũng đem lại nhiều ảnh-hưởng tai hại. Sự tồn-tại của chế-độ sở-hữu của nhà nước làm cho quá trình tư-hữu-hóa về ruộng đất bị ngăn-trở, do đó ảnh-hưởng trực-tiếp đến tình hình phát-triển của công, thương nghiệp.

CÂU HỎI

- 1) Xã thường được coi là đơn-vị căn-bản của địa-phương ở những phuong-diện nào ?
- 2) Cách tổ-chức làng-xã trong thời Pháp thuộc.
- 3) Trong thời Pháp thuộc, sự tự-trị của làng-xã có còn không ?
- 4) Xã-thôn đã được tự-trị về những phuong-diện nào ?
- 5) Sự giám-sát của nhà chánh-trách bậc trên ra sao ?
- 6) Chế-độ xã-thôn tự-trị có những hậu quả gì ?
- 7) Chế-độ công-diền theo lịch-sử.
- 8) Có những loại ruộng công nào ?
- 9) Cách phân-phối công-diền.
- 10) Hậu quả của chế-độ công-diền.

CHẾ-DỘ DÂN-CHỦ Ở TÂY-PHƯƠNG

Tây-phương hiện nay, có thề hầu hết các quốc-gia đều áp-dụng chế độ dân-chủ, dù còn sót lại một vài quốc-gia hình-thức bề ngoài vẫn theo chính-thề quân-chủ.

Ngay như Nga-Sô, thực-chất của chế-dộ là độc-tài, nhưng vẫn đeo nhân-hiệu dân-chủ "nhân-dân".

Nhìn qua lịch-trình tiến-hóa của chế-dộ dân-chủ ta thấy nó phát-khởi từ Anh-quốc, rồi tiếp theo là Hoa-Kỳ, Pháp và lan dần tới các quốc-gia khác.

BÀI THỨ BÁY SỰ TIẾN-TRIỀN CỦA CHẾ-DỘ DÂN-CHỦ TẠI ANH-QUỐC

- I.— Từ Đại Hiến-chương đến quân-chủ lập-hiến
- II.— Thể-chế hiện nay
- III.— Nhận-định

I. TỪ ĐẠI HIẾN-CHƯƠNG ĐẾN QUÂN-CHỦ LẬP-HIẾN

Anh-quốc tuy là một nước quân-chủ, nhưng thực sự người dân Anh được sống dưới chế-dộ dân-chủ từ lâu. Lịch-sử chính-trị Anh quốc đã có một ảnh-hưởng mạnh-mẽ đến việc xây-dựng chế-dộ này trên thế-giới. Sự tiến-triển tuy chậm-chạp nhưng vững-chắc và ôn-hòa, qua nhiều giai đoạn.

1.— Giai đoạn manh-nha : (thế-kỷ 11 đến 13)

Năm 1066 Anh quốc bị người Normand cai-trị. Tuy nhiên, họ không rành các phong-tục tập-quán địa-phương nên họ phải đề cho các chư-hầu một quyền tự-trị rộng-rãi. Thỉnh thoảng, vua cho triệu-tập các lãnh-chúa để hỏi ý-khiến trong việc điều-khiền quốc-gia. Sự hội-hop trở nên cần-thiết và đều đặn. Hình thức nghị-viện bắt đầu manh-nha từ đó.

2) Giai-doạn dân-chủ-hóa (thế kỷ 13 đến 18)

Sang đến thế-kỷ 13 thì Anh-quốc bắt đầu chuyen mình. Dưới thời vua Jean sans Terre, thuế má quá cao, một số quý-tộc, tu-sĩ đã đưa ra một bản thỉnh-nguyện đòi nhà vua phải cho họ được quyền biểu-quyết về thuế-má, đồng thời luôn cả quyền được phản-dối nhà vua mỗi khi vua làm sai.

Ngoài ra còn có những diềm :

- Quyền tự-do cá-nhân phải được bảo đảm.
- Quy-định quyền-hạn của nhà vua.
- Phải có tòa-án để xét-xử tội nhân.

Đó là nội-dung của bản *Đại Hiến-chương (Magna Charta) năm 1215*. Nhà vua phải nhượng-bộ và hàng năm phải hỏi các chư-hầu để thương-negi. Chế-dộ nghị-viện được phát-sinh từ đó. Đến năm 1350 thì hội-dồng này tách làm đôi : Quý-tộc-viện và thứ dân-viện. Lúc đầu Quý-tộc-viện có nhiều quyền, nhưng sau thứ-dân-viện đã chiếm ưu-thể trong việc soạn-thảo những đề-nghi liên-quan đến quyền-lợi của dân-chúng. Tuy Nghị-viện đã dành được quyền lập-pháp nhưng nhà vua vẫn còn quyền phủ-quyết, quyền không thi-hành các đạo-luat của nghị-viện và ký các sắc-luat riêng.

Năm 1679, đạo-luat Habeas Corpus công-nhận dân Anh có một số quyền căn-bản và năm 1689 đạo-luat Bill of Rights dành hẳn quyền lập-pháp cho Quốc-hội, nhà vua chỉ giữ quyền hành-pháp.

3) Giai-doạn dân-chủ thực-sự (Thế kỷ 18 đến nay)

Đến thế-kỷ 18 từ vua George I trở đi, vốn dòng Hanovre (Đức) các nhà vua hoặc không biết tiếng Anh, hoặc nhu-nhuợc, hoặc quá trẻ nên quyền hành-pháp đều nằm trong tay các Thủ-Tướng, mà các vị này đa-số đều là người tài-giỏi, nên dân Anh được hưởng một chế-dộ khá cởi mở, còn nhà vua chỉ có tính cách tượng-trưng mà thôi.

Tới năm 1911, đạo-luật Parliament Act ra đời, dành gần hết quyền lập-pháp cho Hạ-nghị-viện. Và tới năm 1928, quyền đầu-phiếu được phô-thông bắt kẽ nam nữ, thì chế độ dân-chủ Anh quốc hoàn toàn thực hiện, Nhà vua không còn quyền như trước mà phải theo một hiến-pháp, theo một chính-thề quân-chủ lập-hiến đặc biệt.

II.— THỀ-CHẾ HIỆN NAY

Anh quốc có chính-thề là quân-chủ, chế-dộ là dân-chủ và thề-chế Nghị-viện (régime parlementaire) hay Nội-cá-cá-chế (danh-từ trong chương-trình CDGD 64-65). Thề ché là hình-thức tồ-chức để thực-hiện chế-dộ.

Thề-chế này có đặc điểm :

1) Quốc-trưởng vô trách-nhiệm.

2) Nội-cá-cá chỉ-dịnh do Quốc-trưởng và chịu trách-nhiệm trước Quốc-hội.

3) Quốc-hội có quyền lật-dò chính-phủ và Quốc-trưởng có quyền giải-tán Quốc-hội.

1) Quốc-trưởng vô-trách-nhiệm :

Quốc-trưởng nước Anh hiện-thời là Nữ-hoàng. Nữ-hoàng chỉ có tính cách tượng-trưng. Trên giấy tờ, Anh hoàng giữ nhiều chức-trưởng, quyền tuyên-chiến, giải-tán quốc-hội, bồ-nhiệm công-chức, chấp-nhận các đạo-luật v.v.. Nhưng trên thực-tế, Anh-hoàng chỉ thông qua các đề-nghị của Nội-cá-cá. Tục ngữ Anh có câu : « King cannot do wrong » (Vua không bao giờ làm sai cả), muốn vậy vua sẽ không có trách-nhiệm gì cả, và không có trách-nhiệm thì không có quyền. Tuy nhiên dân Anh rất tôn kính Anh-hoàng.

2) Cơ-quan lập-pháp : Quốc-hội

Anh-quốc theo chế-dộ Lưỡng-viện : Quý-tộc-viện và Thủ-dân-viện.

a) Quý-tộc-viện :

Quý-tộc-viện không do dân cử mà do nhà vua chỉ-dịnh, nhiệm-kỳ có thể suốt đời. Số nghị-sĩ không nhất-định có thể tới hàng ngàn, nhưng đì-hop chỉ độ 50 vị. Trước kia, viện này quyền rất lớn, nhưng từ năm 1911 vai-trò chỉ là tư-vấn, và có thể đình-hoãn ban-hành một đạo-luật thường, nhưng không quá hai năm. Sở-dĩ như vậy, vì Quý-tộc-viện không phản-ản được ý-nguyện của dân.

b) Thủ-dân-viện :

Do dân bầu ra gồm 625 vị, nhiệm-kỳ 5 năm. Bầu theo lối phò-thông đầu-phiếu trực-tiếp và kín. Nam cũ-tri 21 tuổi và nữ 30 tuổi. Trung-bình cứ 50.000 dân thì có một dân-biều. Thủ-dân-viện có quyền chấp-thuận ngân-sách, biều-quyết các đạo-luật, tấn-phong hay lật-dò Nội-cá-cá...

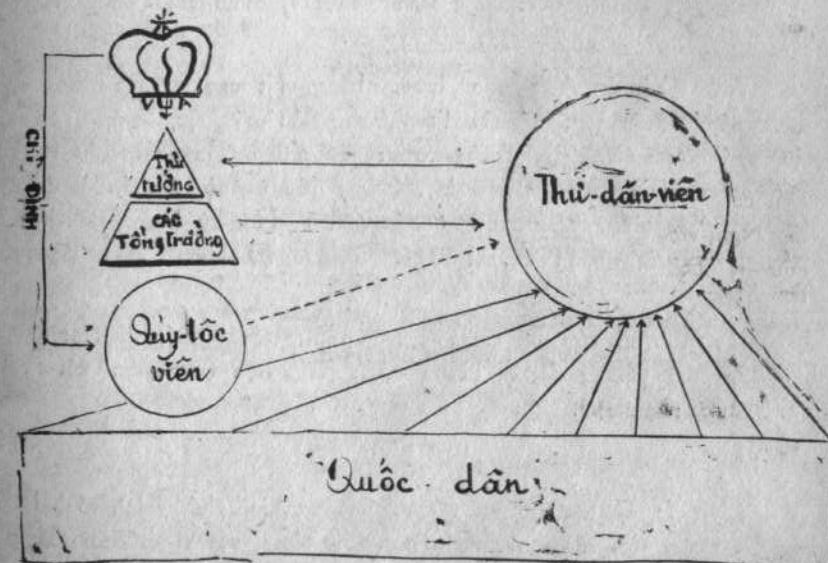
Hạ-nghị-viện có thể bị Quốc-vương giải-tán theo lời đề-nghị của Nội-cá-cá.

3) Nội-cá-cá :

Nội-cá-cá Anh gồm có Thủ-tướng, và các vị Tòng-trưởng.

a) Thủ-tướng :

Do nhà vua chỉ-dịnh, thường thường nhà vua chọn trong đảng da-số thắng cử ở Thủ-dân-viện. Thủ-tướng là chủ-tịch nội-cá-cá, đứng ra đàm-phối-hợp các vị Tòng-trưởng.



Hệ-thống Tầm-chức Công-quyền tại Anh-quốc

b) Các Tông-Trưởng :

Do Thủ-tướng đề-cử và được Quốc-vương chấp-thuận, Tông-trưởng cũng như Thủ-tướng cũng chọn ở đảng da-số. Như vậy, tránh được sự bất đồng ý-kien với Quốc-hội.

Nội-các là một khối thống-nhất và đồng-nhất, chịu trách-nhiệm chung với nhau, liên-hệ mật thiết với Hạ-nghị-viện, chịu sự chi-phối của đảng da-số. Vì vậy, Nội-các ở Anh ít khi có sự bất tín-nhiệm đối với Quốc-hội đến nỗi phải từ chức.

Nhưng, Nội-các có quyền yêu-cầu Hạ-nghị-viện giải-tán, qua một cuộc trưng-cầu dân-ý.

4) Cơ quan Tư-pháp :

Quyền tư-pháp ở Anh-quốc do các tòa-án đảm nhiệm và hoàn toàn độc-lập đối với Hành-pháp. Các thàm-phán đều do chính-phủ bồ-nhiệm và được tái chức trọn đời nếu không có lỗi làm gì.

Hiện nay, mỗi khi muốn cất chức một vị thàm-phán, thì phải được Quy-tộc-viện và Thứ-dân-viện biểu-quyết.

Thàm-phán ở Anh-quốc lương bồng rất cao và rất được sự tín-nhiệm của dân-chúng. Ở các địa-phương đều có các tòa-án, có tính-cách khá độc-lập đối với Trung-ương, tuy nhiên, vẫn phải chịu sự kiềm-soát của nền Tư-pháp Trung-ương. Đầu ngành tư-pháp là Nguyên-lão Nghị-viện giống như Tối-cao pháp-viện ở Hoa-kỳ hướng-dẫn bởi một chức-vị Đại-pháp-quan (Lord High Chancellor) kiêm luôn Bộ-trưởng Tư-pháp.

Dân Anh hết sức tôn trọng nguyên tắc : trước pháp luật ai ai cũng bình đẳng nên không đặt ra Hành-chánh pháp-viện (cơ quan xét-xử các công-chức phạm-tội).

5) Các chính đảng :

Anh-quốc theo chế-độ lưỡng-đảng đối-lập. Cuối thế-kỷ 19, có hai đảng Bảo-thủ và Tự-do, về sau có thêm đảng Lao-động và Ái-nhĩ-lan quốc-dân. nhưng đảng sau này chấm dứt, khi Ái-nhĩ-lan được độc-lập. Hiện nay, thực sự có hai đảng chia nhau nắm chánh-quyền, đó là đảng Bảo-thủ và Lao-động còn các đảng khác coi như không đáng kể. Khi một đảng lên nắm quyền, không bao giờ dùng thủ-doan để tiêu-diệt đảng kia và vẫn tôn-

trọng đặc-biệt, như hỏi ý kiến về đường lối ngoại-giao, chính-trị. Lãnh-tụ phe đối-lập mỗi năm được hưởng lương chừng 2.000 Anh kim cốt để điều-khiển những cuộc công-kích chính-phủ, một việc rất cần-thiết cho việc hoạch định đường lối chính-trị của chính-phủ, Dân Anh có tinh-thần dân-chủ rất cao, nên sẵn sàng thâu-nhận mọi ý-kien gắt-gao của phe đối-lập.

III.— NHẬN-ĐỊNH VỀ CHẾ-ĐỘ DÂN-CHỦ Ở ANH

Anh-quốc là một quốc-gia có một nền dân-chủ rất đặc-biệt. Khéo léo ở cách tồ-chức vừa dung-hòa được truyền-thống dân-tộc, với tính-cách hợp-lý và chặt chẽ, tinh-thần dân-chủ đã được nuôi dưỡng hàng mấy trăm năm, lại không gò bó trong những khuôn-khổ nên nền dân-chủ nước Anh rất vững chắc. Ta thấy Chế-độ đó có các đặc-diểm như sau:

— Nội các rất vững vàng : So với Pháp trong khoảng 37 năm đã có 45 Nội-các bị lật đổ (1875-1912), mỗi Nội-các Anh-quốc tồn-tại rất lâu, có Nội các đứng vững tới 8, 9 năm. Lý do là Nội-các Anh có nhiều quyền, hướng dẫn luôn cả Quốc-hội. Quốc-hội ít khi đặt vấn-dề tín-nhiệm Nội-các, và ngược lại, quyền giải-tán Quốc-hội là một thực quyền. Sau nữa, Đảng-phái ở Anh rất ít, nên không có cảnh chia năm sẽ bay như ở Pháp.

— Dân Anh rất tôn-trọng quyền đối-lập. Đối với họ, đối-lập là một cách xây dựng đường lối của Chính-phủ rất cần-thiết. Chính-phủ phải thâu-nhận mọi ý-kien chánh-đáng dù là gắt-gao. Bởi thế lãnh-tụ phe đối-lập hàng năm được tới 2.000 Anh kim tiền lương. Đó cũng là một tiêu-biểu của tinh-thần dân-chủ.

— Dân-chúng có rất nhiều quyền, tiêu-biểu là quyền tham-chánh. Nội-các Anh tuy có tính cách biệt-lập đối với Quốc-hội, nhưng thực ra các vị Thủ-tướng, Tông-trưởng đều ở trong các đảng da số có uy-tín đối với Quốc-hội. Thủ-Tướng vừa là lãnh-tụ đảng da số vừa là Chủ-tịch cơ-quan Hành-pháp. Như vậy, gián tiếp dân đã điều khiển cả hai cơ-quan trọng-yếu trên.

— Dân-chúng được Luật-pháp bảo đảm rất chặt-chẽ, không có sự bắt-bớ giam cầm trái phép. Đối với Luật-pháp dù là công-chức cao-cấp hay thường dân đều được xét-xử ở cùng một tòa-án như nhau.

Người Anh đã có câu : « Luật pháp của Anh hoàng phải ngừng lại ngưỡng cửa người dân từ 6 giờ chiều đến 6 giờ sáng ».

— Người dân Anh được hưởng quyền tự-do ngôn-luận rất rộng rãi. Họ có thể phát-biểu mọi ý-khiến dù là đề chống lại chính-phủ một cách công khai như ở công-viện Hyde Park. Báo chí cũng vậy, ngay trong thời chiến-tranh cũng không có chế-độ kiêm-duyệt.

Tóm lại, chế-độ dân-chủ Anh-quốc là một chế-độ tiêu-biểu. Người dân Anh không những có một tinh-thần dân-chủ cao, nhưng tinh-thần đó còn được thể-hiện qua cách tổ-chức khéo léo, đã làm cho mọi người được hưởng những quyền tự-do tốt đẹp nhất thế-giới.

CÂU HỎI

- 1) Tổ-chức chính-trị tại Anh có đặc điểm gì ?
- 2) Hai cơ-quan Hành-pháp và Lập-pháp ở Anh, cơ-quan nào giữ vai trò trọng yếu ?
- 3) Sự tiến-triển của nền dân-chủ Anh quốc có gì đặc-biệt ?
- 4) Chế-độ lưỡng-đảng đối-lập có những ưu khuyết điểm nào ?
- 5) Người ta bảo rằng, cách tổ-chức chính-trị Anh-quốc vừa dung hòa được tính cách cõi-truyền, vừa hợp với trào-lưu tiến-hóa, hãy giải-thích ý-khiến đó.

BÀI THỨ TÁM

HOA-KỲ

A.— Cuộc cách-mạng dành độc-lập

B.— Thể-chế hiện-tại : Tổng-thống ché

●

A.— Cuộc cách-mạng dành độc-lập:

Từ thế-kỷ 17 đến thế-kỷ 18, người Âu-châu di-cư sang Mỹ-châu lập thành nhiều vùng thuộc-dịa. Anh, Pháp có những thuộc-dịa rộng lớn ở Bắc Mỹ, còn Trung và Nam-Mỹ, đa-số thuộc Tây-ban-Nha.

Sang hậu-bán thế-kỷ 18, dưới thời Anh hoàng George III, những thuộc-dịa của Anh ở Bắc-Mỹ nòi lên chống lại chính-quốc về chính-sách thuế-khoa bất-công cũng như sự bất-bình-dâng về quyền-lợi giữa dân chính-quốc và dân thuộc-dịa. Nhiều cuộc động độ xảy ra năm 1770. Năm 1774, năm mươi lăm đại-biều của các thuộc-dịa họp ở Philadelphia, lập bản tuyên-ngoân nhân-quyền, xác-nhận chủ-quyền của dân-tộc Mỹ và quyết-định lập phong-trào kháng-chiéñ.

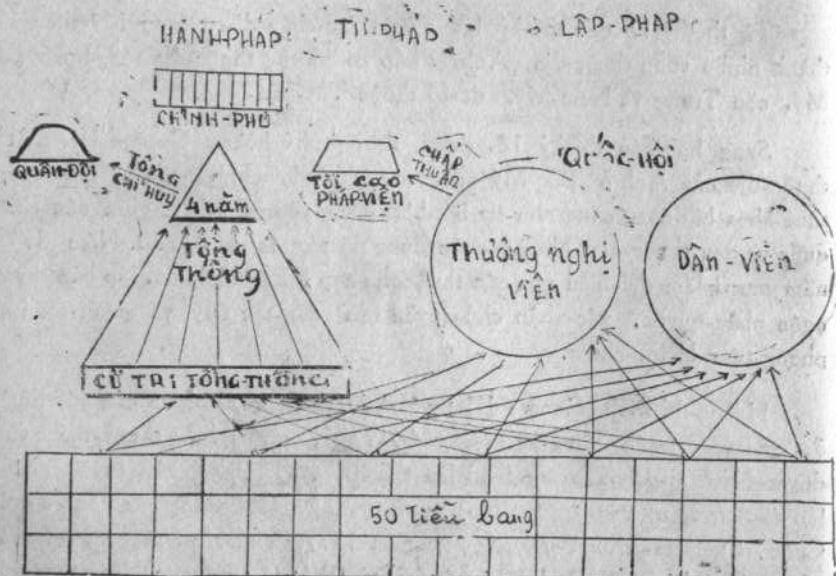
Hoàng-đế Anh George III tuyên-bố tình-trạng nổi-loạn của các thuộc-dịa và chiến-tranh bùng-nổ. Ngày 4-7-1776, mười ba thuộc-dịa vùng duyên-hải Đại-Tây-Dương, họp lần thứ hai tại Philadelphia, tuyên-bố độc-lập cản-cứ trên tư tưởng triết-học về tự-do và bình-dâng của con người. Cuộc chiến-tranh bùng-nổ thực-sự năm 1777 và nhờ sự giúp-dờ của một số người tinh-nguyễn Ba-lan (Kociusko) và Pháp (La Fayette), các thuộc-dịa này dưới sự chỉ-huy của George Washington đã chiến-thắng quân Anh, dồn

họ vě bán-dảo Yorktown năm 1781. Đến năm 1783, Anh phải ký hòa-ước Versailles công-nhận nền độc-lập của các thuộc-dịa này.

B.— *Thể-chế hiện-tại : Tổng-thống-chế*

Sau khi hoàn-thành cuộc cách-mạng dành độc-lập, Hoa-kỳ trở thành một quốc-gia độc-lập và theo chế-độ dân-chủ. Đại-diện của 13 tiểu bang của Hoa-kỳ lúc đó hội-hợp tại Philadelphia (1781) đề thảo-luận về một thể chế chung. George Washington đã đề-xướng việc thành-lập một quốc-gia liên-bang Mỹ và được mọi người tán-thành. Bản hiến-pháp đầu tiên được công-bố năm 1787 xác-định sự ra đời của Hiệp-chung-quốc Hoa-kỳ dưới hình thức một nước Cộng-hà dân chủ và theo chế-độ Tông-thống. Hiến-pháp này ban hành và bảo-dảm tất cả các quyền-lợi tự-do dân-chủ của toàn dân. Từ ngót hai thế-kỷ nay, Hiến-pháp đầu tiên vẫn tồn-tại và được làm sáng tỏ bởi 21 tu chính án sửa đổi về chi-tiết. Ngày nay, Hoa-kỳ là một liên-bang gồm 50 tiểu bang.

Tuy cùng một lãnh-thổ, một khối dân, liên-bang Hoa-kỳ áp dụng hai loại thàm-quyền : thàm-quyền tiểu-bang và thàm-quyền liên-bang. Hiến-



Hệ-thống tò-chức Công-quyền tại Hoa-kỳ

pháp của liên-bang quy-định quyền-hành của toàn liên-bang, nên trên nguyên tắc : liên-bang có ưu-thế hơn các tiểu-bang, nhưng không vì thế mà lấn át quyền của các tiểu-bang. Về tò-chức chánh-trị, mỗi tiểu-bang có một hệ-thống công-quyền riêng, hiến-pháp riêng phân phối quyền chánh-trị trong phạm-vi thàm-quyền của mình. Quyền hành pháp trao cho một vị Thống-đốc do dân cử theo lối phò-thông đầu-phiếu. Thống-đốc có các cộng-sự viên cũng do dân cử giúp việc. Quyền tư-pháp trao cho các pháp-quan cũng do dân cử của các tòa-án tiểu-bang đảm-nhiệm.

Mặc dầu, có nhiều hiến-pháp và tò-chức khác nhau, các tiểu-bang vẫn không vượt ra ngoài hay mâu-thuẫn với các nguyên-tắc căn-bản của liên-bang.

L.— *CƠ QUAN LẬP PHÁP : QUỐC HỘI*

1) Tò-chức Quốc-hội :

Quốc-hội Hoa-kỳ gồm hai viện :

a) *Thượng-nghị-viện :*

(*khai với Anh Quốc*)

Viện này tượng-trưng cho tinh-thần liên-bang và còn được gọi là nguyên-lạc nghị-viện. Mỗi tiểu-bang, không kể lớn nhỏ, dân số, được cử hai đại-biều vào thượng-nghị-viện. Dân-biều được bầu theo lối phò-thông đầu-phiếu. Ứng viên phải trên 30 tuổi. Nhiệm kỳ dân-biều thượng-nghị-viện là 6 năm, cứ hai năm thì bầu lại một phần ba.

b) *Hạ-nghị-viện :* (*26 tuổi*)

Viện này gồm những đại-biều do dân chúng trong toàn liên-bang bầu vào theo thề-thức phò-thông đầu-phiếu. Số dân-biều thuộc hạ-nghị-viện nhiều ít tùy theo số dân của tiểu-bang, cứ 210.000 người lại có một đại-biều trong hạ-nghị-viện. Các dân-biều phải trên 26 tuổi và có nhiệm-kỳ là hai năm và có thể tái cử.

2) *Nhiệm-vụ và quyền-hạn của Quốc-hội:*

Quốc-hội Hoa-kỳ có những khóa họp thường lệ và bất thường. Khóa họp đầu năm được bắt đầu vào ngày 3 tháng giêng.

a) *Nhiệm-vụ :*

Quốc-hội có nhiệm-vụ làm ra luật. Cả hai viện đều có quyền ngang nhau :

— Một dự-luat muỗn được đệ-trình đề phê-chuẩn và đem ra thi-hành phải được cả hai viện chấp-thuận.

— Nếu hai viện bất đồng ý-khiến thì một ủy-ban hồn-hợp gồm những đại-diện của hai viện được thành-lập và cứu-xét và quyết-định chung.

b) *Quyền-hạn :*

Quốc-hội có những đặc-quyền :

— Sửa đổi hiến-pháp.

— Kết tội Tòng-thống. Trong trường-hợp này, Thượng-nghị-viện sẽ truy-tố và hạ-nghị-viện kết-tội.

— Biểu-quyết ngân-sách quốc-gia.

Tuy nhiên, Thượng-nghị-viện được hơn quyền về ngoại-giao (duyệt y các hiệp-ước), về hành-chánh (chấp nhận sự bồi-nhiệm công-chức cao cấp) vv...

II.— CƠ-QUAN HÀNH-PHÁP : CHÁNH-PHỦ

1) Tổ-chức chánh-phủ :

Chánh-phủ gồm Tòng-thống đứng đầu, phó Tòng-thống và các Bộ trưởng giúp việc :

a) *Tòng-thống :*

Tòng-thống là nguyên-thủ quốc-gia đồng thời là thủ-trưởng của cơ-quan hành-chánh. Tòng-thống được bầu bằng một cuộc đầu-phiếu hai cấp : cấp một, dân bầu đại-biểu Tòng-thống ; cấp hai, Đại-biểu Tòng-thống bầu Tòng-thống. Thực ra, việc bầu cử Tòng-thống diễn-tiến qua ba giai đoạn. Giai đoạn đầu là *giai-doan chỉ-dịnh ứng-cử-viên ra tranh-cử* và thuộc về nội-bộ của các đảng phái chánh-trị. Mỗi đảng đều mở đại-hội để bầu hai người ra tranh-cử : một ứng-cử-viên Tòng-thống và một ứng-cử-viên phó Tòng-thống. Giai đoạn thứ nhì là *giai-doan bầu các Đại-biểu bầu cử Tòng-thống*. Vào năm tranh-cử, ngày thứ hai của tuần lề thứ hai tháng thứ 11, các công-dân Hoa-Kỳ sẽ di bầu những đại-biểu thay mặt mình bầu cử Tòng-thống và phó Tòng-thống. Giai đoạn cuối cùng là *giai-doan bầu-cử Tòng-thống* : vào ngày thứ hai của tuần thứ 2 năm sau năm tranh-cử, các đại-biểu bầu cử Tòng-thống di bầu Tòng-thống và Phó Tòng-thống. Giai-doan này không mấy quan-trọng vì dân-chúng đã có thể biết kết-quả căn-cứ

vào kết-quả về số đại-biểu bầu cử Tòng-thống được bầu trong giai-doan hai của mồi đảng. Tuy nhiên, hiến-pháp Hoa-Kỳ cũng trù-liệu trường-hợp không ứng-cử-viên nào chiếm được đa-số tuyệt-đối trong giai-doan cuối cùng. Lúc này, Hạ-nghị-viện sẽ bầu Tòng-thống trong số 3 người được nhiều phiếu nhất. Trường hợp này chưa thấy xảy ra, vì Hoa-kỳ theo chế-dộ lưỡng-đảng, Tòng-thống Hoa-kỳ có nhiệm-kỳ là bốn năm và có thè tái cử một lần. Ứng-cử-viên Tòng-thống phải trên 35 tuổi, có quốc-tịch Hoa-Kỳ và phải cư ngụ tại đó 14 năm liền.

b) *Các viên-chức trong chánh-phủ :*

Bộ-trưởng, thứ-trưởng, phụ-tá, đều do Tòng-thống bồi-nhiệm và bái-miễn. Các vị này chỉ là người thừa-hành của Tòng-thống trong phạm-vi chuyên-môn, nên chỉ hoạt-dộng theo chỉ-thị của Tòng-thống mà không có quyền-lực chánh-trị riêng biệt.

2) *Nhiệm-vụ và quyền hạn của chánh-phủ :*

Chánh-phủ có nhiệm-vụ điều-khiển guồng máy hành-chánh quốc-gia.

a) *Tòng-thống :*

Nắm trọn quyền hành-pháp, có nhiệm-vụ bảo-vệ sự thi-hành luật-pháp có quyền lập-quy, ban-hành sắc-lệnh, đạo-luat đã được quốc-hội biểu-quyết. Đối nội, Tòng-thống đứng đầu cơ-quan hành-pháp, được quyền bồi-nhiệm hoặc bái-miễn các công-chức, theo dõi mọi hoạt động của các công-sở, làm Tòng-tư-lệnh quân-dội. Ngoài ra, Tòng-thống Hoa-Kỳ còn có quyền phủ-quyết các dự-luat do quốc-hội biểu-quyết. Đối ngoại, Tòng-Thống đại-diện Hợp-Chung-Quốc, bồi-nhiệm lãnh-sự, đại-sứ, thừa-nhận các tân quốc-gia. Tòng-thống không chịu trách-nhiệm trước Quốc-hội nhưng chịu trách-nhiệm trước quốc-dân.

b) *Các Bộ trưởng :*

Bộ-trưởng chỉ là phụ tá của Tòng-thống, có nhiệm-vụ thừa-hành những chỉ-thị của Tòng-thống và chỉ chịu trách-nhiệm trước Tòng-thống về phạm-vi của mình đảm-trách. Các viên-chức nội-các không được đồng thời kiêm nhiệm một chức vụ nào trong cơ-quan lập-pháp.

III.— CƠ-QUAN TƯ-PHÁP : PHÁP-VIỆN

Quyền tư-pháp thuộc về tối-cao pháp-viện và một hệ-thống tòa-án từ liên-bang tới tiểu-bang. Pháp-viện tối-cao nắm-quyền tư-pháp và được điều-hành bởi 9 vị thẩm-phán tai-chức suốt đời và có rất nhiều uy-tín với dân

chung. Tối-cao pháp-viện được lập nên để bảo-vệ hiến-pháp, kiềm-soát tính-cách hợp-hiển của các đạo-luat của quốc-gia. Sự kiềm-soát này đã làm cho cơ-quan tư-pháp trở thành cơ-quan trọng tài tối cao của quốc-gia.

Cơ-cấu của nền tư-pháp gồm 3 loại tòa-án :

1) Tòa-án quận :

Tòa-lạc khắp trong nước có nhiệm-vụ xét-xử hầu hết các vụ án liên-bang,

2) Tòa thương-thẩm :

Mà phần lớn công-việc là tái-thẩm những quyết-nghị của tòa-án quận.

3) Tối-cao pháp-viện :

Ở Hoa-Thịnh-Đốn, chỉ xét-xử những vụ quan-trọng nhất và có quyền chung-quyết.

Ngoài ra, Hoa-kỳ còn có cả một hệ-thống tòa-án địa-phương được tò-chức và xét-xử theo những luật-lệ của từng tèu-bang và một số các tòa-án chuyên-môn như tòa-án quan-thuế, khiếu-nại v.v.. Những tòa-án này không do tối-cao pháp-viện trực-tiếp giám-thị nhưng vẫn phải tuân theo các luật-lệ do quốc-hội thông-quá và tối-cao pháp-viến đã giải-thích.

IV.— CÁC CHÁNH-ĐẢNG

Ở Hoa-kỳ, chỉ có hai đảng lớn : đảng Cộng-hòa và đảng Dân-chủ.

1) Đảng Dân-chủ :

Đảng dân-chủ là đảng quy-tập những người chuyên về nghề nông và chủ trọng đặc-biệt đến quyền lợi của nông-dân miền Nam. Họ chủ-trương chế-độ địa-phương tự-trị, phản đối sự buôn bán độc-quyền và sự liên-hiệp của bọn đại tư-bản doanh-nghiệp. Tuy nhiên, khuynh-hướng này đã thay đổi nhiều. Đảng dân-chủ là đảng đang nắm chánh-quyền tại Hoa-kỳ.

2) Đảng Cộng-hòa :

Đảng này có nhiều thế-lực ở miền Bắc nơi mà kỹ-nghệ rất phát-triển. Họ bênh-vực cho các ngành kỹ-nghệ ở miền Bắc và miền Đông, nên chủ-trương giải-phóng hắc-nô còn bị ràng-buộc vào đồng ruộng miền Nam để giải-quyết vấn-dề nhân-công cho kỹ-nghệ. Họ còn chủ-trương chế-độ trung-tư-tập-quyền, phát-triển ngoại-thương, hàng-hải.

Hiện-nay, hai đảng giữ một vai-trò quan-trọng trong sinh hoạt chánh-trị tại Hoa-kỳ.

V.— LIÊN-HỆ GIỮA CÁC CƠ-QUAN CÔNG-QUYỀN

Các cơ-quan công-quotient Hoa-kỳ được phân-lập theo nguyên-tắc phân quyền khá chặt-chẽ : quốc-hội không có quyền bỏ-phiếu bất tín-nhiệm để lật đổ Tòng-thống cũng như Tòng-thống không được lấy cớ xung-dot chánh-biến để giải-tán quốc-hội. Tuy nhiên, sự phân-quyền chỉ đem lại tính cách độc-lập cho từng cơ-quan chứ không trở thành biệt-lập.

1. — Về các đạo-luat:

Quốc-hội biều-quyết các dự-luat nhưng Tòng-thống có quyền phủ-quyết những dự-luat đó, không phê-chuẩn hay thi-hành. Ngược lại, quốc-hội có thể chống lại Tòng-thống trong việc biều-quyết các đạo-luat liên-quan đến việc thi-hành chánh-sách của Tòng-thống. Ngoài ra pháp-viện cũng có quyền tuyên-bo vô hiệu-lực những đạo luật bắt hợp hiến hoặc những quyết-nghị hay yêu-sách quá đáng của Tòng-thống trong những hành-dộng có thể vi-pham luật lệ.

2) Về việc bỏ-nhiệm nhân-viên chánh-phủ, các nhân-viên tư-pháp cao cấp :

Tòng-thống có quyền đề cử, nhưng phải có sự đồng-ý của Thượng-nghị-viên.

3) Về việc ký-kết các hiệp-ước :

Thông-thống có thể ký-kết và phê-chuẩn các hiệp-ước nhưng phải được sự chấp-thuận của hai phần ba tòng số dân-biểu thuộc Thượng-nghị-viên.

VI.— NHẬN-ĐỊNH VỀ CHẾ-ĐỘ TỒNG-THỐNG CỦA HOA-KỲ

1) Ưu-diểm :

a) Nguyên-tắc phân quyền được triệt-để áp dụng :

Ba cơ-quan công-quotient độc-lập với nhau, luôn luôn tôn-trọng lẫn nhau không quyền nào lấn-át quyền nào. Chính nhờ đặc-diểm này mà chánh-phủ mới đứng vững suốt nhiệm-kỳ Tòng-thống, mới thực-hiện được những dự-dịnh, chương-trình một cách trọn vẹn.

b) Chế-độ mạnh nhưng không độc-tài :

Nhờ tòchức cơ-quan hành-pháp theo lối nhât đầu nêu Tòng-thống có

rất nhiều quyền, nhưng không vì thế mà có thể trở thành độc-tài dù rằng đa số nghị-sĩ lưỡng-viện cũng thuộc một đảng với Tông-thống. Một nhà chánh-trị Pháp đã minh-chứng điều này cho rằng « Sau ngày cuối cùng của nhiệm-kỳ, Tông-thống Hoa-kỳ ra khỏi Bạch-cung như Cincinnati trở về cày ruộng. Nếu ông muốn được tái-nhiệm, ông phải vận-động tranh-cử với mọi sự khó-nhọc không khác gì một ứng-cử thường... Mặt khác, Tông-thống chỉ có thể xử-dụng chính quyền trong phạm-vi luật-pháp hiện-hành. Nếu Tông-thống có những sáng-kiến vượt ra ngoài phạm-vi ấy, thì Tông-thống phải nhớ rằng : Ông chỉ là một người chấp-hành ở bậc cao ».

2) Khuyết điểm :

Chế-độ Tông-thống của Hoa-kỳ cũng không phải hoàn toàn tốt đẹp. Sự dành một vài ưu-quyền của hành-pháp đối với lập-pháp và ngược lại có thể làm đình trệ guồng máy quốc gia, nếu có sự bất đồng giữa hai cơ-quan nhất là trong trường-hợp số nghị-sĩ Quốc-hội cùng đảng với Tông-thống chỉ chiếm thiểu số.

CÂU HỎI

- 1) Cuộc cách-mạng dành độc-lập của Hoa-kỳ diễn-tiễn ra sao?
- 2) Sơ lược cách tò-chức chánh-quyền tại Hoa-kỳ.
- 3) Quốc-hội Hoa-kỳ được tò-chức ra sao?
- 4) Nhiệm-vụ và quyền-hạn của cơ-quan lập-pháp của Hoa-kỳ.
- 5) Cách tò-chức và điều-hành cơ-quan hành-pháp.
- 6) Nhiệm-vụ và quyền-hạn của Tông-thống và các cộng-sự-viên.
- 7) Cơ-quan tư-pháp tại Hoa-kỳ.
- 8) Chứng tỏ sự không biệt-lập giữa các cơ quan công quyền tại Hoa-kỳ.
- 9) Liên-hệ giữa cơ-quan công quyền tại Hoa-kỳ.

BÀI THỨ CHÍN

SỰ TIẾN-TRIỂN CỦA NỀN DÂN-CHỦ PHÁP

- A.— Nguyên-nhân trí-thức của cuộc Cách-mạng Pháp.
B.— Thủ-ché của đệ III' và đệ IV Cộng-hòa Pháp.

a.— Nguyên-nhân tri-thức của cuộc Cách-mạng Pháp

I.— CUỘC CÁCH-MẠNG 1789

Cuộc Cách-mạng Pháp 1789 là tên gọi một cuộc Cách-mạng xẩy ra ở Pháp, một cuộc Cách-mạng kéo dài đến mười năm.

Biến-cố này quan-trọng không những đối với nền chính-trị của nước Pháp mà còn mở-màn cho một tư-trào dân-chủ lan tràn qua các nước Âu-Châu và toàn thể thế-giới.

Cuộc Cách-mạng khởi đì một cách ôn-hòa, rụt-rè đưa chế-độ quân-chủ chuyên chế sang một nền quân-chủ lập-hiến, theo mẫu của Anh. Nhưng, từ 1792 đến 1799, cuộc Cách-mạng tiếp-dài một cách mạnh-mẽ, lật-dò hẳn chế-độ quân-chủ để thiết-lập một nền Cộng-hòa, qua bao cuộc vật-lộn đẫm máu.

Chế-độ Cộng-hòa đã được thiết-lập trên máu lửa, nhưng không tồn-tại được lâu dài, hoặc trung-thành mãi với một hiến-pháp. Cho đến nay, nước Pháp đã trải qua năm nền Cộng-hòa và đã xé bỏ hàng chục bản Hiến-pháp. Mặc dầu vậy, nền dân-chủ Pháp vẫn là một nền dân-chủ thực sự, một nền dân-chủ kiều-mẫu qua bao thử-thách, thêm bớt...

II.— VAI TRÒ CỦA TƯ TƯỞNG ĐỐI VỚI CUỘC CÁCH MẠNG

Cách-mạng mà không lôi cuốn được sự đồng tình của quần-chúng, Cách-mạng sẽ thất-bại. Vậy, chính tư-tưởng là những khí-giới: bén nhọt thúc đẩy quần-chúng nghe theo Cách-mạng.

Trong lịch-sử các cuộc Cách-mạng trên thế-giới, người ta đều nhận thấy, bất cứ cuộc Cách-mạng nào cũng có một trào lưu tư-tưởng, hoặc chính-trị, hoặc tôn-giáo, hoặc xã hội dẫn-dạo. Cuộc Cách-mạng 1789, sở-dĩ được thành công, một phần lớn, chính là nhờ ở những tư-tưởng triết-học sắc bén, mới mẻ của Voltaire, Montesquieu, Rousseau.. và nhóm Bách khoa toàn-thư.

Thoạt đầu, những tư-tưởng mới này len lỏi vào hàng-ngũ trí-thức quí-tộc, nghị-sĩ, sau mới lan-tràn vào giới lao động, bình dân, bằng những bài báo, những bài thơ diễu cợt, bằng cách rỉ tai. Những tư-tưởng đó, dần dần trở-thành đe-tài của một hội-thảo, một buổi nói chuyện, hoặc được tuyên-truyền trên báo, viết trên các tờ truyền-đơn. Lúc đầu, đại đa số dân-chúng còn nứa tin nứa ngờ, đến sau, họ thấy những tư-tưởng đó trở thành những điều tin-tưởng của họ, do chính họ phát-huy.

Sự tiến-diễn của Cách-mạng sẽ theo nhịp-dộ phát-triển của tư-tưởng.

Sự công-phá của tư-tưởng có khi tiếp-diễn một cách chậm-chạp. Nhưng cũng như nước đục được đá, tư-tưởng đã đem đến cho quần chúng những ảo-ánh tốt-dẹp, những hy-vọng mới và sự tin-tưởng mỗi ngày một sắt đá vào sự thành công của Cách-mạng. Trong khi đó những kẻ còn do dự, phản-dộng mắt dần tin-tưởng vào chính-quyền. Họ dâm ra ngờ vực chính-nghĩa. Họ cho rằng Cách-mạng như nước thủy-triều dâng lên không còn cách nào chặn đứng được, mà có chống lại cũng vô ích, trái lại còn nguy-hiểm vào thân. Chính không-khí dao-dộng, cầu-an này cũng đã làm cho chính-quyền dâm ra ngờ vực chính-mình, hoài nghi cả những điều mà xưa nay họ vẫn tin-tưởng. Phe chính-quyền dần-dần suy yếu. Lúc đó, tình thế đã chín mùi, Cách-mạng có thể bùng-nổ.

III.— NHỮNG NGUYỄN-NHÂN TRÍ-THỨC ĐÃ ẢNH-HƯỞNG TỚI CUỘC CÁCH MẠNG 1789

Thế-kỷ XVII đã tìm ra được khoa-học mới, đề-xướng một nền triết-học mới, căn cứ trên phương-pháp thực-nghiệm và hợp-lý. Quan-niệm mới đã biến những quan-niệm trước kia về thế-giới, thành cũ kỹ. Nền triết-học mới đã xâm-nhập vào giới quý-tộc, trưởng-giả. Lớp người

mày lớn tiếng đề-cao tiễn-bô, khinh rẻ lè-lối cũ và cõi vô cho tự-do cá nhân của con người. Chính quan-niệm triết-học mới này đã góp công lớn trong việc đà-phá chế-độ cũ và xây-dựng quan-niệm mới, chế-độ mới.

— Voltaire. Nổi bật hơn cả là Voltaire (1697-1778). Voltaire chủ trương đặt lại vấn-đề : hoan-hô cái mới, đà-dão cái cũ. Voltaire đã gây ảnh-hưởng sâu xa tới cuộc Cách-mạng Pháp.

— Montesquieu và cuốn *Vạn pháp tinh lý*: (1699-1775). Mượn ý của Locke, Montesquieu chủ-trương chia quyền-hành của quốc-gia ra làm 3 : Hành-pháp, Lập-pháp, Tư pháp. Chính thuyết phân-quyền này với mục đích quân-bình súc-mạnh của quốc-gia, đã được áp-dụng tại Hoa-ky.

— Rousseau và cuốn *Xã-Uớc* (1712-1778). Trong cuốn Xã-Uớc, Rousseau chủ-trương một nền dân-chủ không Quốc-hội, không đảng-phái. Ông cho rằng : Quyền là của Dân, và do toàn dân xú-dụng... Thuyết của Rousseau đã ảnh-hưởng một cách sâu-xa tới cuộc Cách-mạng Pháp và các trào-luồng Dân chủ của thế kỷ XIX.

— Nhóm Bách-khoa toàn-thư ; Trong hậu-bán thế kỉ XVIII, nhóm Bách-khoa toàn-thư, dưới sự hướng-dẫn của Diderot và d'Alembert, đã góp công lớn trong việc truyền-bá tư-tưởng mới. Sự tự-do mà mỗi cá-nhan được hưởng phải được thực-hiện ngay khi con người bắt đầu hiểu biết. Đây là một tín-diều mới. Chính Adam Smith đã muốn ý-niệm này để đem áp-dụng sang địa hạt kinh-tế và đặt ra chủ-nghĩa Kinh-tế Tự-do.

— Chủ-trương của môn phái trọng nông đòi áp-dụng một nền kinh-tế Tự do cùng góp phần vào việc củng cố lập trường của Cách-mạng 1789.

— Sự chiến-dấu của một số người Pháp bên cạnh nhân-dân Hoa-Kỳ trong trận chiến-tranh dành độc-lập của xứ này cũng như sự thiết-lập một chế-độ hoàn-toàn dân-chủ ở Hoa-ky đã củng-cố thêm lòng tin-tưởng của nhân-dân Pháp trong một cuộc đấu-tranh chống chế-độ cũ để xây-dựng một chính-thể tốt đẹp hơn.

B.— *Ông-bé-ché của đệ III và đệ IV Cộng-hòa Pháp.*

Đệ I Cộng-hòa Pháp kéo dài được mười năm. Đệ II Cộng-hòa còn yêu-mệnh hơn, tồn-tại được có vài ba năm. Cuộc bại trận 1870-1871 đã khai-tử đệ II Đế-chính và thiết-lập đệ III cộng-hòa. Rút kinh-nghiệm của

hai nền Cộng-hòa trước, một bản Hiến-pháp mới (1875) được ban-hành, bảo-dảm cho một chế-dộ Tự-do Dân-chủ được bền vững lâu dài. Nhưng thế chiến thứ II đã chấm-dứt đệ III cộng-hòa. Thế chiến chấm dứt, đệ IV cộng-hòa được thiết-lập và theo Hiến-pháp 1946. Nền Cộng-hòa này chỉ kéo dài được mười hai năm rồi nhường chỗ cho đệ V cộng-hòa (1958) do tướng De Gaulle lãnh đạo. Nguyên nhân: vì nhiều vấn-dề khó-khăn chia rẽ nhân-dân Pháp, mặt khác sự bấp-bênh của các chính-phủ dưới chế-dộ nghị-viện do chế-dộ đa đảng gây ra không cho phép giải-quyết những vấn đề quan-trọng do hoàn cảnh đặt ra.

II — HIẾN-PHÁP CỦA ĐỆ III VÀ ĐỆ IV CỘNG-HÒA

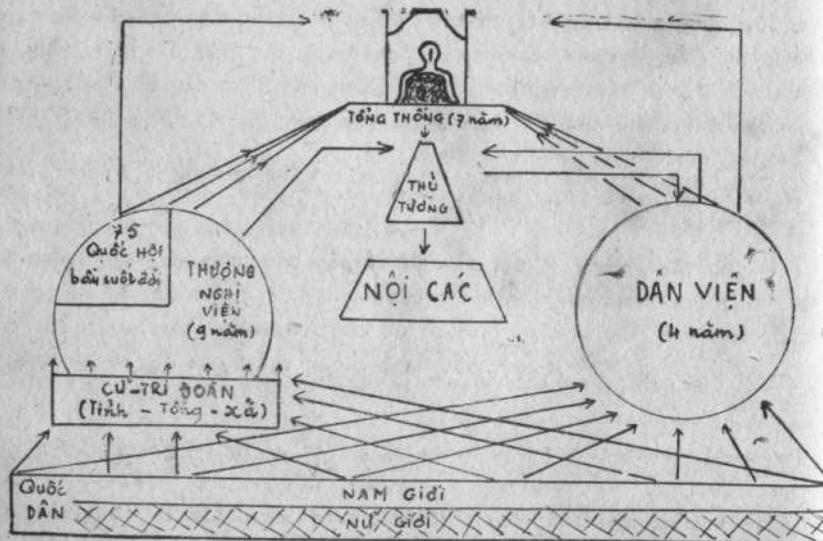
Từ 1875 đến 1958, nền đệ III và đệ IV cộng-hòa Pháp đã theo chế-dộ nghị-viện.

Hiến-Pháp của đệ III Cộng-hòa được chấp-nhận ngày 30-1-1875,

Hiến-Pháp đệ IV Cộng hòa được chấp-thuận trong một cuộc trưng cầu dân-ý ngày 27-10-1946.

Hiến-Pháp 1946 so với Hiến-Pháp 1875 có 2 điểm tiến-bộ quan-trọng:

— Công nhận quyền phò-thông đầu-phiếu của cả nam giới lẫn nữ giới



Hệ-thống tò-chức Cộng-quyền ở Pháp (đệ III và đệ IV Cộng-hòa)

— Hội đồng Cộng-hòa (Thượng-nghị-viện) chỉ có nhiệm-vụ giúp ý-kien cho Hội đồng Quốc-gia (dân-viện), chứ không còn ngang quyền trong nhiệm vụ lập pháp. Tóm lại, hai chế độ này đại cương giống nhau, chỉ khác nhau một số chi-tiết.

III. — ĐỊNH-NGHĨA CHẾ-DỘ NGHỊ-VIỆN

Chế-dộ nghị-viện là một chế-dộ, theo đó, nguyên-tắc phân-quyền được áp-dụng một cách mềm dẻo, các quyền Hành-pháp và Lập-pháp liên đới với nhau một cách chặt chẽ, xuyên qua một nội-các chịu tất cả trách-nhiệm.

Theo định-nghĩa này ta nhận thấy chế độ nghị-viện Pháp gồm ba yếu tố :

- Tổng-thống và trách-nhiệm.
- Nghị-viện do dân-cử : gồm hai viện.
- Một nội-cáC có một vị Thủ-tướng cầm đầu, do Tổng-thống chỉ định và chịu trách-nhiệm trước Nghị-viện.

IV. — QUYỀN HÀNH-PHÁP :

Tổng-thống—Thủ-tướng—Các Tổng-trưởng.

a) Tổng-thống :

Thì-thức bầu Tổng-thống do cả 2 viện họp lại bầu trong một nhiệm-kỳ 7 năm và chỉ được bầu lại một lần.

— Trách nhiệm: Tổng-thống không chịu trách-nhiệm về chính trị. Khi thi-hành chức-vụ, ông cũng không phải chịu trách-nhiệm về dân-sự và hình-sự, trừ trường-hợp phản-bội. Trong trường-hợp này, hạ-nghị-viện khởi-đồ và Thượng-nghị-viện phân-xử.

— Nhiệm-vụ: Tổng-thống ban-bố đạo-luật, bồi-nhiệm Thủ-tướng và các Tổng-trưởng, tướng-lãnh, đại-sứ, công-chức cao-cấp. Nhưng mỗi việc đều phải có Thủ-tướng hay Tổng-trưởng phó-thụ, hoặc quốc-hội ứng-thuận, nguyên-do: Tổng-thống không phải chịu trách-nhiệm, nên không có quyền. Trong đệ IV Cộng-hòa Tổng-thống giữ chức-vụ Chủ-tịch Hội-dồng Thàm-phán tối-cao.

b) Thủ-tướng :

— Vai-trò Thủ-tướng : Thủ-tướng và nội-cáC nắm quyền hành-

—70—

chính. Thủ-tướng được Tông-thống trao cho trách-nhệm thành-lập chánh-phủ và điều-khiên chánh-phủ, một khi được Quốc-hội tấn-phong.

— Trách-nhiệm : Thủ-tướng phải chịu trách-nhiệm của toàn thể Nội-các trước quốc-hội và chính ông phải trả lời những câu mà quốc-hội chất-vấn về chính-sách và hoạt-dộng của chính-phủ.

c) Các Tông-trưởng :

— Cách-thức thành-lập nội-các : được quốc-hội tấn-phong, Thủ-tướng tìm người trong quốc-hội để thành-lập nội-các ; danh-sách các Tông-trưởng được đệ lên Tông-thống.

— Quyền-hạn Tông-trưởng: các Tông-trưởng thường là nghị-sĩ trong quốc-hội, có nhiều quyền-hành rộng-rãi hơn các Bộ-trưởng trong Tông-thống chế.

— Sinh-hoạt trong nội-các : Ở Pháp, tất cả các Bộ-trưởng đều họp chung để bàn về các vấn đề tông-quát và quan-trọng, khác với chế-dộ nghị-viện ở Anh, chỉ có các bộ quan-trọng mới họp-thành nội-các.

Trong phiên-họp hội-dồng nội-các, ý-kien của Thủ-tướng là ý-kien quyết-định.

— Trách-nhiệm của Nội-các trước Quốc-hội : Nội-các phải chịu trách-nhiệm trước quốc-hội theo rỗi và phê-phán các hoạt-dộng của các Tông-trưởng. Khi quốc-hội bắt tín-nhiệm với vị một Bộ-trưởng nào thì Bộ-trưởng đó phải từ-chức kéo theo sự từ-chức của cả nội-các.

Các Tông-trưởng không những chịu trách-nhiệm về chính công-việc của Bộ-mình mà còn phải chịu trách-nhệm về những hành-động của Tông-thống trong trường hợp có liên-quan đến bộ-mình.

Khi trách-nhiệm liên-hệ đến chính-sách chung của nội-các thì nội-các sẽ bị mất tín-nhiệm và phải từ-chức.

— Ảnh-hưởng của Nội-các đối với Quốc-hội: để quân-binh thế-lực đối với quốc-hội. Nội-các có thể đặt vấn-dề tín-nhiệm trước quốc-hội khi bị chất-vấn hay bị ngăn-trở. Mặt khác, nội-các còn có quyền đề-nghi lên Tông-thống để xin giải-tán quốc-hội, trong trường-hợp : 2 chính-phủ bị từ-chức trong khoảng 18 tháng.

Hiến-pháp 1946 hạn-chế khá nhiều quyền giải-tán quốc-hội, nên thế quân-binh không đạt được.

Tóm-lai người ta nhận thấy chế-dộ nghị-viện Pháp có 3 đặc-diểm :

- Nội-các có tính cách thuần-nhất trong mọi ngành hoạt động.
- Nội-các có tính cách tập đoàn và chịu trách nhiệm liên-dới.
- Nội-các chịu trách nhiệm trước quốc-hội.

V.— CƠ-QUAN LẬP-PHÁP : QUỐC-HỘI

Quốc-hội: Pháp gồm 2 viện: Thượng-nghị-viện và Dân-viện. Đệ IV Cộng-hòa dời là Hội-dồng Cộng-hòa và Hội-dồng Quốc-gia.

a) Thượng-nghị-viện : (Hội-dồng Cộng-hòa)

Dưới Đệ III Cộng-hòa Thượng-nghị-viện gồm 300 ông Nghị, 225 ông do các nghị-sĩ và đại-biều hàng tinh cử trong một nhiệm-kỳ 9 năm ; 75 ông do Quốc-hội cử suốt đời. Đệ IV Cộng-hòa, có 320 đại biều, nhiệm-kỳ 6 năm ; cứ 3 năm thì bầu lại phân-nửa. Các nghị-viện được hối-viện hội-dồng thành phố, hàng quận bầu ra,

— Nhiệm-vụ : Về quyền lập-pháp dưới đệ III Cộng-hòa Thượng-nghị-viện có quyền ngang Dân-viện. Dân-viện có quyền ưu-tiền về luật tài chánh Thượng-nghị-viện có thể thành Tòa-án tối cao xét xử tội phản-quốc của Tông-thống và các Tông-trưởng. Nhưng dưới đệ IV Cộng-hòa, Thượng-nghị-viện không có quyền biều-quyết chấp-thuận đạo-luat, nhưng có quyền đưa ra sáng-kien về luật-pháp. Nếu Thượng-nghị-viện đưa ra dự luật thì phải chuyển sang Dân-viện thảo-luận trước. Thượng-nghị-viện chỉ có quyền cho ý-kien về các đạo-luat đã thảo-luận và biều-quyết rồi.

Nếu Thượng-nghị-viện không cho ý-kien đúng hạn (hạn hai tháng), dự luật vẫn được đệ lên Tông-thống ban hành. Nếu Thượng-nghị-viện không đồng ý thì Dân-viện sẽ thảo-luận lại. Chấp-nhận hay bác-bỏ là tùy quyền Dân-viện, biều quyết theo đa số tuyệt đối.

Tóm-lai, Thượng-nghị-viện đệ IV Cộng-hòa đã mất hết quyền hành của Thượng-nghị-viện của đệ III Cộng-hòa.

b) Dân-viện (Hội-dồng Quốc-gia):

1) Thể-thức và nhiệm-kỳ : Nghị-sĩ thuộc Dân-viện được bầu-cử theo lối phò-thông đầu-phiếu : Nhiệm-kỳ bốn năm số nghị-sĩ là 600. Dưới đệ IV Cộng-hòa, Dân-biều tại Dân-viện được bầu-cử theo lối phò-thông, trực-tiếp, liên-danh đầu-phiếu, theo lối đại-diện tỷ-lệ, Đơn-vị tuyển-cử là hạt (département).

Điều-kiện : 23 tuổi và có tư-cách cử-trí. Nhiệm-kỳ 5 năm.

2) *Nhiệm-vụ* : Dân-viện có quyền :

— Lập-pháp : Dân-viện có quyền đưa ra đạo luật thường. Nền đệ IV Cộng-hòa chỉ còn có Dân-viện giữ quyền lập-pháp.

— Kiểm-soát quyền hành-pháp :

- Tấn-phong chính-phủ : sau khi được Tổng-thống mời ra lập nội các. Thủ-tướng phải ra trình-diện trước Quốc-hội với một chương-trình hoạt động, để xin tân-phong, nếu được tân-phong với đa-số tuyệt đối. Thủ-tướng mới được thành-lập chính-phủ và đệ trình danh-sách các Bộ trưởng lên Tổng-thống phê-chuẩn.

- Chất vấn chính-phủ : Quốc-hội có thể đặt ra những câu chất-vấn bằng lời hay viết trên giấy... Chính-phủ phải trả lời.

- Quyền lật đồ chính-phủ : Trong trường-hợp Quốc-hội bất tín-nhiệm, Chính-phủ phải từ-chức.

VII.— CƠ-QUAN TƯ-PHÁP

Ngành Tư-pháp của Pháp được độc-lập đối với Hành-pháp. Các vị thẩm-phán từ cấp hòa-giai đến cấp thượng-thẩm cũng như tòa-án Ba-lê đều do chính-phủ bổ-nhiệm.

Để bảo đảm tính cách độc-lập của tư-pháp, các vị thẩm-phán này không bị bãi-miễn, nếu không phạm những điều lầm-lỗi do Hiến-pháp ấn-dịnh. Mặt khác, họ không phải hoàn toàn lệ-thuộc vào chính-phủ hay Bộ-trưởng tư-pháp. Do đó, việc thăng-thuỷ không hoàn toàn do Bộ-trưởng này quyết định mà do một Hội-dồng thẩm-phán tối-cao xét. Hội-dồng này, chủ-tịch là Tổng-thống cộng-hòa Pháp, còn có quyền quyết định việc điều hành các tòa-án, kỷ-luật và sự độc-lập của các tòa-án.

Để bảo đảm toàn vẹn quyền độc-lập của Tòa-án, nguyên-tắc : các vị thẩm-phán chỉ phải tuân theo có Luật-pháp được tôn trọng. Chính-phủ, Quốc-hội không có quyền ra lệnh cho tòa-án.

VIII.— NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA CHẾ ĐỘ NGHỊ-VIỆN PHÁP.

a) Quốc-hội có nhiều quyền quá trong việc kiểm-soát chính-phủ. Quốc-hội theo rốt chính-phủ, nhìn vào từng chi tiết. Dự-luật, dự-án ngân-sách cùng đề cập vào từng chi-tiết. Những đạo-luật đó, xét về lý-thuyết thì thật

là hay, nhưng lại không sát thực-tế. Hành-pháp không có quyền ấn-dịnh thời-kỳ và thể thức thảo-luận để tránh sự lạm dụng và làm mất thời giờ. Thương-nghị-viện (đệ IV cộng-hòa) mất vai trò hòa hoãn của thương-nghị-viện đệ III cộng-hòa, hoặc của nguyên-lão nghị-viện Anh, vì không có quyền hoãn thi hành một đạo-luật.

b) Thể-thức giải-tán-quốc-hội cũng bị hạn-chế rất nhiều. Do đó hành-pháp không đủ khả năng gây thế quân-binh với lập-pháp. Trong khoảng 18 tháng đầu nhiệm kỳ quốc-hội, Viện này có thể đánh đồ bao nhiêu chính-phủ cũng được. Quyền giải-tán quốc-hội chỉ có thể thi-hành từ tháng 19 trở đi.

c) Quốc-hội Pháp có rất nhiều đảng, không đảng nào có đủ đa-số tuyệt đối, vì thế một vị Thủ-tướng được mời thường phải liên-kết với một số đảng khác. Vấn đề đặt chương-trình, phân chia ghế thường vấp phải sự mà cả, giằng co của các đảng liên hiệp.

Trong trường hợp thỏa hiệp, sau một thời gian, nội-các liên-hiệp vẫn có thể phải từ-chức vì khi gặp một vấn đề quan trọng, sự chia rẽ lại có thể xảy ra trong khối đa số. Sự tồn tại của chính-phủ mong manh và sự liên minh gượng ép như thế, nên chính-phủ khó lòng thực hiện một chương trình sâu rộng, theo một kế hoạch lâu dài.

d) Bên cạnh Quốc-hội và chính-phủ có nhiều cơ-quan có những quyền đặc-biệt :

1) *Hội-dồng kinh-tế* : cho Quốc-hội ý-kiến về các dự-luật do Viện này gửi đến.

— Góp ý-kiến với chính-phủ về các vấn đề kinh-tế, xã-hội hoặc các thể thức thi hành đạo-luật do chính-phủ gởi tới.

— Đề-nghị các dự-luật thuộc quyền mình.

2) *Hội-dồng Liên-hiệp-pháp*:

Hội-dồng này có tư-cách hoàn-toàn tư vấn, có nhiệm vụ góp ý-kiến về các vấn đề liên quan giữa Chính-phủ Pháp và các quốc-gia liên kết.

3) *Ủy-ban Hiến-pháp* :

Để giám-sát sự hợp hiến, Pháp không thành-lập Tối-cao pháp-viện như ở Hoa-kỳ, mà đặt ra một *Ủy-ban hiến-pháp*. Chủ-tịch là Tổng-thống Pháp. Ủy-ban sẽ xét những đạo-luật do Tổng-thống và dân-viện chuyen

giao. Nếu có điều nào không hợp hiến, Ủy-ban có thể đề-nghị Quốc-hội sửa đổi. Sau khi xét lại, mà Quốc-hội vẫn đòi giữ nguyên bản văn, Tông-thống sẽ không ban hành đạo-luật mà chờ cho hiến-pháp thay đổi lại cho hợp.

VIII.— NHẬN-ĐỊNH VỀ CHẾ-ĐỘ NGHỊ-VIỆN PHÁP

Đệ III và đệ IV cộng-hòa Pháp áp-dụng chế-độ nghị-viện giống như thế-chế ở Anh-quốc. Tuy nhiên, như phần trên đã trình-bày, chế-độ tại nghị viẹn Pháp có nhiều điểm khác biệt của chế-độ nghị-viện ở Anh.

— Ở Anh, Hành-pháp có quyền ổn-định giờ giấc và cách-thức thảo-luận cho quốc-hội. Nguyên-lão nghị-viện có quyền hoãn thi-hành một đạo-luật do Quốc-hội biều-quyết.

Trái lại ở Pháp, Hành-pháp không có quyền này. Hội-dồng Cộng-hòa không còn quyền như ở đệ III Cộng-hòa nên không thể hoãn thi hành một đạo-luật do Hội-dồng Quốc-gia (Quốc-hội) chấp-thuận.

— Ở Anh, Thủ-tướng có quyền đề-nghị lên Anh-hoàng giải-tán quốc-hội (bao giờ Anh-hoàng cũng chấp-nhận),

Trái lại, quyền giải-tán Hội-dồng Quốc-gia của Chính-phủ Pháp thường bị các thế-thức của Hiến-pháp hạn-chế rất nhiều.

— Ở Anh, Hạ-nghị-viện chỉ có hai đảng lớn, nên chính-trị trong nước Anh chỉ bị hai đảng lớn này chi phối. Do đó, chính-phủ Anh đứng rất vững và cũng nhờ đó, chính-phủ theo giới được một chương-trình, áp-dụng một kế-hoạch lâu dài.

Trong khi ở Pháp, đời sống chính-trị trong nước lệ thuộc vào sự hoạt động của cả chục đảng. Trong đệ IV Cộng-hòa Pháp có tám đảng hoạt động, chia nhau các ghế ở Quốc-hội. Cũng vì chế-độ đa-dảng mà nước Pháp đã chịu nhiều hậu quả tai hại: chính-phủ bấp-bênh, trong 65 năm của đệ III Cộng-hòa, Pháp đã có 100 nội các.

Tóm lại, về thế-chế của nền đệ III và đệ IV Cộng-hòa Pháp, ta có thể nhận-định:

1) Ưu-điểm:

— Quyền-hành thuộc về Quốc-hội, một cơ-quan đại-diện cho toàn dân.

— Ý-kien của dân được tôn trọng. Chính-quyền phải thi hành đúng với ý-nguyện của toàn dân.

— Mọi nguyên-tắc dân-chủ được triệt-để áp-dụng.

2) Nhược điểm :

— Quốc-hội Pháp có nhiều quyền quá nêu thế quân bình giữa Hành-pháp và lập-pháp không giữ được.

— Chế-độ đa-dảng, nguyên-nhân sự bấp-bênh của các chính-phủ pháp đã là nguồn gốc của tình trạng suy yếu của nước Pháp.

Trên đây là những nguyên-nhân có thể cắt nghĩa tại sao Pháp cũng áp-dụng chế-độ nghị-viện như Anh, nhưng tại sao chế-độ Anh thì bền vững trong khi chế-độ Pháp lại làm cho nước Pháp suy dỗi, không thể giải-quyết những vấn-dề trọng đại, gai góc do hoàn cảnh đặt ra, để chế-độ đệ IV Cộng-hòa phải khai tử, nhường chỗ cho một chế-độ mới, một hiến-pháp mới (1958) dưới sự lãnh-đạo của Tướng De Gaulle.

CÂU HỎI

- 1) Thủ-tướng có ảnh-hưởng gì tới cuộc cách-mạng?
- 2) Cuộc cách-mạng 1789 và những nguyên-nhân tri-thúc?
- 3) Những tác-giả và những tư-tưởng đã ảnh-hưởng tới cuộc cách-mạng Pháp?
- 4) Các chế-độ Cộng-hòa và các hiến-pháp của nước Pháp.
- 5) Hiến-pháp đệ III và đệ IV cộng-hòa Pháp có những điểm nào khác biệt nhau?
- 6) Nói về vai trò Tông-thống Pháp thời đệ III và đệ IV Cộng-hòa.
- 7) Quyền-hạn và nhiệm-vụ của Tông-thống Pháp trong đệ III và đệ IV Cộng-hòa.
- 8) Thủ-tướng và các Tông-trưởng trong chế-độ nghị-viện Pháp trong đệ III và đệ IV Cộng-hòa.
- 9) Mối tương-quan giữa Quốc-hội và Hành-chánh Pháp?
- 10) Quyền-hạn của Thủ-tướng và Hạ-nghị-viện Pháp trong chế-độ đệ III Cộng-hòa. Có điểm nào khác biệt về quyền-hạn so với đệ IV Cộng-hòa?

- 11) Cơ-quan tư-pháp của đệ III và đệ IV Cộng-hà.
- 12) Đặc-diểm của chế-độ nghị-viện Pháp (đệ III và đệ IV Cộng-hà).
- 13) Tại sao Pháp cũng theo chế-độ nghị-viện như ở Anh, mà nền chính-trị Pháp lại bắt ồn?
- 14) Ưu khuyết-diểm của chế-độ nghị-viện dưới đệ III và đệ IV Cộng-hà.

BÀI THỨ MƯỜI CHỦ-QUYỀN QUỐC-GIA THUỘC VỀ DÂN

- I.— Định nghĩa chủ-quyền quốc-gia
- II.— Các quan-niệm minh-chứng chủ-quyền quốc-gia thuộc về dân
- III.— Cách sử-dụng chủ-quyền này của người dân

I.— ĐỊNH-NGHĨA* CHỦ-QUYỀN QUỐC-GIA

Chủ-quyền là quyền-lực tối-cao của một nước tự làm chủ lấy mình. Một nước có chủ-quyền là một nước không lệ thuộc vào nước nào, có toàn quyền định-doạt số phận của mình. Nói cách khác, một nước có chủ-quyền là một nước được quyền tự ý lựa chọn lấy chánh-thề của mình, thiết-lập chánh-phủ, tò-chức quân-dội để bảo-vệ lãnh-thổ, có luật-pháp để duy-trì trật-tự, trực-tiếp giao-thiệp với các nước ngoài, gia-nhập các tò-chức quốc-tế v.v... Từ ý-nghĩa đó, ta có thể coi chủ-quyền quốc-gia như là quyền-lực tối-cao đặt trên mọi quyền của cá nhân, có tính cách cường-chế đối với cá nhân, giúp cho quốc-gia duy-trì được tập-doàn xã-hội và bảo-dảm được an-ninh cho mỗi cá-nhan sống trong quốc-gia đó.

II.— CÁC QUAN-NIỆM MINH - CHỨNG CHỦ-QUYỀN QUỐC-GIA THUỘC VỀ DÂN

Từ xưa, nhiều triết-gia và luật-gia đã tranh-luận về vấn-dề chủ-quyền của quốc-gia để xác-dịnh xem quyền này thuộc về vua hay về dân. Dần dần quan-niệm "chủ-quyền thuộc về dân" (dân-chủ) được nhiều người nhìn-nhận

và được hệ-thống hóa thành một lý-thuyết dùng làm căn-bản cho những chế-độ chánh-trị mệnh-danh là dân-chủ, những chế-độ nơi đó “mọi quyền-hành của một quốc-gia đều bắt nguồn từ người dân, lấy dân làm gốc, do dân làm chủ” để đối-lập với chế-độ quân-chủ, dựa trên thuyết thần quyển tuyệt đối hay thuyết cường quyển.

1) Quan-niệm của Siant Thomas d'Aquin và Bellamin :

Quan-niệm này dựa trên thần-quyển mà cho rằng: Chúa Tiri tạo ra chủ-quyển và ban cho dân. Dân lại trao quyền này cho một người cai-trị họ.

Người cầm quyền nhận-quyền do dân trao cho nên phải làm theo ý dân, dân có chấp nhận thì quyền cai-trị này mới chính-đáng.

Thánh Thomas cũng nhấn mạnh rằng nhà cầm quyền phải chú trọng đến quyền-lợi của dân, và dân có quyền đánh đòn kẻ cai-trị bạo-tàn và những cuộc khởi nghĩa như vậy đều được coi là chính-đáng. Bellamin còn thêm rằng quyền cai-trị là do Thiên-Chúa tạo ra và ban đồng đều cho mọi người, chứ không riêng cho ai.

Quan-niệm này tuy nhìn nhận chủ-quyền quốc-gia là của dân nhưng không phải người dân sẵn có mà do đẳng-tối-cao ban phát cho.

2) Quan-niệm của Grotius (Hòa-Lan 1583-1645).

Thuộc về phái luật-học tự-nhiên, Grotius cũng chủ-trương chủ-quyền quốc-gia thuộc về dân. Đối-lập với quan-niệm thần-quyển. Ông cho rằng quyền thống-trị không bắt nguồn từ Thượng-đế mà thuộc về dân. Thời cõi sơ, con người sống hoàn toàn độc-lập, nhưng đời sống này không hợp vì con người có nhiều nhu-cầu phúc-tap. Vì thế, để bảo-dảm cho đời sống về phương-diện an-ninh và nhu-cầu, con người đã hành hy-sinh một phần tự-do để lập một tập đoàn thống-trị, bảo vệ đời sống cho họ. Theo đó, chính người dân đã nhượng một phần quyền của họ để thành-lập quốc-gia nên tất nhiên dân phải có quyền đối với các tờ-chức mà họ thành-lập. Quan-niệm của Grotius đã ảnh-hưởng nhiều đến các lý-thuyết già thế-kỷ 17 và 18, đã giúp họ ý-kiến để tạo lập những lý-thuyết vững chắc và chủ-quyền thuộc về dân.

3) Quan-niệm của John Locke (Anh 1632-1704) :

Thuyết dân-chủ của Locke dựa trên hai ý-niệm căn-bản : quyền của

người dân là tự-nhiên và người dân đã tự-ý kết xã. Trong tác-phẩm *Essay on a civil government* (1688). Ông cho rằng cá-nhân, trong trạng thái thiên-nhiên, được hoàn-toàn tự-do, bình-dâng, có quyền sống quyền tu-hữu. Trong thời kỳ này, con người gặp nhiều trở ngại do thiên-nhiên gây ra, đồng thời không có một cái gì để chế-ngự và giữ cá-nhân trong giới-hạn của họ, nên loài người ở trong trạng-thái thù-nghịch với nhau và quyền cá-nhân bị đe dọa. Trước sự kiện này, con người dành rời bỏ tình-trạng nguyên-thùy để bước sang trạng-thái tập-thề, cá-nhân tập-hop thành xã-hội, trao quyền hành-dộng cho đoàn-thề, cho đại-diện tập-doàn hay chánh-phủ để họ bảo-dảm sinh-mạng và tự-do cho mình. Như vậy, chủ-quyền thuộc về quốc-dân và quốc-dân ủy-quyền cho chánh-phủ để điều-hành guồng máy quốc-gia. Nếu chánh-quyền di ngược lại quyền-lợi của nhân-dân, họ có thể rút bỏ sự ủy-quyền để lập chánh-phủ khác.

Tư-tưởng của Locke đã ảnh-hưởng nhiều đến sự chấp nhận chánh-thể đại-nghị ở Anh và đến cuộc cách-mạng Pháp 1789.

4) Quan-niệm của J.J. Rousseau (Pháp 1712-1788) :

Với thuyết nhân-quyền, Rousseau đã đưa ra quan-niệm dân-chủ của ông trong cuốn *Du contrat social*. Theo ông, trong thời nguyên-thùy, mọi người sinh sống hoàn toàn tự-de và bình-dâng. Xã-hội chỉ được thành-lập khi con người cần thấy phải kết-hop lại để sinh tồn, chống lại những trở lực thiên-nhiên. Trong sự kết-hop này, họ đã mặc nhiên công-nhận một khé-ước để mưu cầu hạnh-phúc chung cái khé-ước căn-bản được thỏa-thuận ngầm giữa các cá nhân để tạo-lập xã-hội này, tuy không được viết ra, nhưng bất cứ lúc nào cũng có thể thảo thành văn và mỗi khi con người thấy cần phải sửa đổi những điều-kiện kết xã, họ sẽ thành lập một hiến-pháp coi như sự tái-tục của cái khé-ước nguyên-thùy trên. Bản xã-ước này nhằm mục-dich thay quyền cá-nhân bằng quyền của đoàn-thề. Tuy-nhiên, sự-kiện này không làm cho con người mất hết tự-do và bình-dâng vì chỉ di nhượng quyền của mình cho đoàn-thề và sự di nhượng này áp-dụng cho tất cả mọi người kể-xa-nên sự bình-dâng tự-nhiên vẫn được duy-trì. Nhờ sự di nhượng này chủ-quyền của xã-hội hay quốc-gia sẽ gồm quyền của tất cả mọi người dân, thuộc về cái khối toàn thể nhân dân và không ở trong tay một cá nhân nào. Việc quản-trị quốc-gia là của toàn dân, quốc dân biều-thị một chí-chung và trao nhiệm vụ thừa-hành cho một chánh-phủ. Lý-luận của Rousseau có vẻ mơ hồ, quá lý-tưởng, không thể minh chứng được bằng

những sự-khiển lịch-sử cụ thể. Tuy nhiên, quan-niệm của ông cũng đã ảnh-hưởng nhiều đến việc thực-hiện các chế-độ dân-chủ sau này.

III.— CÁCH XỬ-DỤNG CHỦ-QUYỀN NÀY CỦA NGƯỜI DÂN

Tùy theo cách xử-dụng chủ-quyền của người dân và căn cứ vào mức độ tham-gia của dân-chúng vào việc nước, ta có thể phân biệt ba hình thức dân-chủ :

1) Dân-chủ trực-trị.

Đó là một chế-độ chánh-trị trong đó người dân trực-tiếp điều-khiển guồng máy quốc-gia, vừa là kẻ cầm quyền, vừa là kẻ bị trị. Mỗi khi cần quyết định về một việc gì liên-quan đến quốc-gia, toàn thể dân-chúng được triệu tập thành một khán-công đại hội-nghị để thảo luận và biểu-quyết.

Xưa kia, Hy-lạp, La-mã đã áp-dụng chế-độ này. Ngày nay, một vài tông nhö ở Thụy-sĩ vẫn còn áp-dụng.

Trong thực-tế, chế-độ dân-chủ trực-trị chỉ thích áp dụng cho những nước nhỏ, ít dân hay một vài địa-phương tự trị mà thôi.

2) Dân-chủ bán trực-trị :

Đó là chế-độ theo đó, người dân trao quyền chánh-trị cho một số đại-diện thay mặt mình điều-khiển guồng máy quốc gia nhưng vẫn giữ quyền quyết định đối với những vấn đề quan-trọng. Chính vì muốn cho đời sống tập-thể của mình được bảo-dảm, người dân đã hy-sinh một phần quyền của mình cho nhà cầm-quyền nhưng vẫn cộng-tác chặt-chẽ với nhà cầm-quyền trong việc hành-xử. Hình-thức này không thông-dụng nên không mấy nước theo chế-độ này.

3) Dân-chủ gián-tiếp :

Còn gọi là dân-chủ đại-nghị. Nơi hình thức này, người dân trao hẳn quyền chánh-trị cho đại biều sử-dụng trong một thời gian hạn-dịnh trước. Chính vì muốn bảo-dảm cho đời sống tập-thể, người dân đã hy-sinh một phần quyền của mình để trao cho các đại-diện, ủy thác việc sử-dụng chủ-quyền cho họ tổ chức nghị-hội để thực-hành quyền lập-pháp và kiềm-soát các công việc hành-chánh.

Hình-thức này hiện nay rất phổ-thông, phần lớn các quốc gia dân-chủ hiện-nay đều áp-dụng.

CÂU HỎI

- 1) Chủ-quyền quốc-gia là gì?
- 2) Có những quan-niệm nào đã coi chủ-quyền thuộc về dân?
- 3) Quan-niệm của Saint Thomas d'Aquin và Bellamin về chủ quyền ra sao?
- 4) Chủ-quyền quốc-gia thuộc về dân theo Grotius.
- 5) Locke đã minh-chứng chủ-quyền quốc-gia thuộc về dân ra sao?
- 6) Trình-bày quan-niệm của Rousseau về chủ-quyền quốc-gia.
- 7) Người dân có thể xử-dụng chủ quyền này bằng những đường lối nào?
- 8) Phân-biet dân-chủ trực-trị, dân-chủ bán trực-trị và dân-chủ gián-tiếp.

BÀI THỨ MƯỜI MỘT

TỰ-DO VÀ BÌNH-ĐẲNG

- A.— Đại-cương về tự-do**
B.— Bình đẳng

TỰ-DO VÀ BÌNH-ĐẲNG

Tự-do và bình-đẳng là nguyên-tắc của mồi chế-độ dân-chủ, nói khác
 đி, chế-độ dân-chủ phải xây-dựng trên hai yếu-tố này.

Các cuộc cách-mạng trên thế-giới phần lớn đều có mục-dịch đòi lại
 những tự-do căn-bản cho con người, và ai ai cũng có quyền hưởng những
 tự-do đó.

A.— Đại-cương về tự-do :

1) Tự-do tuyệt-đối. Người ta thường cho tự-do là không bị kiềm-chế
 tự mình làm chủ lấy mình, tự mình, do mình, không một áp-lực nào ngăn-
 cản được ta hành-động tùy theo ý muốn.

Đó là thứ tự-do tuyệt-đối, vô điều-kiện. Nhưng sống trong một xã-
 hội ta không bao giờ có thứ tự-do như vậy, mà bị nhiều điều hạn-chế :

2) Tự-do chính-trị hay tự-do tương-đối : Không kè tới những hạn-
 chế của thiên-nhiên, của khả-năng chính ta, tự-do con người luôn-luôn bị
 ràng buộc bởi khung-cảnh chính-trị quanh ta. Con người nhất thiết là
 con vật chính-trị (Aristote) không thể sống riêng lẻ, mà được đặt trong
 một xã-hội có tò-chức làm sao để tự-do của ta không phuong-hại đến tự-
 do của người khác. Chính sự dung-hòa các quyền tự-do với nhau tạo ra
 thứ tự-do chính-trị.

I.— ĐỊNH NGHĨA

Tự-do chính-trị là quyền được hành-động những điều mà pháp-luat
 cho phép.

II.— NGUỒN GỐC

J.J. Rousseau có viết: «Con người sinh ra vốn tự-do, nhưng đâu đâu họ cũng bị gông cùm xiềng-xích». Quả thật vậy, nếu không có xã-hội, thì con người được hành-động, tư-tưởng hoàn toàn tùy ý không một áp-lực nào hạn chế cả. Nhưng vì muốn bảo đảm tự-do đó mà theo Rousseau con người đã hợp lại thành đoàn thể duy-trì an-ninh, trật-tự. Sự kết hợp đó là tự ý con người. Sau nữa, họ lại phải nhường một phần tự-do khác để xã-hội mưu việc ích chung như: tò-chức chính-trị, văn-hóa, kinh-tế, ngoại-giao, quân-sự, v.v.... Nhưng đòi lại, xã-hội đã tạo cho con người một thứ tự-do thực-sự, quy định bằng luật-pháp, đó là tự-do chính-trị. Còn cái tự-do tuyệt đối kia chỉ là thứ tự-do chiều theo bản năng thứ-tính nhằm xâu xé lầm nhau. Luật pháp không những cụ thể hóa những thứ tự-do của con người được hưởng mà còn bảo vệ nữa.

Còn chế-độ phong kiến, độc tài, đã làm sai lạc vai trò của chính-quyền, thay vì bảo-vệ tự-do cho mọi cá nhân, chính-quyền lại tước-đoạt, dàn-áp.

Tóm lại, chỉ có tự-do chính-trị, mới làm thỏa mãn mọi quyền-lợi của con người trong một xã-hội vì nó đã được tò-chức và cụ-thể hóa.

III.— CÁC LOẠI TỰ-DO CHÍNH TRỊ

Bản Tuyên-ngoân Quốc-tế nhân quyền của Liên-hiệp-quốc cũng đã long trọng thừa nhận con người ta phải có những tự-do căn-bản và tối-thiểu. Một chế-độ dân-chủ cũng vậy, con người ta phải tự-do sinh-sống, tư-tưởng, tín-ngưỡng v.v...

Người ta thường chia làm hai loại tự-do căn-bản :

1) Về vật chất :

- a) Tự-do thân thể : như đi lại, không bị tra-tấn, giam-cầm vô-cớ...
- b) Tự-do cư-trú.
- c) Tự-do chọn nghề.
- d) Tự-do tư-hữu. Về điểm này có một sự khác-biệt giữa chế-độ dân-chủ tự-do và Cộng-Sản.

2) Về tinh-thần :

- a) Tự-do tham-chính.
- b) Tự-do tín-ngưỡng.
- c) Tự-do tư-tưởng.
- d) Tự-do hội-hợp, kết-xã...

Đây mới chỉ là những tự-do tối-thiểu, ngoài ra còn nhiều thứ khác.

IV.— CÁC LÝ-THUYẾT VỀ TỰ-DO

Vấn-dề tự-do đã gây ra nhiều lý-thuyết trái ngược, thường đi đến chỗ cực-doan. Tiêu-biểu là :

1) Thuyết tự-do thái-quá :

a) Phái vô chính-phủ : chủ-trương rằng dù bất kỳ ở đâu, con người phải được hoàn-toàn tự-do, cho nên cần phải loại bỏ chính-phủ dù hình-thức nào. Chính-phủ đã kìm-hăm bằng những luật-lệ khắt-khe, khiến cho con người không được sống trọn-vẹn với ý muốn của mình.

b) Phái cá-nhân chủ-nghiã : bớt cực-doan hơn, cũng thừa-nhận cần phải có một chính-quyền, nhưng quyền-hạn phải được hạn-chế cốt chỉ vừa đủ để bảo-dảm trật-tự xã-hội mà thôi. Còn các địa-hạt khác như: kinh-tế, thương-mại, văn-hóa, giáo-dục v.v.. chính-quyền không được can-thiệp vào. Chính-quyền chỉ giữ vai trò trọng-tài.

Tiêu-biểu về địa-hạt kinh-tế có chủ-nghiã tư-bản với chủ-trương : mọi hoạt-dộng kinh-tế phải phó-mặc cho tư-nhân, chính-quyền không được can-thiệp vào. Mọi sự cứ đẽ mặc, rồi nó sẽ tự tạo thế quân-bằng theo đúng luật cung-cầu và cạnh-tranh sau một thời-gian xáo-trộn ngắn.

2) Thuyết Tự-do hạn-chế:

Trái với quan-niệm trên, phái này lại chủ-trương phải hạn chế các tự-do chính-trị. Trong trường-hợp cần-thiết, cá-nhân còn phải hy-sinh bớt những quyền đó nhằm mục-đích phụng-sự xã-hội nhất là quyền tự-do tư-hữu. Sau nữa mọi tự-do cá-nhân phải được xã-hội kiềm-soát và phân-phối lại, nếu không sẽ xảy ra tình-trạng cá-lớn nuốt cá-bé, tự-do tập-trung vào trong tay một thiểu số độc-quyền và thao-túng, lúc đó tự-do chỉ là danh từ trống rỗng.

Trong tương-lai, một khi xã-hội đã tổ-chức chặt chẽ, mọi người đều giác-ngo ngộ, thì lúc đó con người hoàn toàn tự-do trong lý-tưởng «các tận sở-năng, các thụ sở-nhu (làm việc hết năng-lực hưởng-dụng tùy nhu-cầu mình).

Từ hai lý-thuyết cực-doan trên chúng ta sẽ nhận xét đề xác-định phạm-vi của tự-do.

V.— PHẠM-VI CỦA TỰ-DO

Chúng ta đã biết rằng tự-do chính-trị của con người chỉ có tính cách tương-dối, nghĩa là có giới-hạn, vì tự-do của người này phải hòa-hợp với người khác.

Con người không phải lúc nào cũng làm chủ được chính mình vì con người đầy tham-vọng. Một xã-hội không thể không có chính quyền được, nếu không sẽ rơi vào chỗ xâu-xé lẫn nhau. Chủ-trương của phái vô chính-phủ chỉ làảo-vọng.

Nhưng chính-quyền cũng không phải chỉ có mục-đích duy-trì an-ninh trật-tự, mà còn mưu ích chung. Có nhiều công-tác đề cho cá-nhân thi không thực-hiện nổi. Hơn nữa kết-quả của chủ-nghiã tư-bản đã cho ta thấy tai-hại của sự tự-do quá trớn.

Nhược-lại, xã-hội không thể nhân-danh trật-tự và ích chung mà tước-đoạt gần hết những tự-do cá-nhân tối-thiểu như: quyền tư-hữu, tư-tưởng. Con người ngoài bồn-phận xây-dựng xã-hội, còn có quyền hưởng hạnh-phúc, tựa trên những tự-do đó. Xã-hội, chính-quyền không phải là cứu-cánh mà chỉ là phương-tiện để mưu-dồ hạnh-phúc cho mọi người. Trong chế-dộ Cộng-Sản, con người phải hy-sinh tự-do hiện tại để hy-vọng vào một tương-lai, hưởng những tự-do lý-tưởng vô-hạn cũng chỉ là mộtảo-vọng, vì tương-lai xa xăm không có gì là chắc chắn cả. Biết cho đến thế hệ nào được hưởng hạnh-phúc đó?

Cho nên một chế-dộ dân-chủ tốt đẹp là chế-dộ biết dung-hòa hai tính cách cực-doan đó, để cho con người vẫn còn những tự-do tối-thiểu, đồng thời xã-hội đủ sức mạnh để tiến-bộ.

Sau nữa, đối với cá-nhân, tự-do phải được gắn liền với tinh-thần trách-nhiệm để duy-trì trật-tự xã-hội. Ở những quốc-gia mới độc-lập, nhiều người có cảm-tưởng rằng họ đã được hưởng một nền tự-do vô hạn, muốn làm gì tùy thích. Đó là bệnh ấu-trĩ của những nước chậm-tiến.

Con người một khi được hưởng những quyền-lợi, thì đồng thời phải có bồn-phận, gián-tiếp là có trách-nhiệm. Tự-do và trách-nhiệm luôn luôn đi đôi với nhau, vì đó là một trao đổi hò-tương. Trách-nhiệm sẽ hướng dẫn tự-do trong một trật-tự, một nền đạo-đức công cộng. Nói khác đi trách-nhiệm giữa ta với người khác trong tình liên-đới để không xâm-phạm tới tự-do của người khác.

B.— Bình-đẳng.

Ta vừa biết rằng, chế độ dân-chủ phải được xây-dựng trên tự-do. Nhưng ai được hưởng tự-do đó? Chắc chắn phải là *mọi người sống dưới chế độ*. Như vậy ta đã thấy mọi người đều bình-đẳng trong việc phân-phối các quyền tự-do. Bình-đẳng và tự-do nói lên một tương-quan-thiết yếu, cái nọ là hệ-luận của cái kia.

Nhưng thế nào là bình-đẳng, và con người có bình-đẳng về mọi phương-diện không?

I.— ĐỊNH-NGHĨA

Bình-đẳng chính-trị là một sự tương đương về bồn-phận và quyền-lợi, căn cứ trên giá-trị của con người về phương-diện xã-hội.

II.— CÁC PHƯƠNG-DIỆN BÌNH-ĐẲNG :

Sự bình-đẳng chỉ áp-dụng cho một vài phương-diện mà thôi.

1) Bình-đẳng về phương-diện tham-chính :

Sinh ra đời không phải ai cũng giống hệt nhau, có người tài-giỏi, có người hèn-kém. Nhưng lúc xã-hội mới thành-lập, theo Rousseau, tài-năng đó chưa xuất-hiện ngay. Cho nên đoàn-thề sẽ lựa một người tạm đứng ra để tò-chức xã-hội, và mọi công-dân trong xã-hội đều có quyền lựa chọn như nhau. Kẻ tò-chức đó không phải bẩm sinh có quyền hơn người khác, nhưng chỉ là thừa-hành của kẻ khác để thực-hiện ý-nguyên chung của đoàn-thề. Việc ủy-quyền này chính là hình-thức bình-đẳng trong việc bầu-cử ở các nước dân-chủ. Cho nên bầu-cử là một cách tham-chính gián-tiếp mà mọi người đều bình-đẳng.

Đến khi xã-hội thành-bình, thì xã-hội sẽ căn-cứ vào tài-năng của cá nhân mà giao-phó những bồn-phận khác-nhau tùy theo năng nhẹ mà họ có những quyền khác nhau. Bồn-phận càng khó thì quyền càng nhiều. Nói khác đi bồn-phận và quyền-lợi có một sự tương-đương tỷ-lệ theo giá-trị phúc-vụ xã-hội mà thôi.

Quyền bầu-cử đã bình-đẳng thì quyền ứng-cử cũng phải được bình-đẳng nốt. Chế độ dân-chủ ngày nay đã loại bỏ những đặc quyền vô lý bất công như giai-cấp, màu da, nghề-nghiệp v.v..

2) Bình-đẳng đối với pháp-luật:

Đối với pháp-luật thì ai cũng như ai, dù ở địa-vị nào, đều được xét-xử công bình như nhau theo đúng luật-lệ đã quy-dịnh. Từ ngàn xưa ta cũng đã có câu «pháp-bất vi thân» cũng đã nói lên được ý-nghĩa đó. Tuy nhiên, trong những chế độ độc-tài, tính cách này không được tôn-trọng, vì pháp luật ở trong tay người lãnh-đạo.

3) Bình-đẳng về kinh-tế:

Theo trào-lưu dân-chủ hiện-đại, thì về kinh-tế cũng cần có một sự bình-đẳng. Con người sống trong một xã-hội, kinh-tế chi phối rất nhiều, nếu sự cách biệt giàu nghèo quá xa, thì sẽ làm sao lạc các sự bình-đẳng khác. Người nghèo vắt miệng không đủ ăn, thì còn thì giờ đâu mà tham gia chính-quyền. Đối với pháp-luật, đồng tiền sẽ làm mất tính-cách công-bình vì có tiền mua tiền cũng được. Trái lại lớp giàu có sẽ dùng thế-lực kinh tế chi-phối hết, ngay cả địa hạt chính-trị. Tuy nhiên, sự cách biệt về kinh-tế đã lầm lẩn gián-bớt, nhất là trong những xứ dân chủ đã có từ lâu, kẻ nghèo không đến nỗi quá khò-sở và tinh-thần dân-chủ đã làm giảm rất nhiều áp-lực kinh-tế.

4) Bình-đẳng về nghĩa-vụ (bồn-phận)

Một khi đã được bình-đẳng về những quyền-lợi trên, dù là tương-dối thì mọi người trong xã-hội phải có sự bình-đẳng về nghĩa-vụ.

Về nghĩa-vụ có hai phương-diện chính :

1) Bình-đẳng về thuế-má :

Nghĩa là mọi người phải đóng góp một phần lợi-túc của mình cho xã-hội, để dùng vào những công-ích, kiến-thiết v.v..

Nhưng sự bình-đẳng này, không có nghĩa là ai cũng góp đồng đều mà tùy theo mức giàu nghèo của mỗi người.

2) Bình-đẳng về nghĩa-vụ quân-sự :

Thường thường tại các quốc-gia, công-dân đến mười-tám tuổi phải thi hành quân-dịch, dù trong thời chiến hay thời bình. Thời gian thay đổi tùy theo mỗi nước và tình-trạng của quốc-gia đó.

Riêng ở Anh-quốc, nhân-dân chỉ thi-hành nghĩa-vụ này vào lúc rất cần-thiết, như trong trận thế-chiến vừa qua.

NHẬN-ĐỊNH

Ta vừa nhận thấy hai lý-tưởng Tự-do và Bình-đẳng là hai yếu-tố không thể thiếu được trong một chế-độ dân-chủ.

Tuy-nhiên, ta đừng coi hai yếu-tố này có tính-cách tuyệt-dối. Tự-do hay bình-đẳng chỉ thực hiện được ở trong một giới-hạn, nhất là về phương-diện bình-đẳng, vì rằng con người sinh ra không phải hoàn toàn giống nhau. Người ta sinh ra đã có những bất bình-đẳng về tài-năng đức-hạnh, tính-tình, sở thích. Rồi xã-hội lại tạo ra những nhiệm-vụ địa-vị khác nhau.

Cho nên tự-do bình-đẳng luôn luôn chỉ là những lý-tưởng mà con người hy-vọng sẽ càng ngày càng tiến gần tới trong tương-lai, một khi mà xã-hội càng được tổ-chức tốt đẹp hơn.

CÂU HỎI

- 1) Thể nào là tự-do chính-trị ?
- 2) Giải thích câu của J.J. Rousseau: « Con người sinh ra vốn tự-do, nhưng đâu đâu họ cũng bị gông-cùm xiêng-xích »
- 3) Quyền tư-hữu có phải là một tự-do không cần-thiết không ?
- 4) Người ta có thể nhân danh trật-tự và ích-chung để hạn-chế tự-do của con người không ?
- 5) Bình-đẳng có liên-hệ gì với tự-do trong nền dân-chủ ?
- 6) Kẽm một vài phương-diện bình-đẳng chính-trị.
- 7) Bình-đẳng về kinh-tế có cần-thiết không ?



BÀI THỨ MƯỜI HAI

QUAN-NIỆM DÂN-CHỦ PHÁP-TRỊ

- I.— Khái-luận mở đầu
- II.— Định-nghia : Pháp-trị
- III.— Ý-nghia và mục-dịch của pháp-luật
- IV.— Tiêu-chuẩn của pháp-luật
- V.— Quan-niệm nhân-trị
- VI.— Quan-niệm pháp-trị
- VII.— Nhận-xét

I.— KHÁI-LUẬN MỞ ĐẦU

Ta đã biết rằng ở chế-độ dân-chủ hai yếu-tố Tự-do và Bình-đẳng là tiêu-chuẩn phải thực-hiện cho mọi người. Vấn đề được đặt ra là phải có một cơ sở nào để bảo-dảm cho hai tiêu-chuẩn đó được thực-hiện một cách đúng-dắn và hợp-lý.

Trước kia ở những xã-hội phong-kiến, độc-tài, người dân cũng được hưởng một số quyền tự-do, nhưng không có gì là vững-chắc, lúc nhiều lúc ít, có khi còn bị tước-doạt mất cả. Quyền hưởng-thụ đó tùy thuộc vào ý muốn của lớp thống-trị.

Cho nên chế-độ dân-chủ còn phải được xây-dựng trên cơ sở pháp-luật để bảo-dảm những quyền tự-do đó.

II.— ĐỊNH-NGHĨA

Chế-độ pháp-trị là một chế-độ dùng hệ-thống pháp-luật làm cơ sở, để quy-định quyền-lợi và bồn-phận của mọi người.

Vậy muốn nhận-định đặc-diểm, giá-trị của chế-độ pháp-trị, ta phải xét đến yếu-tố pháp-luật.

II.— Ý-NGHĨA VÀ MỤC-DÍCH CỦA PHÁP-LUẬT

Pháp-luật gồm tất-cả những quy-chế, luật-lệ được ban-hành và áp-dụng trong một quốc-gia, nêu ra những tương-quan khách-quan giữa người với người, nhằm mục-dịch :

1) Xác-định quy-tắc hành-động của mọi người :

Khi chúng ta hành-động chúng ta phải tuân theo một quy-tắc nào, như đạo-đức tôn-giáo, tình-cảm v.v.. Nhưng những quy-tắc đó chưa đủ để ngăn ngừa chúng ta xâm-phạm đến quyền-lợi của người khác. Giữa người với người luôn luôn có một sự bạo-động uy-hiếp dựa vào vũ lực. Tình-trạng căng-thẳng đó đe-dọa trật-tự của một xã-hội. Pháp-luật sẽ là trung-gian để hòa-giải bằng cách vạch rõ ra quyền-lợi của mỗi cá-nhân, của kẻ cầm-quyền cũng như của dân-chúng. Khi chúng-ta hành-động chúng ta có thể căn-cứ trên pháp-luật để biết ra quyền-lợi của ta cũng như của người khác, tránh sự va chạm lẫn nhau. Vì thế, đối với kẻ yếu hèn, pháp-luật là khì giới hữu-hiệu nhất.

Sau nữa, pháp-luật còn xác định những bồn-phận của mọi cá-nhân trong việc xây-dựng quốc-gia, thí-dụ như bồn-phận phải đóng thuế, quân-dịch v.v..

Như vậy, trong mục-dịch vạch ra những quy-tắc hành-động, pháp-luật cho ta thấy những điều được phép, những điều cấm đoán, và những điều cấm phải làm.

2) Trừng-phạt :

Một mục-dịch nữa là pháp-luật còn có tác-dụng cải-hóa cá-nhân, hay dễn-bỗi những hành động đã làm, đó là ý-nghĩa của sự trừng-phạt. Sự trừng-phạt lại kèm theo một sự ngăn-ngừa tiêu-cực cho những hành-vi sai-lạc trong tương-lai đó là sự làm gương.

Tóm lại, pháp-luật nhằm mục-dịch duy-trì trật-tự của xã-hội và nó cũng làm tiêu-biểu cho một chế-độ dân-chủ, vì người ta thường do mức độ dân-

chủ của một quốc-gia căn-cứ vào trình-độ tự-do và sự tinh-vi của pháp-luật.

IV.— TIÊU-CHUẨN CỦA PHÁP-LUẬT

Tuy pháp-luật đã bảo-đảm cho tự-do của cá-nhân, nhưng muốn đi sát với tính-cách dân-chủ, luật-pháp phải có những tiêu-chuẩn sau đây :

1) Công-minh : Pháp-luật đặt ra không phải dành riêng cho một giai-cấp nào, mà được áp-dụng cho mọi người. Vì thế sự hợp-lý và công-bình rất cần-thiết. Sau nữa pháp-luật phải rõ-ràng tránh những sự hiếu lèch, mập mờ khiếu cho những kẻ manh-tâm có thè lợ-dụng. Ở những nước dân-chủ, pháp-luật được tu-bổ luôn luân luân để phù-hợp với trào-lưu tiến-bô.

2) Không có tính-cách độc-doán : Trước kia pháp-luật không thè-hen được ý-nguyện chung của mọi người, vì được tạo ra do lớp lãnh-đạo, nên thiếu tính cách dân-chủ. Nay giờ pháp-luật được trao cho một cơ-quan do dân đ჈-cử, gồm những người chuyên-môn và thè-hiện được ý-muốn của dân chúng nên nó không có tính-cách độc-doán, phi-lý.

3) Cơ-quan lập-pháp giữ tính-cách độc lập : Nghĩa là không bị áp-lực của một quyền-hành nào, như thế mới giữ được tính-cách vô-tu. Phần đại-cương của luật-pháp hoàn-toàn do đại biểu của dân chúng đặt ra, gọi là hiến-pháp. Khi cơ-quan Hành-pháp có quyền ban-bổ một số Nghị-định, sắc-luật, cũng không thè đi trái với tinh-thần của Hiến-pháp đó. Khi xét xử cũng vậy, các pháp-quan chỉ-cần chiếu theo các điều-luật mà thi-hành chứ không bị chi-phối bởi cơ-quan nào khác.

4) Luật-pháp phải có một giá-trị tuyệt-đối trong phạm-vi của Quốc-gia đó, nghĩa là ai ai cũng phải tuân theo bất-kẽ dân chúng, hay chính-quyền kẽ luôn cả người làm ra pháp-luật nữa.

Ta đã xét đến yếu-tố Pháp-luật cơ-sở của chế-độ Pháp-trị. Nhờ đó ta có thè dựa vào tính cách dân-chủ của pháp-luật mà nhận-định tính cách dân-chủ chủ của chế-độ pháp-trị. Tuy nhiên muốn rõ ràng hơn, ta so sánh quan-niệm pháp-trị với quan-niệm Nhân-trị.

V.— QUAN-NIỆM NHÂN-TRỊ

Ở các quốc-gia thời trước, người ta cai-trị dân không dựa vào luật pháp mà dựa vào đạo-đức. Chẳng hạn, theo Không-tử muốn duy-trì trật-tự một quốc-gia, thì điều quan-trọng không phải là đặt ra pháp-luật cho rõ ràng, mà là giáo-hóa dân-chúng sống theo đạo-đức. Một khi ai ai cũng cư-xử

với nhau trong tình nhân-ái, không tham-lam, không ích-kỷ thì pháp-luật trở nên vô-ích. Theo Mạnh-tử, thì Pháp-luật càng tinh-vi, chặt-chẽ thì lòng người càng xa cái nguồn đạo-đức có sẵn nơi con người (Cơ-chế tất cơ-tâm) Như vậy cái tài của người cầm quyền là khiến cho mọi người lấy tu thân làm gốc, biết hồn-thiện khi làm điều quấy, biết thương người khi thấy kẻ khốn cùng, ai ai cũng trọng điều tín-nghĩa, tránh điều dở mà làm điều hay. Không-Tử có viết : « Xử kiện thì ta cũng như người, sao cho khỏi xử-kien mới hay ».

Cái quan-niệm Nhân-trị nay đã được áp-dụng trong việc chính-trị suốt mấy ngàn năm ở Trung-hoa và nhiều nước khác. Đã có một thời, kết-quả rất tốt đẹp, nhất là khi dân-chúng còn mộc-mạc, chưa đông-đúc và được những nhà lãnh-dạo đầy đủ tư-cách.

Nhưng, đến nay nó không còn thích hợp nữa, vì với cái đà tiến hóa của nhân-loại, mọi xã-hội đã tiến đến cái chỗ phức-tạp, cạnh tranh đe sinh tồn, lòng người càng ngày càng yếu đuối, ích-kỷ.

VII.— QUAN-NIỆM PHÁP-TRỊ

Đô 400 năm sau, Hán-phi-Tử một đại-biều của phái Pháp-gia lại chủ-trương phải dùng pháp-luật trong việc trị nước. « Các bậc đế-vương phải biết cái « thuật » điều khiển người có khả năng đe làm việc nước : đó là dùng quyền hành và pháp-luật ». Ông có nhận định mấy khuyết điểm của lối nhân-trị :

1) Trong thời loạn lạc, lòng người đảo-diên, mà dùng đạo-đức đe trị dân là một việc lý-tưởng xa vời. Hơn nữa, vốn là đồ đệ của Tuân-Tử, Hán-phi-Tử không tin vào cái bản-tính thiện của con người, mà cho con người vốn tính ác, như vậy pháp-luật là một điều cần thiết.

2) Thiếu một cơ sở pháp-luật thì việc thưởng phạt không công-minh, vì nhà cai-trị ngoài cái vốn đạo-đức còn có những dục-vọng sở thích lệch-lạc.

3) Sau nữa, bậc quân-tử tu-thân cho trọng-vẹn, không phải là có nhiều, việc giáo-hóa dân chúng không phải trong chốc lát mà xong được.

Chúng ta có thể nêu ra mấy khuyết-diểm nữa :

4) Nếu không có pháp-luật, người dân không biết lấy đâu làm tiêu chuẩn đe hành-dộng, họ rất dễ bị lầm-lạc.

5) Người cai-trị xưa là nhà hành-pháp, lập-pháp và tư-pháp thì để trở nên độc-tài, chuyên-chế, lạm-quyền.

6) Và cuối cùng, quyền lập-pháp như vậy là do một người, một giai-cấp (giai-cấp thống-trị) làm sao có thể phản-ảnh ý nguyện toàn dân được. Cho nên họ có thể ban-hành những đạo-luật ác-nghiệt bóp nghẹt mọi tự-do con người.

Tóm lại, qua những khuyết-diểm trên, một xã-hội không thể không áp-dụng lối pháp-trị được. Pháp-luật minh-nhiên, trừu-tượng, nhưng không có những tham-vọng như con người, nên nó vô-tư đe bảo-dàm tự do của con người. Rousseau đã coi pháp-luật là một phương thuốc thần-hiệu đe chống chuyên-chế và đe ván-hồi công-bằng và tự-do.

VII.— NHẬN-ĐỊNH

Tuy nhiên, chúng ta cũng đừng quá tin vào những ưu-đèm của nền pháp-trị. Pháp-luật có hữu-hiệu trong chế-dộ dân-chủ thât, nhưng chỉ mới là điều-kiện cần chứ chưa đủ. Xã-hội hiện-thời càng ngày càng tiến đến chỗ phức-tạp, càng phức-tạp bao nhiêu luật-pháp càng phải ti-mi, nhưng càng ti-mi bao nhiêu thì càng gây rắc-rối bấy nhiêu, khiến cho sự sinh hoạt thêm khó khăn. Dân trong một nước văn-minh hiện-đại, kề cả những nước tiền-tiến, đã mấy ai am hiểu pháp-luật đe thi hành, huống hồ dân những nước chậm-tiến. Sau nữa, đúng như quan-niệm của Mạnh-Tử là « cơ-chế tất cơ-tâm » nghĩa là càng máy móc bao nhiêu thì lòng người càng muru-meo bấy nhiêu. Mưu-meo đe tìm những kẽ hở của pháp-luật đe lợi-dụng. Mặt khác vịn vào pháp-luật thái-quá, đời sống trở nên công-thức-quá, nghĩa là đóng khuôn trong một giới hạn cứng nhắc nhiều khi phản-lại cả tính cách dân chủ nữa. Và cuối cùng, pháp-luật đã gây ra tính cách phân-công quá ti-mi đe đến chò thiếu-thống nhât, gián-tiếp đã gây ra tình trạng vô-trách nhiệm.

Pháp-luật là kỹ-thuật tổ chức theo khoa-học, là hàng rào ngăn ngừa độc-tài, là bảo-dàm cho tự-do, cho chế-dộ dân-chủ, nhưng một nền pháp-trị không thê nào quên được vai trò đạo-đức, hay nói khác đi pháp-trị phải cần được dung-hòa với nhân-trị.

CÂU HỎI

- 1) Vai trò của pháp-luật trong chế-độ dân-chủ.
- 2) Tóm tắt mục-dịch và ý-nghĩa của pháp-luật.
- 3) Pháp-trị là gì?
- 4) Tại sao pháp-luật cần phải có tính cách tuyệt-đối?
- 5) Tại sao pháp-luật mới là điều-kiện cần chú chưa đủ trong một chế-độ dân-chủ?
- 6) Tại sao Rousseau đã coi pháp-luật là phương thuốc thần-khiếu để chống chuyên-chế và để vãn-hồi công-bằng và tự-do?

BÀI THỨ MƯỜI BA

SỰ PHÂN-QUYỀN

- I.— Ý-nghĩa của sự phân-quyền.
- II.— Các học-thuyết phân-quyền.
- III.— Định-nghĩa.
- IV.— Mục-dịch của sự phân-quyền.
- V.— Sự phân-quyền trong các hiến-pháp.
- VI.— Sự phân-quyền trong tổ-chức công-quyền ngày nay.

I.— Ý NGHĨA CỦA SỰ PHÂN-QUYỀN

Trong một chế-độ dân-chủ tự-do, nguyên-tắc căn-bản là chủ-quyền quốc-gia thuộc về dân, mọi công-dân phải được tự-do và bình-đẳng, chế-độ chính-trị phải dựa trên luật-pháp.

Nhưng, luật-lệ có đủ để bảo-dảm cho chế-độ tự-do dân-chủ khỏi bị tiêu-diệt không? Aristote, Montesquieu đã trả lời là không. Chứng cứ Đô-thị Athènes xưa kia đã thiết-lập nền Cộng-hòa, nhưng chế-độ này đã nhiều lần bị kẻ độc-tài chuyên-quyền bóp chết,

Nguyên-nhân thật là dễ hiểu. Theo tâm-lý chung, con người hễ có quyền-hành trong tay, thường có khuynh-hướng tự-nhiên là bành-trướng và lạm-dụng quyền hành. Cũng vì thế, Montesquieu đã nhận xét: chính-quyền của dân không hẳn đã bảo-dảm được tự-do dân-chủ. Vì, một chính-thì dân-chủ vẫn có thể độc-tài, khi đa-số áp-bức thiểu-số! « Do đó, Montesquieu không đặt vấn-dề chính-thì là quan-trọng, mà đặt vấn-dề :

làm thế nào để cho người dân được tự-do một cách thiết-thực. Nhưng làm thế nào để cho người dân được hưởng một nền tự-do thiết-thực và lâu-dài ?

Montesquieu đã đưa ra thuyết phân-quyền.

Chính nhờ thuyết phân-quyền này mà người nắm quyền-hành biết được phạm-vi quyền-hành của mình tới đâu là hết, tới đâu là phải ngưng lại. Nhờ đó, sự tự do được bảo đảm.

Nguyên-tắc phân quyền được áp-dụng lần đầu tiên trong Hiến-pháp Hoa-kỳ và ngày nay đã trở thành căn-bản của mọi chế-độ tự-do. Bản tuyên ngôn Dân-quyền cũng ghi : « Xã-hội nào không bảo-dảm dân-quyền và không xác-định sự phân-quyền là một xã-hội không có hiến-pháp ».

II.— CÁC HỌC-THUYẾT PHÂN-QUYỀN

Để tìm hiểu về nguồn-gốc của nguyên-tắc phân-quyền, không thể bắt đầu từ Montesquieu (thế kỷ XVIII) với cuốn « Văn-Pháp Tinh-lý » mà phải trở ngược thời-gian. Thật vậy, ý-niệm phân-quyền được tìm thấy ở Aristote, một nhà hiền-triết Hi-lạp, từ thế-kỷ thứ IV trước Tây lịch; ở Polybe, một nhà sử học Hi-lạp, thế-kỷ thứ II trước Tây lịch và Locke, một nhà triết học Anh, thế-kỷ XVII.

1) Aristote (—384-322) nhận-định rằng : quyền-hành không thể có tính cách tuyệt-đối rộng-rãi. Nền Cộng-hòa Athènes, sở dĩ, đã nhiều lần bị kẻ chuyên-quyền bóp chết là vì chế-độ đó không có phương-pháp nào bảo-dảm. Vậy muốn bảo-vệ nền Cộng-hòa lâu-dài nên chia quyền-hành ra làm ba :

- Quyền thảo-luận và quyết-định về tò-chức chính-quyền.
- Quyền-thi-hành công-vụ.
- Quyền xử án.

Mỗi quyền trên đây sẽ trao cho nhiều người hay nhiều nhóm người. Aristote cho rằng : cách phân-quyền này có thể bảo-dảm được cho nền dân-chủ.

2) Polybe (—205-124) nghiên-cứu lịch-sử La-Mã đã nhận thấy rằng, người La-mã sở-dĩ đã chiến-thắng được các dân-tộc khác, không những là nhờ ở tài tò-chức binh-bị mà còn nhờ ở tính-cách vững-chắc của chế-độ chính-trị. Chế-độ chính-trị vững ở chỗ : hiến-pháp La-mã đã chia quyền hành làm ba .

- Các vị tòng-tài (consul) La-mã giữ quyền hành-pháp.
- Nghị-viện La-mã (sénat) là một hội-nghị gồm đại-diện của giới quý-tộc, giữ quyền đề-nghị các đạo-luật.

Hội-nghị bình-dân La-mã (comices romans) gồm đại-biểu của giới bình-dân trong đô-thị La-mã, có nhiệm vụ bầu phán-quan và giải quyết Công-vụ.

Theo Polybe, nhờ có sự phân-quyền này mà người La-mã tránh được các cuộc chính-biến. Những cuộc chính-biến đó là mầm mống thảm trạng suy-vong của hầu-hết các đô-thị Hi-lạp thời bấy giờ.

Tài-liệu của Polybe đã ảnh-hưởng tới các học-thuyết phân-quyền của thế kỷ XVII, XVIII.

3) Học-thuyết phân-quyền của Locke (1632-1704). Trong cuốn « khảo luận về chính-phủ dân-sự » (1680), Locke chủ-trương chia quyền-hành làm ba lãnh-vực, nhằm bảo-dảm cho nền dân-chủ :

- Lập-pháp
- Hành-pháp
- Quyền đối-ngoại

4) Học-thuyết phân-quyền của Montesquieu (1689-1755).

Montesquieu, một luật-gia kiêm văn-hào Pháp nổi tiếng, đã viết nhiều sách, đã đi nhiều nước, nhất là nước Anh. Trong các cuốn sách của ông, ảnh-hưởng nhiều nhất là quyền « Pháp lý tinh hoa » (1784). Trong cuốn này, Montesquieu mượn lại ý của Locke, nhận-định rằng : « Cần phải có quyền để ngăn cản quyền, do quyền-lực của mọi việc. Cần phải có sự quân-bình giữa các quyền và sự đối-phó giữa các quyền, nhờ đó ta có thể tránh được độc-tà ».

Quyền-hành đã được chia làm ba :

Quyền lập-pháp : là quyền làm, sửa đổi và hủy bỏ những đạo-luật.

Quyền hành-pháp : là quyền duy-trì an-ninh, trật-tự, tuyên-chiến...

Quyền tư-pháp : là quyền xét-xử những vụ vi-phạm luật-lệ.

II.— ĐỊNH-NGHĨA

— Định-nghĩa : Phân-quyền là một nguyên-tắc dân-chủ, nhằm mục đích dùng quyền để ngăn-cản quyền, hẫu-tạo thế quân-bình giữa các quyền để

tránh sự lạm-quyền và độc-tài, bằng cách phân-chia quyền hành quốc-gia ra làm nhiều phần và trao mỗi phần quyền đó cho một cơ-quan.

— *Sự áp-dụng* : Nguyên-tắc này, ngày nay, được ghi vào hiến-pháp và được coi như căn-bản của mọi chế-độ dân-chủ. Đại-cương các quyền trong một nước thường được chia làm ba quyền. Nhưng cũng có nước chia quyền-hành trong nước làm năm quyền (Trung-hoa Dân-quốc).

— *Hình-thức phân-quyền* :

- *Nhiệm-vụ lập-pháp* : là quyền lập ra các đạo-luật. Quốc-hội giữ nhiệm-vụ này.
- *Nhiệm-vụ hành-pháp* : là quyền thi-hành các đạo-luật do Quốc-hội biều-quyết. Quốc-trưởng và Thủ-tướng hoặc Tông-thống giữ nhiệm-vụ này.
- *Nhiệm-vụ tư-pháp* : là quyền xét xử những vụ vi-phạm luật. Tòa án giữ nhiệm-vụ này.

— *Đặc-tính của sự phân-quyền* :

● *Tính cách độc-lập* của mỗi cơ-quan : mỗi cơ-quan có những nhiệm-vụ rõ ràng và một hệ-thống tò-chức riêng. Cơ-quan này không được lấn quyền sang cơ-quan khác. Nếu tòa-án có quyền làm luật thì nguyên tắc phân-quyền không còn ý nghĩa nữa.

● *Độc-lập* không có nghĩa là biệt-lập : các cơ-quan không có quyền quyết định theo sở-thích. Mặt khác, phân-biệt triệt-đè giữa các quyền là một điều rất khó, vì quyền hành-pháp nếu không muốn bị tê liệt, thỉnh thoảng phải ra một số qui-tắc tồng-quát lấn trên quyền lập-pháp. Nói cách khác, sự phân-quyền một cách cơ giới, không điều-hòa được các quyền-hành trong một quốc-gia là đưa dân-chúng vào một nạn độc-tài của mỗi cơ-quan.

— Các cơ-quan phải kiềm-soát lẫn nhau : Các quyền còn phải kìm hãm, kiềm-soát lẫn nhau. Đặc-tính này sẽ giúp cho các cơ-quan giữ được thế quân-bình. Chẳng hạn : có trường hợp, chính-phủ có thể phản-khang hay phủ nhận một đạo-luật do Quốc-hội biều-quyết. Tòa-án có thể bất tuân một mệnh-lệnh bắt-hợp-pháp của chính-quyền. Một công-dân có thể kiện chính-phủ trước tòa-án, khi quyền lợi chính-dáng bị xâm-phạm...

IV.— MỤC-DÍCH CỦA SỰ PHÂN-QUYỀN

Phân-quyền nhằm mục-dịch chia quyền hành quốc-gia ra nhiều phần và giao mỗi phần quyền đó cho một cơ-quan, để tránh sự lạm-quyền và bảo-vệ được tự-do dân-chủ.

Thật vậy, nếu mọi quyền của quốc-gia tập trung vào tay một người hay một nhóm người, thì sẽ không tránh được nạn chuyên-chế hay độc-tài. Lịch sử Hi-lạp, các nước quân-chủ chuyên-chế hay các nước Cộng-sản đã chứng-tử điều này.

Về điểm này, Montesquieu đã biện-luận : « Nếu trong tay một cơ-quan, hay một người quyền lập-pháp sáp nhập với quyền hành-pháp, thời không có tự-do, vì ông Vua hay Quốc-hội sẽ đặt ra các luật lệ và áp-dụng một cách độc-đoán các luật lệ ấy.

Cũng không thể có quyền tự-do, khi quyền tư-pháp dính-liền với quyền lập-pháp hay quyền hành-pháp. Nếu quyền tư-pháp và quyền lập-pháp tập-trung thì tính mạng và tự-do của người dân sẽ bị nguy-hại, vì chính người đặt ra luật lại là người phân-xử và trừng-trị các vụ vi-phạm luật. Nếu quyền tư-pháp tập-trung với quyền hành-pháp thì vị quan-tòa có toàn-quyền của một kẻ áp-bức. Nếu cả ba loại quyền đều tập-trung vào tay một người hay một cơ-quan thì tất cả các tự-do căn-bản đều không còn nữa ! »

Và ông kết-luận : « Cần phải có quyền để ngăn cản quyền -đo-cường-lực của mọi việc. Cần phải có một sự quân-bình và đối-phó giữa các quyền, do việc đối-phó giữa các quyền ta có thể tránh độc-tài.

V.— SỰ PHÂN-QUYỀN TRONG CÁC HIẾN-PHÁP

Trên đây là những ý-nghĩa chính của nguyên-tắc phân-quyền. Tuy nhiên, sự áp-dụng nguyên-tắc này tại các nước dân-chủ không giống hẳn nhau vì còn tùy quan-niệm, tùy chế-độ của mỗi nước. Sự khác-biệt trong khi áp-dụng thường được nhận thấy rõ-rệt ở những tương-quan giữa ba quyền : hành-pháp, lập-pháp, tư-pháp.

Căn cứ vào sự phân-quyền nhiều hay ít, mềm dẻo hay cứng rắn, có thể phân-biệt :

a) *Chính-thể phân-quyền hẳn (isolement des pouvoirs)*.

Hình-thức phân-quyền này chỉ được áp-dụng một lần dưới thời Chấp-chính-viện (Directoire) ở Pháp.

Đặc điểm : Các quyền hoàn-toàn không biết nhau : hành-pháp không có quyền vào quốc-hội. Luật được Quốc-hội biều-quyết có hiệu-lực tức-khắc. Sự liên-lạc giữa Lập-pháp và Hành-pháp do một số người liên-lạc chạy thơ. Hành-pháp cũng được hoàn-toàn độc-lập, nghĩa là không phải chịu trách-nhiệm đối với Quốc-hội.

Kết luận : Chế-độ này không thể tồn-tại dài lâu, vì trong một thời-gian ngắn đã xảy ra nhiều vụ xung-dột, rút cuộc chính-quyền, đã rơi vào tay Ná-Phá-Luân.

b) Chính-thể cộng-lác-quyền (collaboration des pouvoirs) :

Chế-độ này được áp-dụng lúc lộn-xộn ở bên Pháp, (1848), Quốc-hội thu tất cả quyền-hành vào tay và ủy-nhiệm cho một ít người đại diện, điều hành quyền Hành-Pháp.

Ở Thụy-sĩ, chế-độ nghị-hội được áp-dụng. Các nghị-viên nắm chủ quyền trên nguyên-tắc. Nhưng, theo tập-quán, người được cử nắm quyền hành-pháp được tái cử luôn cho đến khi xin thôi việc hay chết đi. Nhờ đó, Thụy-sĩ mới tránh được sự lùng cảng nội-bộ hành-chính.

c) Chính-thể cho quyền hành-pháp độc-lập (indépendance du pouvoir exécutif) :

Chế-độ Tông-thống :

Chế-độ này được áp-dụng đầu-tiên ở Hoa-Kỳ từ 1787 cho đến nay.

Đặc-điem :

— Tông-thống được toàn dân bầu-cử. Việc bầu-cử sẽ thực-hiện bằng hai lần: lần thứ nhất các công-dân lựa-chọn "cử-tri Tông-thống" vào tháng 11. Vào tháng 1 năm sau, sự biều-quyết của cử-tri Tông-thống chỉ còn là một hình thức.

— Tông-thống tự do lựa-chọn bộ-trưởng vì Hiến-pháp Hoa-kỳ quan-niệm rằng: chính-phủ là chính-phủ của một người do dân chọn. Nhưng, quyền đó không triệt-đè, vì Tông-thống phải hỏi ý-kiến của Thượng-nghị-viên. Nhưng, từ 1787 cho đến bây giờ, Thượng-nghị-viên mặc nhiên không chịu kiềm-lai sự lựa-chọn của Tông-thống.

— Các Bộ-trưởng không có trách-nhiệm đối với Nghị-viện. Bộ-trưởng không có liên-lạc gì với các nghị-viện, nghị-viện không có quyền gửi chỉ-thị cho bộ, cũng không có quyền chi-trích. Nhưng, ngược lại Bộ-trưởng không có quyền làm dân-biều hay Thượng-nghị-sĩ.

— Ngược lại, Tông-thống không có quyền triệu-tập Quốc-hội cũng không có quyền giải-tán Quốc-hội.

— Tông-thống không có quyền sáng-kiến luật-pháp, nhưng có quyền gửi thông-diệp cho các nghị-viện để xin lưu-ý về một vấn đề.

— Tông-thống có quyền can-thiệp vào việc biều-quyết ngân-sách.

— Nhưng, ngược lại, nghị-viện không có quyền can-trở công việc của Tông-thống. Trừ trường-hop phản-bội, hối-lộ, hay một tội đại-hình nào khác. Theo thủ-tục đặc-biệt (Impeachment), hạ-nghị-viện truy-tố, Thượng-nghị-viện xử. Án phải được 2/3 Thượng-nghị-viện tán-thành.

— Tông-thống có quyền phủ-quyết: Tuy không có quyền sáng-kiến pháp-luat, nhưng Tông-thống có quyền phủ-quyết. Trong trường-hop ấy, luật bị hủy bỏ: nhưng, nếu lập-pháp muốn ban-hành lại cần phải được 2/3 cả hai nghị-viện biểu quyết.

Tóm-lại, đây là một hình-thức phân-quyền chặt-chẽ, nhưng mỗi quyền vẫn có liên-lạc, dề kềm-soát, kiềm-chế lẫn nhau.

— **Nhược-điem :** Chế-độ này có điểm bất-lợi: sự hoạt-dộng của chính-quyền có thể bị tê-liệt, vì hai cơ quan công-quyền chống-dối nhau. Mặt khác, hai cơ quan độc-lập, đồng-quyền, nên khi có sự xung-dột không có một cơ-quan nào có thể can-thiệp để giải-quyết. Nhưng chế-độ lưỡng-đảng ở Hoa-kỳ đã làm giảm bớt những điều bất-lợi này.

d) Chế-độ phán-quyền mềm-dẻo :

Chế-độ nghị-viện. Chế-độ này là chế-độ áp-dụng tại Pháp từ 1875 đến 1958 và ở Anh từ trước tới nay.

Theo chế-độ này, lập-pháp và quốc-trưởng—không chịu trách-nhiệm—cộng-tác chỉ-huy mọi việc, xuyên qua một nội-các chịu tất cả trách-nhiệm. Chế-độ này gồm ba yếu-tố:

— Quốc-trưởng: quốc-trưởng là biều-tượng cao nhất của quyền hành-pháp, nhưng ông không cai-trị vì ông không có trách-nhiệm gì cả.

— Nội-các: do quốc-trưởng chỉ-dịnh và chịu trách-nhiệm trước quốc-hội.

— Một nghị-viện được dân-cử, có thể có một hoặc hai viện.

Theo hình-thức phân-quyền này, cơ-quan công-quyền không những không bị giới-hạn trong phạm-vi của mình mà còn có bồn-phận theo rời

những hoạt động của những cơ-quan khác. Sự phối-hợp này nhằm mục đích điều hòa đời sống chính-trị quốc-gia cho thuận-nhất.

Chẳng hạn, cơ-quan lập-pháp có quyền điều-tra về những hành động của hành-pháp, có quyền bắt tín-nhiệm và bắt nội-các từ-chức. Ngược lại, hành-pháp cũng có quyền tham-dự những buổi thảo-luận của nội-các, có quyền chuyên dự-án luật, yêu cầu lập pháp thảo-luận và biểu-quyết. Mặt khác, Hành-pháp còn có quyền yêu-cầu Quốc-trưởng giải-tán quốc-hội.

Phân-quyền mềm-dẻo có ưu-diểm : thực-hiện được sự điều-hòa đường lối chính-trị quốc-gia. Sự cộng-tác giữa các cơ-quan công-quyền tránh được những trường hợp « trống đánh xuôi kèn thòi ngược » và kiềm-chế không cho các cơ quan có thè lạm-quyền.

VI.— SỰ PHÂN QUYỀN TRONG SỰ TỔ-CHỨC CÔNG-QUYỀN NGÀY NAY

Các nước theo chế-độ tự-do dân-chủ ngày nay đều áp-dụng nguyên-tắc phân-quyền một cách linh-dộng khác nhau. Nhưng đại-cương, sự tổ-chức công-quyền thường được thực-hiện bằng cách chia quyền hành trong nước ra làm ba quyền :

- Lập-pháp : là quyền làm ra luật. Quyền này do Quốc-hội giữ.
- Hành-pháp : là quyền thi-hành luật do chánh-phủ nắm giữ.
- Tư-pháp : là quyền xét-xử những vụ vi-phạm luật. do Tòa án giữ.

1) Quốc hội và quyền lập-pháp :

— Định-nghĩa : Quốc hội là cơ-quan gồm những đại-biều do toàn-dân tín-nhiệm bầu ra để thay mặt dân định-doạt, điều-khiển mọi sinh-hoạt của quốc-gia.

— Các loại Quốc-hội :

Quốc-hội lập hiến : loại quốc hội này có nhiệm-vụ thảo ra một bản Hiến-pháp. Bản hiến-pháp sẽ ấn-dịnh tính-chất của chế-độ và hệ-thống tổ-chức chính-trị (thành-phần, quyền-hạn quốc-hội, quốc-trưởng, chính-phủ, quyền-lợi và nhiệm-vụ công-dân.) Xong nhiệm vụ, quốc-hội sẽ tự giải-tán.

Quốc-hội lập-pháp : loại này, căn cứ vào tinh-thần hiến-pháp, thảo ra các đạo-luật thường, xác-định những điều-khoản để Tòa án thi-hành.

— Tòa chức lập-pháp. Chế độ độc-viện và lưỡng-viện :

— Chế độ độc-viện : Chế-độ này được bênh-vực bằng những lý lẽ :

- Độc-viện phản-ảnh đúng ý-nghuyện của dân. Nếu tồ-chức hai viện thì một viện sẽ thành vô-ích hoặc một viện không được dân-chủ.

• Tổ chức lưỡng-viện làm cho công việc lập-pháp chậm-trễ.

— Chế độ lưỡng-viện : thường được bênh-vực bằng những lý lẽ :

- Nhờ có Thượng nghị viện mà công việc lập-pháp chín-chắn hơn, tránh được những đạo-luật chuyên-chế

• Sự đại diện dân chúng được đầy đủ hơn.

Chế độ độc-viện hay lưỡng-viện cũng đều có lý. Sự áp-dụng chế-độ còn phải tùy hoàn cảnh của quốc-gia mà áp-dụng. Áp-dụng chế-độ lưỡng-viện rất thích-hợp đối với những quốc-gia rộng lớn hay đã trưởng-thành.

d) Quy-chế nghị-sĩ :

— Mục-đích : quy-chế nghị-sĩ được đặt ra nhằm mục-đích bảo-dảm quyền tự-chủ của nghị-sĩ đồng thời để cho dân-biều có đủ thời giờ làm tròn nhiệm-vụ.

Quy-chế gồm một điều-kiện và ba quyền-lợi :

— Bền-phận : Nghị-sĩ có bền-phận « bất-khả kiêm-nhiệm » để tránh sự chi-phối của hành-pháp.

— Quyền-lợi :

• Quyền đặc-miễn: cốt để bảo-vệ cho dân-biều tự-do thừa-hành nhiệm-vụ mà khỏi bị truy-tố trước pháp-luat. Quyền này gồm có sự vô trách-nhiệm (không bị truy-tố vì những ý-kien phát-biều trong khi thừa-hành phận sự) và quyền bất-khả xâm-phạm (không thè bị truy-tố hay giam-cầm, mặc dù đã vi phạm hình-luat, trừ trường-hợp qua-tang hay được Quốc-hội cho phép)

• Quyền được miễn-dịch.

• Quyền được hưởng phụ-cấp.

2) Chính-phủ và quyền hành pháp:

a) Nhiệm vụ của hành-pháp :

Chính-phủ có nhiệm vụ thi-hành các đạo-luật do Quốc-hội biểu-quyết. Ngoài nhiệm-vụ này, chính-phủ còn có trách-nhiệm Hành-chính (điều-khiển bộ máy quốc-gia, định quy-tắc hành-chính và quy-tắc tổng-quát mà mọi công-dân phải theo) và ngoại-giao.

b) *Tổ chức hành-pháp :*

Cơ-quan hành-pháp nhất đầu : còn gọi là đơn đặc chế hay đơn trị. Theo hình-thức này, quyền-hành nằm trong tay một người. Đây là một hình-thức tồ-chức mạnh, hiệu-lực và có khuynh-hướng chuyên-chế. Tuy nhiên, có chuyên-chế hay không là còn tùy bên vua hay Tông-thống có quốc-hội hay không. Hiện thời, nhiều nước áp dụng chế độ này dưới hình thức Tông-thống chế.

Cơ-quan hành-pháp lưỡng đầu : Hình-thức này ít áp-dụng. Quyền-hành do hai người có địa-vị và quyền ngang nhau. Khi quyết-nghị phải có sự đồng ý của hai người.

— *Hành-pháp chấp-chánh đoàn :* còn gọi hành-pháp đa-dầu, hay ủy-viên chế. Hình-thức này tập-trung quyền vào tay một số ít người có quyền ngang nhau. Chấp-chánh-doàn không có chủ-tịch, vẫn-dề được giải-quyết theo đa-số phiếu. Hình-thức này làm cho quyền hành-pháp bắt-lực, chậm-chạp và dễ đưa đến nạn tranh-chấp.

— *Cơ-quan hành-pháp song-lập :* Hình-thức này gồm có một vị quốc-trưởng và một ủy-ban chia quyền nhau. Quốc-trưởng có thể là Vua hay Tông-thống; ủy-ban thường gọi là nội-các.

Đặc-diểm của hành-pháp song-lập: nhân-viên nội-các không phải là thuộc-viên của Tông-thống. Họ được quyền tự-trị rộng-rãi, có quyền quyết định biệt-lập và chịu trách-nhiệm trước Quốc-hội. Mặt khác, nội-các có tính-cách tập-doàn và có trách-nhiệm liên-đới, nghĩa là những quyết-dịnh quan-trọng phải được toàn-thể hội-đồng nội-các thảo-luận và chấp nhận. Hình-thức này là một yếu-tố quan-trọng trong chế-dộ nghị-viện.

3—Tòa-án và quyền lập-pháp.

a) *Nhiệm-vụ :*

Cơ quan tư-pháp là những tòa-án có quyền phân-xử những vụ công-dân vi-phạm luật chung hay những vụ công-dân kiện cáo nhau. Tòa-án phân-xử phải căn-cứ vào những luật do cơ-quan lập-pháp làm ra.

b) *Đặc-diểm :*

Tính cách độc-lập của tòa-án. Cơ-quan tư-pháp không thể là một cơ-quan phụ-thuộc hành-pháp, vì Tư-pháp chỉ căn-cứ vào luật-pháp mà phân-xử, lấy câu « Pháp bất vi thân » làm phương-châm, nên không có tính-cách

chinh-trị. Do đó, các vị thẩm-phán đều được bảo-dàm bằng một Qui-chế. Bảo-dàm thông-dụng tại các nước là « quyền bất-khả bái ». Các vị thẩm-phán chỉ bị cất-chức hay thay đổi chức-vị trong những trường-hợp do luật định và theo thủ-tục đặc-biệt. Mục-dịch của quyền bất-khả-bái là để bảo-dàm cho quyền tư-pháp được độc-lập.

c) *Cách tuyên-bô thẩm-phán :*

Có 3 cách tuyên-dụng :

— Do dân bầu ra : Hình-thức có vẻ dân-chủ, nhưng thẩm phán do dân bầu dè có xu-hướng nhân-nhượng giới cử-tri hoặc biến-thành tay sai của đảng chính-trị.

— Tự-tuyên : đoàn-thể thẩm-phá tại chức tự chỉ-định thẩm-phán mới, không có sự can-thiệp của bên ngoài. Thẩm-phán tự-tuyên thường có năng-lực, nhưng dễ trở thành một đoàn-thể có uy-quyền và không còn tôn-trọng kỷ-luat quốc-gia.

— Do chính-phủ bô-dụng : thè-thức này thịnh-hành nhất và tránh được những hậu quả tai-hại nói trên. Sự độc-lập của cơ-quan tư-pháp sẽ được bảo-dàm bằng một quy-chế: một mặt giữ cho họ độc-lập với chính-quyền, mặt khác, khiến họ phải tôn-trọng luật-pháp.

CÂU HỎI

- 1) Tại sao phải phân-quyền?
- 2) Quan-niệm về phân-quyền của Aristotle và Polybe.
- 3) Quan-niệm của Montesquieu về phân-quyền.
- 4) Thể nào là phân-quyền?
- 5) Đặc-tính của sự phân-quyền.
- 6) Phân-quyền có mục-dịch gì?
- 7) Các quốc-gia có áp-dụng nguyên-lắc phân-quyền giống nhau không?
- 8) Trong các Hiến-pháp, nguyên-lắc phân-quyền có thể áp-dụng bằng mấy hình-thức.
- 9) Nói qua về chính-thể cho quyền hành-pháp độc-lập.
- 10) Nói qua về chế-dộ phân-quyền mềm dẻo.

- 11) So-sánh hậu-quả của chính-thề cho quyền hành-pháp độc-lập và chế-độ phân-quyền mềm dẻo.
- 12) Quốc-hội và sự phân-quyền.
- 13) Nên áp-dụng chế-độ độc-viện hay lưỡng-viện.
- 14) Có mấy loại Quốc-hội.
- 15) Tại sao phải lập quy-chế Nghị-sĩ ? Đặc điểm ?
- 16) Hành-pháp được tổ-chức theo những hình-thức nào ?
- 17) Hành-pháp song-lập khác với hành-pháp lưỡng-dầu như thế nào ?
- 18) Nhiệm-vụ và đặc-điểm của quyền Tư-pháp ?
- 19) Thàm-phán được tuyên-bô thế nào ? Cách tuyên-bô nào bảo-dảm quyền độc-lập của Tư-pháp hơn cả ?

BÀI THỨ MƯỜI BỐN

NGUYÊN-TẮC ĐA-SỐ VÀ SỰ TÔN-TRỌNG THIỀU-SỐ

A.— Nguyên-tắc đa-số.

B.— Sự tôn-trọng thiểu-số.

A.— Nguyên-tắc đa-số:

Chế-độ Dân-chủ Tự-do được coi là một chế-độ lý-tưởng. Nhưng lý-tưởng ở đây không có nghĩa là không-tưởng, vì chế-độ Tự-do Dân-chủ đã tìm ra được những thề-thức rất tinh-vi, rất khôn khéo để thực hiện Tự-do bằng cách giải-quyết những mâu-thuẫn — không thề không có phát — hiện giữa Tự-do cá-nhân và Tự-do của đoàn-thề. Biện-pháp dung-hòa Tự-do cá-nhân và Trật-tự xã-hội đó là : Nguyên-tắc đa-số và những biện-pháp dẽ tôn-trọng thiểu-số.

I.— LÝ-DO ÁP-DỤNG NGUYÊN-TẮC ĐA-SỐ.

Theo Montesquieu, chính-thề lý-tưởng phải là một chính-thề bảo-dảm được quyền Tự-do của hết thấy mọi người. Ông còn định-nghĩa: Tự-do là quyền ăn nói, suy-nghĩ, viết và sống một cách lương-thiện tùy theo sở-thích, không phải sợ-hãi một quyền-lực nào cả. Ý-niệm Tự-do trên đây, thật hoàn-toàn tốt đẹp. Tuy nhiên ý-niệm, Tự-do này chỉ có thể thực-hiện được trong khung-cảnh thiên-nhiên, khi con người còn sống lê-loi, riêng-biéet.

Thật vậy con người là một động-vật quần-sinh, dã từ-bỏ cảnh thiên-nhiên và dời sống cô-dộc, lê-loi, dẽ gia-nhập vào một cộng-dồng, một xã-hội, nhằm tránh-trốn những nguy-hiểm rình-rập đầy-rẩy trong thiên-nhiên.

đồng thời mong tìm được những sản-phẩm để thỏa-mãn những nhu-cầu phức tạp của mình. Cúng vì thế, lý-tưởng Tự-do phải được đặt trên hai phương-diện :

— Con người sinh ra vốn được Tự-do, nên khi gia nhập một xã hội, quyền Tự-do đó không thè vì một lý-do gì bị mất đi. Nói cách khác, con người vẫn có quyền tự mình định-đoạt cách xử-thế, khỏi cần đến sự cầu-thúc nào ở bên ngoài.

— Mặc khác, nếu xã-hội có trách-nhiệm bảo-dảm an-ninh trật-tự cho các cá nhân thì lẽ đương nhiên, xã-hội cũng có quyền đặt ra các luật-lệ cần thiết để bảo vệ nền trật-tự đó mà các hội-viên có bồn-phận phải tuân theo.

Khuynh-hướng tự-nhiên của cá-nhân là muốn có một đời sống Tự-do rộng rãi nhất, trong khi đó, Xã-hội lại muốn bắt cá-nhân tuân theo luật-lệ do xã-hội đặt ra. Mâu-thuẫn giữa cá-nhân và xã-hội là ở chỗ đó. Vậy, làm thế nào để thực-hiện được một chế-dộ Tự-do đúng với ý niêm Tự-do của các lý-thuyết-gia dân-chủ ? Nói cách khác, làm thế nào để giải-quyết mâu-thuẫn giữa một bên là cá-hân có toàn quyền định đoạt số phận mình, một bên là xã-hội có nhiệm vụ bảo-dảm an-ninh, trật-tự cho mọi cá-nhân.

— *Biện-pháp lý-tưởng* : Phương-pháp thực-hiện hoàn-toàn nhất là : mọi cá-nhân đều trực-tiếp tham-gia chính-quyền và tất cả mọi cá-nhân đều đồng ý với nhau về mọi vấn-dề. Đây là một giải-pháp thật tốt đẹp, vì : mâu-thuẫn giữa cá-nhân và xã-hội không còn nữa, mỗi người phải tuân mệnh-lệnh của xã-hội, nhưng chính là chỉ tuân theo mệnh lệnh của mình.

Nhưng cái gì hoàn-toàn cũng khó lòng thực-hiện được trong xã-hội.

Thật vậy, trong thực-tế, không thè có vấn-dề mọi cá-nhân trong xã-hội đều tham-gia chính-quyền, vì một lý-do đơn-giản là : trong một quốc-gia đất rộng, người đông, không thè tò-chức một chính-quyền của toàn dân. Ngày nay hầu hết các quốc-gia đều áp-dụng chế-dộ đại-nghị, cứ một số người thay mặt nắm giữ chính-quyền.

Mặt khác, sự đồng tình giữa toàn thè mọi cá-nhân về mọi vấn-dề trong một quốc-gia cũng chỉ là một điều mong ước, chứ không thè có trong thực-tế, vì : giữa một nhóm nǎn, ba người cũng không làm gì có một sự đồng tình hoàn-toàn, huống hồ một quốc-gia có một dân số đông hàng trăm triệu.

Tóm lại, sự đồng thanh nhất-trí không thè nào có được, nên giải pháp lấy ý của da-số làm quyết-định chung là một phương-pháp thỏa-dáng và tốt đẹp hơn cả.

II.— NGUYỄN TẮC

Nguyễn-tắc da-số là một nguyên-tắc căn-bản của chế-dộ dân-chủ, theo nguyên-tắc này, mọi vấn-dề, mọi bất-dồng ý-kiến liên-quan đến tồ-chức quốc-gia, điều hành công quyền, biều quyết luật pháp đều được giải-quyết trên tiêu-chuẩn : lấy ý kiến của số đông làm quyết định chung. Nhóm thiểu số phải tuân theo quyết-định chung ấy.

Nguyễn-tắc này tuy không tuyệt đối công-bình, nhưng cũng đã tiêu-biểu được một phần lớn ý-chí của xã hội, nhờ đó dung-hòa được quyền tự-do của cá-nhân và sự cần-thiết bảo-vệ trật-tự chung của xã-hội.

— Cách-thức áp-dụng nguyên-tắc da-số : sự đầu-phiếu.

Đầu-phiếu là một dịp tỏ rõ quyền-hành của mình, đồng thời cũng là một thè-thức duy-nhất để tạo một ý chí chung của đoàn-thè theo nguyên-tắc da-số.

Trong các chế-dộ Dân-chủ Tự-do, một cuộc đầu-phiếu muốn phản ánh một cách trung-thực ý-chí của da-số, phải căn-cú trên những tiêu-chuẩn sau đây : phò-thông, bình-dâng, tự-do, kín, và trực tiếp.

III.— CÁC HÌNH THỨC DA-SỐ

Đè biều-lộ ý-chí chung, nhiều hình-thức da-số được chấp-nhận :

1) Da-số toàn-diện :

Có da-số toàn-diện : khi thè-thức biều-quyết đòi toàn-thè hội viên có thèm-quyền đồng chấp-nhận. Đó là thè-thức bùa-quyết áp-dụng tại Hội-dồng Bảo-an Liên-hiệp-Quốc : một vấn đề muốn được chấp-thuận phải được tất cả năm hội-viên vĩnh viễn đồng-ý.

2) Da-số tuyệt-đối :

Áp-dụng hình-thức da-số tuyệt-đối, khi quá nửa số hội-viên có quyền, bỏ phiếu, biều-quyết mới được chấp-nhận, nói cách khác quyết-nghị chung phải được quá nửa những hội viên có quyền bầu-phiếu chấp-thuận. Ví dụ : tổng số nghị-sĩ tại Quốc-hội là 600, một đạo-luat muốn được biều-quyết phải được đa số tuyệt-đối là 301 tán-thành. Điều-kiện này phải có, dù số nghị-sĩ đi họp có 500.

Hình thức đa số tuyệt đối được áp dụng trong trường hợp phải biểu quyết những vấn đề quan trọng.

3) *Đa-số tương đối :*

Có đa số tương đối khi phần trăm số người hiện diện trong buổi họp chấp thuận. Ví dụ : Một công ty theo nội quy khi quyết định phải theo phần trăm số tương đối. Số hội viên có quyền biểu quyết là 25 người ; nhưng buổi họp chỉ hiện diện có 15 người. Vậy điều kiện chỉ đòi số chấp thuận là 8 người.

IV.— GIÁ-TRỊ CỦA NGUYỄN-TẮC ĐA-SỐ

Ngày nay, nguyên tắc đa số, trong thực tế, đã được các nước, các hiệp hội, các đoàn hè coi là một biện pháp tốt nhất để biểu lộ ý chí chung, đồng thời để giải quyết những sự bất đồng ý kiến về một vấn đề. Tuy nhiên người ta đã không hoàn toàn đồng ý với nhau về giá trị của nguyên tắc này. Có hai nhóm chống nhau :

— Nhóm tán thành : thời Trung cổ nguyên tắc đa số đã được cỗ vũ. Ý chí của đa số được coi như ý chí của toàn dân.

Thế kỷ XIX, nhiều nhà chính trị Anh, Pháp, Hoa Kỳ đã quan niệm rằng : đa số tiêu biểu cho sự đồng tâm. Tại Mỹ, đa số có một giá trị rất lớn, và được coi như một nguyên tắc để giải quyết mọi vấn đề.

Jackson, Karl Marx cũng cho rằng : đa số bao giờ cũng có lý, có toàn quyền.

— Nhóm công kích : chế độ quân chủ chuyên chế, độc tài... trái lại cho rằng : Không làm gì có đa số. Và cho rằng, dù có đa số đi chăng nữa thì chỉ là một ảo tưởng, một đa số giả tạo, do tuyên truyền bịa-bịa, hoặc do đe-dọa tạo ra. Do đó, phải nghi ngờ và chế ngự đa số đó.

Ngày nay, một số chính trị gia, tuy không phản đối nguyên tắc đa số nhưng lại cho rằng : không thể có đa số. Vì, trong khi tìm hiểu ý kiến của quần chúng về một vấn đề, họ nhận thấy : có rất nhiều dư luận, dư luận lại rất phức tạp, mơ hồ, mâu thuẫn. Nhưng khi biểu quyết họ lại thấy có một đa số. Đa số đó phải chăng là sản phẩm của một chiến dịch tuyên truyền xảo-trá hoặc là kết quả của một sự đơn giản hóa đến mức biến tính hẳn những dư luận phát biểu.

Cũng vì quan niệm giá trị của đa số như thế, nên họ đề nghị : không nên căn cứ vào đa số của các đơn vị địa phương, trái lại nên tố

chức các đơn vị nghiệp đoàn, hợp tác xã... Các đơn vị này, vì cùng một quyền lợi, có những hiểu biết giống nhau, nên khó bị lừa bịp.

Tóm lại, ý kiến của nhóm công kích không phải là hoàn toàn vô lý, nhưng xét cho cùng, nguyên tắc đa số vẫn là phương thức giải quyết các vấn đề một cách thỏa đáng hơn cả.

B.— *Sự tồn-tạng thiều-số :*

Nguyên tắc đa số tuy được coi là một biện pháp thỏa đáng để giải quyết các vấn đề trong chế độ Dân chủ. Nhưng nguyên tắc này vẫn chưa phải là một giải pháp toàn hảo, vì đa số tự cho là mình lúc nào cũng có lý và có toàn quyền, nên có thể lợi dụng ưu thế của đa số để áp bức thiểu số, mặt khác, người đại biểu được dân bầu cũng rất dễ quên mất nguồn gốc của chính quyền mà phản bội lại quyền lợi của dân. Chế độ Tự do Dân chủ cũng đã nghĩ đến những trường hợp này và đã đề ra nhiều biện pháp, nhằm bảo vệ sự tự do của thiểu số :

- Nguyên tắc phân quyền.
- Nguyên tắc : bất khả xâm phạm của quyền Tự do căn bản.
- Nguyên tắc đối lập.
- Nguyên tắc : tuyệt đối của luật pháp.

— NGUYỄN-TẮC PHÂN QUYỀN

Locke và Montesquieu đã nhận định rằng ; nếu quyền hành tập trung vào tay một người hay một cơ quan thì, dù người đó, cơ quan đó, có do dân cử ra thì sự tự do của người dân cũng dễ bị xâm phạm. Vì vậy mà nguyên tắc phân quyền được đặt ra để phân chia quyền hành thành các quyền hạn riêng biệt, không干涉彼此.

Quyền hành trong một quốc gia thường được chia làm ba : hành pháp, lập pháp, tư pháp. Sự phân quyền phải được thực sự nghĩa là mỗi cơ quan được trao cho một phạm vi hoạt động rõ rệt, các quyền phải độc lập với nhau, nhưng vẫn có thể giám sát lẫn nhau.

Nhờ sự phân quyền này, chính quyền sẽ không đi đến chèo lạm quyền tự do của cá nhân không bị xâm phạm, tiếng nói của thiểu số không bị bóp nghẹt, mọi người khỏi bị hăm dọa, sợ sệt.

II.— NGUYỄN TẮC

Bất khả xâm phạm của các quyền tự do căn bản.

Phân-quyền là một biện-pháp hữu-hiệu để bảo-vệ thiểu-số, nhưng chưa đủ, vì các kẻ cầm quyền trong ba quyền có thề thông đồng với nhau để đặt ra những luật-lệ có lợi cho họ. Thật ra, cá-nhân trong xã-hội, có thề chấp nhận một sự hy-sinh về quyền tự-do của mình để đổi lấy tiện-nghi và lợi-ích do xã-hội đem lại, nhưng, nếu sự hy-sinh không biết đâu là giới hạn thì người công-dân trong chế-dộ Tự-do như thế có khác gì một người dân trong một nước phong-khiến, chuyên-chế. Do đó, phải ấn-định một phạm-vi mà trong đó, cá-nhân phải được hành-động theo ý muốn của mình. Hiến-pháp các nước Dân chủ cũng như Bản Tuyên ngôn nhân quyền của Liên-hiệp-quốc đã ghi những tự-do căn-bản đó. Chẳng hạn: quyền Tự-hữu, quyền bầu-cử, quyền Tự-do ngôn-luận, tự-do tín-ngưỡng, tự-do sinh sống...

Chính những tự-do căn-bản này là giới-hạn giữa cá-nhân và đoàn-thề, giữa nhà cầm-quyền và người công-dân. Cá-nhân hay thiểu số có thề dùng các quyền này làm cái mộc để thề hiện ý chí và quyền tự-do con người của mình.

Tóm lại, nhà cầm-quyền không được tự chuyên mà phải tôn-trọng các quyền căn-bản của mỗi công-dân, hoặc nếu vì công ích, nhà cầm quyền cần phải hạn-chế quyền tự-do của người dân thì cũng không thề vượt quá các quyền tự-do căn-bản này. Trong trường-hợp, nhà cầm quyền xâm-phạm vào các quyền này, quyết-định của đa-số không còn hiệu lực nữa.

III.— NGUYỄN TẮC : ĐỔI-LẬP

Nguyễn-tắc phân-quyền và tôn-trọng các quyền tự-do căn-bản của người dân sẽ chỉ là những « danh-tử dẹp » nếu nguyên-tắc đổi-lập không được công-nhận. Thật vậy, đổi-lập là một thứ khí-giới bảo-vệ nền tự-do một cách tích-cực, hữu-hiệu. Tại Anh, Hoa-kỳ, đổi-lập được pháp-lý bảo-vệ, là một tổ-chức có tính-cách pháp-nhân.

Vai-trò của đổi-lập không những là tiếng nói, là sức mạnh để bảo-vệ thiểu-số mà nó còn đóng vai trò xây dựng quốc-gia. Phe đa số cũng nhờ có tiếng nói đổi-lập mà tìm hiểu rõ lòng dân, chăm lo, mưu ích cho dân, nhờ đó khỏi phải rơi vào nạn độc-tài, đảng-tri.

Ngày nay, bất cứ một quốc-gia nào trung-thành với lý-tưởng Tự-do Dân-chủ cũng đều chấp-nhận « Đổi-lập »

IV — NGUYỄN-TẮC : TUYỆT-ĐỐI CỦA LUẬT-PHÁP

Cái « Thắng » linh nghiệm sau cùng của chế độ Tự-do Dân-chủ đe ngăn cản chính-quyền khỏi đi quá đà, đó là quyền tuyệt-đối của pháp-luat.

Xã-hội là một cộng-đồng gồm nhiều cá-nhân có quyền tự-do làm theo ý mình. Xã-hội sẽ trở nên hỗn-độn nếu mọi người được phép làm bất cứ cái gì, vì cá-nhân rất phức-tạp, mâu thuẫn nhau vì quyền-lợi, khác nhau vì sở-thích. Do đó, muốn có an-ninh trật-tự muôn bảo-dàm tự-do cho mỗi cá-nhân, xã-hội phải lấy pháp-luat làm căn-bản. Để thề hiện bình đẳng và tự do của con người trong xã-hội, luật-pháp phải có quyền tuyệt-đối với tất cả mọi người, không phân biệt giàu nghèo, địa vị. Không ai được bảo-rằng: «mình không biết luật-pháp».

Tại sao luật-pháp lại có hiệu lực đối với tất cả mọi người ? Lý do : Hiến-pháp, luật-pháp tiêu-biểu cho ý-chí của toàn-dân, do chính các đại biểu thay mặt dân làm ra.

— Luật-pháp có tính-cách trừu-tượng, phi nhân-cách nên không thề thay đổi có lợi cho người này hay lợi cho người khác.

Mặt khác, nhà cầm-quyền không thề ra một sắc-lệnh bắt-công đối với cá-nhân, vì các đạo-luat được xếp-đặt theo một hệ-thống cấp bậc hiệu lực khác nhau, từ trên xuống dưới : Hiến-pháp, đạo-luat, sắc-lệnh, nghị-định. Nếu chính-quyền ra một nghị-định có tính cách bắt-công, tư-nhân có thề đưa nhà cầm quyền ra trước tòa-án để xin thâu hồi nghị-định, bồi thường thiệt-hại.

Cơ-quan Tư-pháp, độc-lập với Hành-pháp, sẽ chỉ căn-cứ vào luật, mà xét xử một cách công-bình.

Tóm lại chính luật-pháp đã bảo-vệ quyền tự-do cho thiểu-số.

CÂU HỎI

- 1) Tại sao phải áp-dụng nguyên-tắc đa-số để giải-quyết các vấn-đề trong một quốc-gia, trong một đoàn-thề ?
- 2) Người ta đã áp-dụng những thề-thức nào để thực hiện lý-tưởng Dân-chủ Tự-do ?
- 3) Thề nào là nguyên-tắc đa-số ? Nguyên-tắc đa-số được áp-dụng bằng thề-thức nào ?
- 4) Mục-đich của nguyên-tắc đa-số.
- 5) Các hình-thức đa-số ?
- 6) Các Chính-trị-gia có đồng ý với nhau về giá-trị của nguyên-tắc đa-số không ?

- 7) Có người không tin là có đa-số, anh nghĩ thế nào?
- 8) Quyết-nghị của đa-số được coi là quyết-định chung. Vậy phải chăng thiểu-số đã bị đàn áp, mất hết mọi tự-do?
- 9) Trong chế-độ Dân-chủ Tự-do, thiểu số được bảo-vệ thế nào?
- 10) Tại sao nguyên-tắc phân-quyền được dùng để bảo-vệ thiểu-số?
- 11) Có người cho rằng: Trong chế-độ tự-do, sự hy-sinh của cá-nhân không biết đâu là giới-hạn thì có khác gì chế-độ phong-kien, chuyên-chế? Có đúng không?
- 12) Không chấp-nhận «Đối-lập» có thể gọi là Dân-chủ Tự-do không?
- 13) Tại sao nguyên-tắc: Tuyệt-đối của pháp-luat lại có thể bảo-vệ được thiểu-số?

CHẾ-ĐỘ ĐỘC-TÀI

Một sự-kiện đặc-biệt đã xảy ra trên thế-giới vào tiền-bán thế-kỷ 20: Trong khi các tư-tưởng tự-do đang được đề-cao và bành-trướng mạnh khắp Âu-Á, thì một chế-độ mới đã xuất-hiện, khác với chế-độ quân-chủ chuyên-chế và Dân-chủ, đó là Chế-độ Độc-tài. Chế-độ mới này đã bành-trướng mau lẹ, ngự-trị trên những phần đất rộng lớn của Địa-cầu, đã lôi kéo thế giới vào cuộc thế chiến thứ nhì, (Đức-Ý), và hiện còn đang tiếp tục gieo rắc đau thương trên đầu nứa phần nhân-loại (Cộng-sản).

Độc tài là một chế-độ mà chủ-quyền quốc-gia tập trung trong tay một cá-nhân, một nhóm hoặc một chánh-dảng.

Đặc-diểm chung của các chế-độ độc-tài là:

— Tự-do và quyền-lợi cá-nhân phải hoàn toàn hy-sinh cho quyền-lợi của xã-hội.

— Các chế-độ độc-tài đều là chế-độ mạnh, được xây-dựng trên những tò-chức vỏ-trang hùng-hậu.

— Các chế-độ Độc-tài Quốc-gia (Đức-Ý), quyền-hạn của lãnh-tụ-tông lớn như quyền-hạn nhà Vua của chế-độ quân-chủ chuyên-chế.

— Chế-độ độc-tài Quốc-tế (Cộng-sản) được tò-chức nấp dưới hình-thức dân-chủ, nhưng thực-tế là một chế-độ chuyên-chế.

Tóm lại, tất cả mọi chế-độ độc-tài đều phi dân-chủ, trái với các nguyên-tắc tự-do và bình-đẳng.

Trong phần này chúng ta lần lượt xét tới các chế-độ độc tài:

- Đức-quốc-xã
- Ý phát-xít
- Cộng-sản Nga-sô và Trung-cộng,

Khi đại-chiến thứ nhất bùng nổ, Hitler đầu quân tại Bavière, hai lần được anh-dũng bội-tinh, mang lon cai (Gefreiter) sau bị thương và giải-nú.

Ít lâu sau, Hitler gia nhập đảng Thợ-thuyền Đức. Sau đó ông được làm lãnh-tụ đảng và đổi thành đảng «Quốc-gia Xã-hội Thợ-thuyền Đức», thường được gọi là đảng Quốc-xã. Hitler cố gắng phát-triển đảng Quốc-xã, dùng đảng này để thực-hiện các mục-tiêu chính-trị của mình.

Nhờ tài hùng-biện và khả-năng thu-hút quần chúng, Hitler gây thanh-thể rất mau. Tháng 11-1923, với sự giúp đỡ của tướng E. Ludendorff, cùng với 600 người thuộc đoàn quân xung phong áo nâu của đảng Quốc-Xã, Hitler chủ-trương một cuộc cướp chánh-quyền tại Munich (Bavière). Vụ này thất-bại, Hitler bị kết-án 5 năm tù, nhưng chỉ bị giam có 9 tháng rồi được tha. Trong thời-gian ngồi tù, ông đã viết cuốn Mein Kampf (cuộc tranh đấu của tôi). Trong tác-phẩm này, Hitler đã trình-bày đường lối, mục-tiêu và kỹ-thuật tranh-dấu của mình. Cuốn này về sau được coi như thánh-kinh của đảng Quốc-Xã.

Năm 1932, Hitler ứng-cử Tông-Thống Đức, thu được số phiếu rất khá, nhưng vẫn thua trước Tông-Thống tái cử Paul von Hindenburg. Trước tình-trạng khủng-hoảng trầm trọng về kinh-tế và chính-trị, ngày 30-1-1933, Hitler được Tông-Thống Hindenburg mời lập chính-phủ, sau đó được quốc-hội trao cho toàn quyền hành-động. Tháng 8-1934, Tông-Thống Hindenburg chết, Hitler kiêm luân chức Tông-Thống, lấy danh hiệu là Führer (lãnh tụ).

Với quyền-hạn vô biên của một nhà độc-tài, Hitler cài-tồ xã-hội Đức về mọi mặt, và khi đã hùng-mạnh, bèn xâm-chiếm hết nước này tới nước khác, gây ra đệ-nhị thế-chiến. Năm 1944, Hitler bị ám sát hụt. Khi nước Đức bại-trận, và thủ-dô Bá-Linh sắp lọt vào tay đồng-minh, Hitler đã tự-tử cùng với người tình Eva Braun vào ngày 30-4-1945.

II.— ĐẢNG QUỐC-XÃ.

Đảng Quốc-xã nguyên là đảng Thợ Thuyền Đức, do Anton Drexler thành lập tại Munich năm 1919. Vào thời gian Hitler nhập đảng này, số đảng viên chỉ có 25 người và Hitler là đảng-viên thứ 7. Nhờ có biệt tài về diễn-thuyết, ít lâu sau, Hitler trở thành một trong các lãnh-tụ của đảng. Trong kỳ đại-hội công-khai lần đầu tiên tổ-chức tại Munich ngày 24-2-1920, Hitler đọc chương-trình hoạt-động của đảng gồm 25 điểm.

BÀI THỨ MƯỜI LĂM ĐỨC QUỐC-XÃ

I.— Con người Hitler

II.— Đảng Quốc-Xã.

III.— Lý-thuyết và chủ-nghĩa Quốc-Xã.

IV.— Các điều-kiện giúp đảng Quốc-Xã nắm chánh-quyền.

V.— Sự thực-hiện chế-độ Quốc-Xã.

VI.— Nhận-dịnh.

I.— CON NGƯỜI HITLER.

Phong-trào Quốc-xã Đức do Hitler sáng-lập và điều-kiện trong 25 năm. Do đó, nói tới Đức Quốc-xã là phải nói tới Hitler.

Adolf Hitler, sinh năm 1889 tại Braunau (một tỉnh Bắc-Áo, giáp giới Đức). Thuở thiếu-thời, Hitler rất chuộng nghệ-thuật và âm-nhạc. Sau khi học hết trung-học, Hitler xin vào học tại viện nghệ-thuật Vienne, nhưng không được.

Từ năm 1906 đến 1913, Hitler phải tự nuôi thân tại Vienne bằng nghề vẽ, bán bưu ảnh, và dán giấy tường. Trong thời gian ở Vienne, Hitler đã tiêm nhiễm nếp sống của giai-cấp trung-lưu Áo, kè-cả thái-độ kỳ-thị chủng-tộc và chống-bọn xã-hội chủ-nghĩa. Hitler hoàn toàn là một người Đức say-sưa với chủ-nghĩa quốc-gia, ôm ấp tư-tưởng về dòng máu Đức thần-thánh. Ông bị ảnh hưởng rất nhiều bởi các tư-tưởng ca-tụng chủng-tộc của nhạc-gia trú-danh W.R. Wagner. Năm 1913, Hitler đến sống tại Munich, trung-tâm nghệ-thuật của Đức-quốc.

Nội-dung điều 25 có nói đảng sẽ kiến-tạo một chế-dộ tập-quyền chưa từng có, trong đó tất cả mọi quyền-hành đều tập-trung trong tay chánh-quyền.

Sau đại-hội này ít lâu, (cũng năm 1920) đảng đổi tên thành «Đảng Quốc-gia Xã-hội Thợ-thuyền Đức» (Nationalsozialistische Deutsche Arbeiterpartei), thường được viết tắt là Nazi, tức là đảng Quốc Xã.

Đảng mới này phát-triền chậm, và chỉ trong địa-hạt Bavière. Nhận thấy sự cần-thiết của sức mạnh để đạt mục-tiêu, đảng Quốc-Xã gấp rút tổ chức một đoàn-quân xung-phong SA (Sturmabteilungen) với sự giúp đỡ của một số sĩ-quan như Röhm. Lực-lượng này được dùng để bảo-vệ các cuộc mít-tinh của đảng, để phá người Do Thái và các đảng đối-lập như: Dân-chủ, Xã-hội, và Cộng-sản.

Năm 1921, sau khi được bầu làm «Chủ-tịch toàn-quyền» của đảng, Hitler đã chọn đảng-kỳ là một lá cờ đỏ, giữa có 1 hình tròn trắng, giữa hình tròn là một chữ thập ngoặc mầu đen. Năm 1923 lập tờ báo «Völkischer Beobachter» (chủng-tộc quan-nhân) làm cơ-quan ngôn-luận chính-thức của đảng.

Sau vụ-cướp chính-quyền thất bại tại Munich ngày 8-11-1923, Hitler bị bắt (9-11-23) và đảng Quốc-xã bị đặt ra ngoài vòng pháp-luật. Khi Hitler được tha, đảng Quốc-xã trong tình trạng gần như tan rã. Nhưng nhờ được hoàn cảnh thuận tiện và sự giúp đỡ của những người có thiện-cảm, Hitler đã từ từ xây-tựng lại đảng. Năm 1926, Hitler tự coi mình là lãnh-tụ (Führer) của đảng và bổ-chức thêm một lực-lượng nữa, là đoàn quân tự-vệ áo đen SS (Schutzstaffeln).

Do hậu-quả của cuộc khủng-hoảng kinh-tế Thế-giới 1929, hoạt động ký-nghệ Đức bị kiệt-quệ, thất-nghiệp gia-tăng, chính-quyền bất lực. Trước tình trạng nguy nan đó, giới tư-bản Đức sợ Cộng-sản lợi dụng thời cơ để cướp chính-quyền, nên đã giúp đảng Quốc-xã rất nhiều tiền, mong nhờ đảng này để diệt Cộng-sản.

Trong khoảng thời gian từ 1929 đến 1932, đảng Quốc-xã đã có đầy đủ các điều kiện thuận tiện để phát-triển mau lẹ. Sự bất-lực và những cố gắng vô-vọng của chính-quyền trong việc ổn định tình-thế đã khiến dân Đức mất hết tin-tưởng, bắt đầu hướng về đảng Quốc-Xã như một tia hy-vọng duy-nhất. Trong cuộc tuyển-cử Quốc-hội (Reichstag), năm 1928, Quốc-Xã chỉ chiếm được 800.000 phiếu (2,5%), tới năm 1930 thu được tới 6.500.000 phiếu (18% tổng số, 107 ghế tại

Quốc-Hội). Kết-quả này khiến Quốc-Xã trở thành một đảng lớn thứ nhì sau đảng Xã-hội Dân-chủ (143 ghế). Đảng Cộng-Sản cũng chiếm được tới 4.600.000 phiếu (77 ghế), đứng hàng thứ ba. Nhờ uy tín của đảng, trong cuộc bầu cử Tòng-Thống 1932, Hitler thu được tới 13.419.603 phiếu (kém Hindenburg (đắc cử) : 5.948.085 phiếu).

Năm 1932, uy-ín đảng Quốc-xã tăng vọt hẳn lên, trong cuộc tuyển cử tháng 7, Quốc-Xã thu được tới 13.700.000 phiếu, chiếm 230 trong số 670 ghế tại Quốc-Hội, nghiêm nhiên trở thành đảng mạnh nhất (mặc dầu chưa đủ đa số ghế). Tòng-Thống Hindenburg mời đảng Quốc-Xã tham dự Chính-phủ liên hiệp, Hitler từ chối, đòi nắm quyền một mình. Quốc-hội bị giải-tán. Trong cuộc bầu-cử tháng 11 năm đó (1932) số tham-ứng-hộ Quốc-xã giảm xuống còn độ 11.700.000, và số ghế tại Quốc-hội còn có 196. Đảng Xã-hội dân-chủ và Cộng-sản liên kết với nhau chiếm được 13.000.000 phiếu (221 ghế), nhưng lại xích-mích với nhau, thành ra Quốc-xã vẫn là đảng mạnh nhất. Quốc-xã lại được mời tham-dự Chính-phủ liên-hiép, Hitler lại từ-chối, Quốc-hội lại bị giải tán lần nữa.

Vì tình thế quá bế-tắc, các Thủ-tướng Brüning, Papen và Schleicher đều bất-lực, ngày 30-1-1933, Tòng-thống Hindenburg đã phải mời Hitler thành-lập chính-phủ. Đảng Quốc-xã khởi đầu biến nước Đức thành một nước Quốc-xã. Tất cả các đảng phái khác đều bị giải-tán, đàn áp và trở thành bất hợp pháp. Quốc-xã là đảng hợp-pháp duy nhất. Với một đạo-luật ngày 1-12-1933, Quốc-xã đã trở thành đảng «liên hệ mật thiết với quốc-gia». Kề từ đây, đảng Quốc-xã biến thành dụng-cụ chính cho chế-dộ độc-tài, dưới quyền chỉ huy của lãnh-tụ Hitler và của Bộ Tham-mưu đảng.

III.— LÝ-THUYẾT VÀ CHỦ-NGHĨA QUỐC-XÃ

1) Lý-thuyết :

Hitler đã khai-sanh ra đảng Quốc-xã và chế-dộ Quốc-xã, nhưng Hitler không phải là tác-giả các lý-thuyết làm căn-bản cho chủ-nghĩa Quốc-xã. Khi xây-dựng chủ-nghĩa, Hitler đã bị ảnh-hưởng nhiều bởi các tư-tưởng của một số binh-gia và một số triết-gia Đức.

a) Các tác-giả đã ảnh-hưởng đến Hitler:

+ Phái binh-gia :

— Karl Von Clausewitz (1780-1831)

Là một chiến-lực-gia, vừa là một vị Tướng thuộc Quân-lực Phổ, Clausewitz đã trình-bầy quan-niệm của ông về chiến-tranh trong nhiều tác-phẩm. Clausewitz đặc-biệt đề-cao vai-trò của chiến-tranh, và theo ông, chiến-tranh là phương tiện cần thiết đưa Đức tới đài vinh-quang. Trong một tác-phẩm nổi tiếng nhất nhan-de là « Vom Kriege » (Về chiến-tranh) Clausewitz có viết : « Chiến-tranh là sự nối-tiếp của chính-trị bằng hình-thúc khác ». Cuốn sách kề trên đã gây ảnh-hưởng mạnh tới giới quân-nhân nhiều nước và có ảnh-hưởng đặc-biệt tới chính-sách của Hitler hồi đệ nhị thế chiến.

— Friedrich von Bernhardt (1849 — 1930).

Giống Clausewitz, Bernhardi cũng là một ông tướng kiêm chiến-lực-gia. Thế-giới đã chú-ý nhiều tới ông qua tác-phẩm « Germany and the next war » (1912) (Đức-quốc và trận chiến-tranh sắp tới), trong đó ông cho rằng nước Đức cần phải khởi-xướng một cuộc chiến-tranh tàn-bạo để đạt được địa-vị xứng đáng dưới bóng mặt trời.

+ Phái triết-gia :

— Friedrich Wilhelm Nietzsche (1844—1900).

Là một triết-gia nổi danh của Đức, Nietzsche đưa ra thuyết « siêu-nhân » (Übermensch). Ông chú-ý nhiều tới sức mạnh tinh-thần, và theo ông, nhờ sự rèn-luyện và phát-triển ý-chí cường-lực, con người có thể đạt được địa-vị « siêu-nhân ».

— Bá-tước Joseph Arthur de Gobineau (1816-1882)

Là một nhà ngoại-giao và xã-hội-học Pháp. Tác-phẩm quan-trọng nhất của ông là cuốn « Essai sur l'Inégalité des Races Humaines » (1854) (Tiểu-luận về sự bất-bình-dâng giữa các chủng-tộc). Trong tiểu-luận trên, ông cho rằng sự bất-bình-dâng giữa các chủng-tộc có tính-cách tự-nhiên và thường-trực. Trong các chủng-tộc thì giống da trắng hơn các giống khác, và trong giống da trắng thì ngành Aryen hơn cả. Lý-thuyết của ông về sau được Wagner và Chamberlain lập lại, và có ảnh-hưởng trực-tiếp tới thuyết chủng-tộc của Hitler sau này.

— Wilhelm Richard Wagner (1813-1883)

Wagner là một nhạc sĩ lừng-danh của Đức vào thế kỷ 19. Hầu hết các nhạc-phẩm danh tiếng của Wagner đều ca-nợp quan-niệm chủng-tộc

thuần-túy, và coi như chủng-tộc Aryen đã được Thượng-Đế chọn lựa để lãnh-dạo nhân-loại. Là một người ưa âm-nhạc, Hitler đã bị ảnh-hưởng rất nhiều các quan-niệm của Wagner, và thường hết lời ca-tụng Wagner.

— Houston Stewart Chamberlain (1855-1927).

Chamberlain sinh tại Anh, nhập Đức tịch năm 1916, con rể của Wagner, bạn của Hitler. Tác phẩm nổi tiếng nhứt của ông là cuốn « nền móng của thế-kỷ 19 (Die Grundlagen des Neunzehnten Jahrhunderts) (1899-1901). Trong cuốn này, Chamberlain đã ca-tụng sự cao cả của dân-tộc Đức, là dân-tộc thuộc chủng-tộc Aryen. Ông còn cho rằng người Aryen cần bảo-vệ sự thuần-túy của chủng-tộc mình bằng cách tiêu trừ các giòng máu ngoại-lai.

b) Lý-thuyết của Hitler :

Từ các tư-tưởng của những tác-giả trên, Hitler đã trình-bầy lý-thuyết của mình trong cuốn Mein Kampf.

— Thuyết siêu-nhân :

Theo Hitler, không có sự bình đẳng giữa người dân trong một nước. Có những bậc siêu-nhân, sinh ra để thực-hiện những công cuộc vĩ-đại. Tất cả những biến cố quan trọng của lịch-sử đều liên-hệ tới tên tuổi một vĩ-nhân. Đa số quần-chúng là thành phần thụ-động, chỉ biết tuân theo mệnh-lệnh của siêu-nhân.

— Thuyết di-tộc :

Hitler cho rằng không những có sự bất-bình-dâng giữa các cá-nhân trong xã hội mà còn có sự bất-bình-dâng giữa các chủng-tộc.

Có chủng-tộc thông-minh tài giỏi, nhiều nghị-lực hơn các chủng-tộc khác. Chủng-tộc này tạo-lập văn-minh, có bồn-phận duy-trì và phát triển văn-minh nhân-loại.

Có những chủng-tộc khác kém cỏi hơn, đã không tạo-lập được văn-minh mà còn hay tìm cách phá hoại văn-minh.

— Thuyết siêu-chủng :

Hitler trình-bầy rằng, lịch-sử văn-minh Thế-giới đã chứng-tỏ là tất cả những công trình biếu-hiệu cho nền văn-minh nhân-loại đều do chủng-tộc Aryen xây-dựng lên. Bởi đó, chủng tộc Aryen xứng đáng làm thầy

Thế-giới, có sứ mạng dắt dẫn các chủng-tộc khác trên đường tiến bộ, tạo lập hòa-bình và mưu cầu hạnh-phúc cho nhân-loại.

2) Chủ-nghĩa Quốc-Xã:

— Tạo hòa bình bằng sức mạnh

Dựa trên căn bản thuyết siêu-nhân và siêu-tộc, Hitler chủ-trương một đường lối cai-trị nghiêm-khắc. Tất cả mọi người trong nước phải nhắm mắt phục tùng mệnh-lệnh của lãnh-tụ (siêu-nhân). Tất cả các dân-tộc hèn kém phải phục tùng sự lãnh-dạo của chủng-tộc Aryen, là chủng-tộc đặc biệt tài-giỏi.

— Bảo-vệ chủng-tộc thuần-túy:

Vì giống Aryen là một chủng-tộc cao cả nên phải cố-gắng bảo-vệ dòng máu mình cho trong sạch, để khỏi bị dơ bẩn bởi sự pha trộn với dòng máu của các chủng tộc khác. Trong số các dân tộc thuộc chủng tộc Aryen chỉ còn có dân Đức là chưa bị pha trộn với các giống khác, vậy người Đức phải bảo-vệ sự thuần-nhất của giống Aryen, để đủ sức thống nhất hoàn-cầu, đem lại hạnh-phúc cho nhân loại.

— Bài Do-Thái:

Người Do-Thái thuộc về chủng-tộc chuyên phá-hại; văn-minh. Nếu để họ tự-do phát-triển thì sẽ là một đe-dọa trầm trọng cho sự thuần-túy của dòng máu Đức. Vậy để người Do-Thái khỏi trộn giống xấu cho dòng máu Đức, làm suy yếu dân-tộc Đức, nên phải tìm mọi cách tiêu-diệt giống Do-Thái.

IV.— CÁC ĐIỀU-KIỆN GIÚP ĐẢNG QUỐC-XÃ NẮM CHÍNH-QUYỀN

Đảng Quốc-xã thống-trị được Đức-quốc trên mươi năm, đã dành là nhờ vào khả-năng của Hitler và những-công-sự tài ba của ông. Nhưng thật ra, sở dĩ đảng này có thể nắm được chính-quyền, là nhờ một số điều-kiện thuận-tiện về nhiều mặt.

1) Về chính-trị:

a) Cái nhục do Hòa-ước Versailles gây ra:

Tháng 11-1918, Đức bại trận và đầu hàng Đồng-Minh, kết-thúc cuộc đe-nhất thế chiến kéo dài từ năm 1914. Ngày 28-6-1919, Hòa-ước Versailles được ký-kết để giải-quyết các vấn-dề liên-hệ tới cuộc chiến-tranh 1914-1918. Theo Hòa-ước này, Đức phải hoàn toàn chịu trách-

nhiệm tinh-thần về cuộc đe-nhất thế chiến. Đức mất hết đất đai hải-ngoại, phải cắt một phần lãnh-thổ nhường cho Pháp, Bỉ, Ba Lan... Về quân-sư, Đức chỉ được phép lưu-dụng tại ngũ đạo quân Cảnh vệ 100.000 người, không được chế-tạo chiến-hạm, phi cơ chiến-dấu, đại-bác... Đức còn phải bồi thường chiến-tranh cho các nước thắng-trận những khoản tiền khồng-lồ.

Dân Đức coi Hòa-ước Versailles như một điều xỉ-nhục cho tò-quốc, cho dân-tộc họ, một dân-tộc vẫn tự-tin là hùng-mạnh và tài-giỏi nhất thế-giới. Vì vậy khi đảng Quốc-xã chủ-trương tái-tạo Đức-quốc thành một nước hùng-mạnh, khi Hitler chủ-trương dùng chiến-tranh để rửa nhục, để tiến lên địa vị bá-chủ thì dân Đức đã hưởng-ứng nồng-nhiệt để thỏa-mản tự ái dân-tộc.

b) Ngõ bí chính-trị:

Nền Cộng-Hòa Đức ra đời đúng vào thời gian Đức bại trận (cuối 1918 — đầu 1919). Chính quyền Cộng-Hòa đã phải nhục-nhã đặt bút ký Hòa-ước Versailles. Do đó dân-tộc Đức hùng-mạnh vẫn luyến tiếc những chiến công oanh liệt dưới thời Quân-chủ, và không mấy thiện cảm với chế-độ mới. Hơn nữa, các chính-phủ của chế-độ mới (thuộc đảng Xã-hội Dân-chủ) lại không thể giải quyết một cách hữu-hiệu các khó-khăn của Xã-hội Đức thời hậu chiến. Sự kiện này khiến mọi giới hoàn-toàn mất tin-tưởng ở tương-lai.

Sinh-hoạt chính-trị Đức ngày càng đi vào ngõ-bí, và nhất là trong khoảng từ 1930 đến 1933 thì tình-thế hẫu-như đã tới chỗ bế-tắc. Trong thời-gian này, một số nhân-vật tên-tuổi thuộc các đảng hữu-phái thay nhau điều-khiển chính-phủ, nhưng đều bất-lực. Về phía đối-lập, có hai đảng đáng-kè nhất là đảng Cộng-sản và đảng Quốc-xã. Đa-số dân Đức đều có tinh-thần ái-quốc cao độ, lại chịu ảnh-hưởng của các lý-thuyết chủng-tộc, tất-nhiên không theo Cộng-sản, vì Cộng-sản chủ-trương vô-tô-quốc và phi-dân-tộc. Trong khi đó đảng Quốc-xã của Hitler để cao tinh-thần quốc-gia, ca-tụng chủng-tộc hùng-cường, công-khai chống-đối Cộng-sản. Vừa sợ Cộng-sản cướp chính-quyền, vừa muốn giải-quyết tình-trạng bế-tắc, trong tình-thế đó, đảng Quốc-xã đã được coi như lối thoát duy-nhất, và cơ-hội đã đến tay đảng này.

2) Về quân-sư:

Theo Hòa-ước Versailles, Đức chỉ chính-thức được lưu-ngũ 100.000 quân. Vì vậy sau chiến-tranh 14-18, có hàng-mấy triệu quân-nhân Đức có

dày dù vò khí ở trong tình trạng bơ-vơ vô định, không còn trong quân ngũ, cũng không bị tước khí giới. Tất cả những người này đều bất mãn, vừa bị dày vò bởi cái nhục bại trận, lại không có nghề-nghiệp sinh nhai. Lợi dụng tình thế, các chính đảng tại Đức đã lập những lực-lượng bán quân-sự bằng cách thu-dụng các cựu quân-nhân bất mãn này. Đảng Quốc-Xã tồ-chức được hai lực-lượng hùng-hậu, là đạo-quân xung-phong SA (dưới quyền chỉ-huy của Röhm) và đội tự-vệ SS.

Các lực-lượng quân sự này gây thanh-thể cho đảng Quốc-Xã rất nhiều và đóng góp một phần đặc-lực vào việc đưa đảng tới chồ nắm chánh-quyền.

3) Kinh-tế, tài-chánh :

Ngay sau khi đệ I thế-chiến chấm dứt, nền kinh-tế, tài-chánh Đức đã lâm vào cảnh khủng-hoảng trầm-trọng. Xí-nghiệp bị phá hủy, hàng triệu thợ thất-nghiệp, mức sản-xuất quá kém, đồng Mark (đơn-vị tiền-tệ Đức) sụt giá mau chóng không thể tưởng tượng được: Năm 1918, một Mỹ-kim ăn 4 Mark, năm 1923, một Mỹ-kim ăn hàng triệu Mark !

Từ năm 1924 đến 1929, nhờ tài năng-xuất chúng của Bác-sĩ Schacht tinh-hình kinh-tế Đức đã phục hồi mau chóng. Nhưng tình thế mới vừa ổn định, thì do ảnh-hưởng tai hại của cuộc khủng hoảng kinh-tế năm 1929 từ Mỹ tràn sang, nền kinh-tế Đức lại khủng-hoảng trầm trọng. Số thợ thất-nghiệp lên hàng chục triệu. Giới đại tư-bản, đại kỹ-nghệ Đức rất lo bọn Cộng-sản lợi-dụng thợ-thuyền để cướp chính quyền, nên đã cố gắng giúp đảng Quốc-Xã, mong nhờ đảng này diệt Cộng-sản và ổn định tình-thế.

V.—SỰ THỰC-HIỆN CHẾ-ĐỘ QUỐC-XÃ

Sau khi nắm được chánh-quyền, đảng Quốc-Xã đã cải-tổ hoàn-toàn nước Đức về mọi mặt.

1) Về chính-trị

a) Cải-tổ chính-thề:

Nước Đức mới được thành-lập vào năm 1871, theo chính-thề quân-chủ, mang quốc-hiệu là «Das deutsche Kaiserreich» (Đế-quốc Đức). Cuối năm 1918, Hoàng-Đế Guillaume II thoái-vi, đầu năm 1919, quốc-hội Đức họp tại Weimar thảo hiến-pháp, nước Đức theo chính-thề Cộng-Hòa : «Die Weimare Republik» (Cộng-Hòa Weima).

Năm 1934, Hitler đòi quốc-hiệu của Đức thành « Das dritte Reich » (đệ tam Đế-chế) để tam Reich theo chính-thề độc-tài, thống-nhất các tiểu-bang thành một quốc-gia duy-nhất.

b) Một dân-tộc, một đế-chế, một lãnh-tụ:

Để thực-hiện chế-độ độc-tài, Hitler tung ra khẩu hiệu : « ein Volk, ein Reich, ein Führer » (một dân-tộc, một đế-chế, một lãnh-tụ).

— Một dân-tộc :

Một dân-tộc đây là dân-tộc Đức, với dòng máu Đức thuần-túy. Vì vậy chỉ có dân-tộc Đức mới đáng kè. Hitler đã tuyên bố : « Điều gì lợi cho dân-tộc Đức là công-bằng, điều gì hại cho dân-tộc Đức là bất-công ». Các dân-tộc khác, nhất là dân Do-Thái, bị khinh khi và bị đàn-áp dâman. Tồng số dân Do-Thái bị giết lên tới 6 triệu người.

— Một đế-chế :

Dưới quyền cai-trị của Hitler, trong nước chỉ có một đảng được công-nhận, đó là đảng Quốc-Xã, tất cả các chính đảng khác đều bị giải-tán và bị đặt ra ngoài vòng pháp-luật. Đảng Cộng-Sản bị Hitler khủng-bố mạnh nhất. Đảng viên Quốc-Xã lần lượt chiếm các địa-vị then chốt từ trung-ương tới địa-phương. Số đảng viên Quốc-Xã sau lên tới 7.000.000 người.

Vì là chế-độ độc-dảng nên đương-nhiên đổi-lập bị cấm hàn. Ngay trong nội bộ đảng Quốc-Xã, các khuynh hướng đổi-lập đều bị thanh-trừng ngay. Vì vậy, đêm 30-6-1934, chính Hitler tự tay hạ sát Röhm, người chỉ-huy đội quân xung-phong SA, và là đồng-chí của Hitler từ buổi đầu, 11 tướng tá khác cũng bị hạ-sát trong vụ này.

Lực lượng SS cùng với lực-lượng an-ninh SD (Sicherheitsdienst) và lực-lượng Cảnh-sát Quốc-gia Gestapo (Geheime Staatspolizei) là các cơ-quan mật-vụ sẵn sàng thủ-tiêu bắt cứ một cá-nhân hay một nhóm chống đối nào.

— Một lãnh-tụ :

Trong cuộc tuyên-cử ngày 5-3-1933, đảng Quốc-Xã chiếm đa-số tại Quốc-hội (288 ghế). Do đó, Quốc-hội đã biếu quyết một đạo-luật trao toàn quyền cho Hitler. Từ đây về sau, tuy hiến pháp Weimar vẫn chưa bị tiêu-hủy, Quốc-hội vẫn còn, nhưng tất cả mọi quyền lập-

pháp, hành-pháp và tư-pháp đều tập-trung trong tay lãnh-tụ Hitler. Lãnh-tụ được coi như tuyệt-đối sáng-suốt, có quyền-hành vô hạn, toàn dân phải tuyệt-đối trung-thành với lãnh-tụ, phải nhắm mắt tuân theo mọi mệnh-lệnh của lãnh-tụ.

2) Về Văn-hóa giáo-đục

a) Chánh-sách văn-hóa giáo-đục :

Chương-trình giáo-đục được cài-tồ toàn-diện, học đường biến-thành lò luyện thanh-thiếu-niên thành những người biết tuyệt-đối phục-tùng lãnh-tụ, biết tin-tưởng vào chủng-tộc Aryan siêu việt... Sách giáo-khoa được sửa đổi hoàn toàn cho phù hợp đường lối mới.

Tất cả các phương-tiện phò-biến tư-tưởng và truyền-bá văn-hóa như sách báo, đài phát-thanh vv... đều bị kiềm duyệt gắt gao, được xử dụng vào mục tiêu tuyên-truyền, ca tụng lãnh-tụ và để cao chủng-tộc.

b) Đào tạo thanh-niên :

Thanh thiếu-niên được tồ-chức thành-hàng ngũ chặt chẽ, được huấn luyện theo một đường lối đặc biệt của đảng Quốc-xã, tách rời ảnh hưởng của gia đình. Thanh-thiếu-niên được sửa soạn từ nhỏ để sẵn sàng trở thành cán-bộ của đảng. Ví dụ Tồ-chức Thanh-niên Hitler (Hitler Jugend) chuyên lo việc thâu nạp thiếu-niên từ 14 đến 17 tuổi gia nhập lực-lượng SA, SS và đảng Quốc-xã.

3) Về Kinh-tế Xã-hội:

a) Kinh-tế tự túc.

Để sửa soạn chiến-tranh, Hitler ra lệnh cho dân chúng phải hy sinh để phát-triển kinh-tế. Từ năm 1936, kẻ nào chuyển tiền ra ngoại-quốc sẽ bị xử-tử.

Hitler còn ra lệnh cho các nhà bác-học phải chế ra tơ, len, cao-su và cả ét-xăng nhân-tạo. Nhờ chính sách khắc khốc này, mức sản xuất tăng mau, và mức nhập-cảng sụt nhanh-chóng.

b) Giải-quyết nạn thất-nghiệp, nâng cao mức sống thợ-thuyền.

Khi Hitler nắm chính-quyền, Đức có 7 triệu thợ thất-nghiệp. Hitler kiểm việc cho thợ bằng cách thực-hiện các đại công-tác như đắp xà-lô, tái thiết các tỉnh bị chiến-tranh tàn-phá, khuếch trương kỹ-nghệ v.v... Trong thời gian ngắn, số người thất-nghiệp rút xuống còn trên 1 triệu.

Thợ-thuyền, nông-dân được đặc biệt nâng-docard, có mức sống vật-chất cao hơn trước.

c) Giải-tán nghiệp-doàn, cấm đình-công:

Đề sinh-hoạt kinh-tế khỏi bị đình-trệ vì những cuộc đình-công, tranh chấp giữa các nghiệp-doàn thợ và chủ .v.v.. từ tháng 5-1933, Hitler ra lệnh giải tán các nghiệp-doàn, cấm công-nhân đình-công, các vụ tranh-chấp giữa chủ và thợ phải do chính-quyền giải-quyết.

d) Về quân-sự:

Không chịu sự ràng buộc của hòa-ước Versailles về quân-sự, Hitler gấp rút tổ chức những đạo quân hùng-mạnh, trang-bị vũ-kíh tối-tân. Ngoài các lực-lượng hùng hậu SS và SA, năm 1936 quân-số Đức đã lên tới 1.500.000 người, và nếu chiến tranh xảy ra, Đức có thể huy động được trên 10 triệu quân. Ngân-sách Quốc-phòng rất quan-trọng, năm 1938 lên tới 90 tỷ Marks.

Từ đầu năm 1938, Hitler trực tiếp nắm quyền điều-khiển quân-đội. Giồng máy tuyên truyền tinh-vi của Hitler không ngót đề-cao vai tò chiến-tranh, đề-cao sứ-mệnh của dân Đức trong việc bảo-vệ văn-minh nhân-loại.

e) Về ngoại-giao :

a) Xé hòa-ước Versailles, rút khỏi hội Quốc-Liên, lập trực Bá-Linh — La-Mã :

Hitler đã hành-động trái ngược hẳn với các ràng buộc của hòa-ước Versailles như ban lệnh cưỡng bách tòng-quân năm 1935, năm 1936 đem quân vượt qua sông Rhin, tăng cường việc đóng phi cơ chiến đấu, tàu chiến, chế-tạo đại-bắc...

Để chống lại biện-pháp kiềm-soát quân số do Hội-nghị tài binh của Hội Quốc-Liên biều quyết, Đức rút khỏi hội-nghị tài-bin, và sau đó rút ra khỏi Hội Quốc-Liên.

Tháng 11-1936, Hitler liên-kết với Mussolini thành lập trực Bá-Linh — La Mã.

b) Giúp độc-tài Tây-Ban-Nha, liên-kết với Nhật:

Năm 1936, nhà độc-tài Franco đã thắng Chánh-phủ Cộng-hòa, thiết lập chính-thề độc-tài tại Tây-ban-Nha. Sở dĩ Franco thắng được nhờ khí giới và quân tinh nguyễn của Đức-Ý.



ADOLF HITLER
Nhà độc-tài áo nâu

Năm 1937 Trục Bá-Linh, La-Mã, Đông-Kinh ra đời.

c) Chiến-tranh xâm-lược:

Để thực hiện mộng bá chủ, Hitler đã áp-dụng một chính-sách ngoại-giao khôn-khéo, ký-kết hiệp-ước với từng nước, phân tán đồng-minh để dễ bề xâm-lấn.

Bắt đầu từ năm 1938, Hitler đã xua quân xâm chiếm hết nước này đến nước khác. Đầu tiên là Áo bị thôn-tinh (1938); rồi tới Tiệp-khắc (1938-1939), Ba Lan (1939); Đan-mạch, Na-Uy, Hòa-Lan, Bỉ, Pháp (1940); Lỗ, Bảo (1941). Từ năm 1941, Đức liên tiếp oanh-tạc Anh-quốc, và kéo quân tràn sang Nga-sô. 1945, Đức bại trận, Hitler tự-tử, đảng Quốc-xã tan-rã.

VI — NHẬN-ĐỊNH

1) Hitler : nhân tài hay bệnh hoạn ?

Trong suốt 20 năm qua, biết bao nhiêu người đã nhận-xét về Hitler. Nhiều ý-kien cho rằng Hitler là một con người bệnh-hoạn, nên đã có những hành động tàn-ác, nhiều tu-tưởng và hành-động phản ánh một tâm-trạng bất thường không thể giải thích được.

Tuy nhiên, vô tư mà xét, ta thấy quả Hitler là người có những khả năng đặc biệt. Vì nếu bảo tất cả những hành động của Hitler chỉ là

những phản-ứng bất thường của một tâm-trạng bệnh hoạn, thì không lẽ 70 triệu dân Đức lại mù quáng phục tùng một người bệnh hoạn trong hơn mươi năm trời hay sao ?

2) Căn-bản lý-thuyết thiếu khoa-học

Thuyết chủng-tộc mà Hitler dùng làm căn bản thiếu khoa-học. Không có gì chứng-tỏ một cách cụ-thể rằng chủng-tộc Aryen là một chủng-tộc siêu-dâng. Quan-niệm cho rằng: Thượng-dế đã chọn chủng-tộc Aryen để tạo-lập và bảo vệ nền văn-minh nhân-loại rất mờ hờ,

Hitler còn cho rằng sự pha-trộn giữa các nòi-giống sẽ làm cho chủng-tộc suy yếu đi. Trong khi đó thực-tế cho thấy nhiều khi trái ngược hẳn. Dân tộc Hoa-kỳ là dân tộc bị pha-trộn nhiều nhất, và hiện là một dân-tộc mạnh-nhất.

3) Lạm dụng chiến-tranh :

Lịch-sử đã chứng-minh chiến-tranh là một phương-tiện hữu-hiệu để bảo-vệ sự toàn vẹn của lãnh-thổ, nền độc-lập Quốc-gia và danh-dự của dân-tộc. Nhưng chế-độ Quốc-Xã của Hitler đã quá đề-cao vai-trò chiến-tranh, đã lạm-dụng chiến-tranh vào những mục-tiêu thiếu chính-đáng, chỉ cốt thỏa mãn tự-ái nhất thời hơn là bảo-vệ những quyền-lợi lâu dài. Do đó đã đưa nhân loại tới cảnh tương tàn khùng-khiếp.

4) Vô nhân đạo

Chế-độ Quốc-Xã đã tỏ ra quá tàn ác khi giết tới sáu bảy triệu dân Do-Thái. Nhất là trong số những người bị giết một cách dã man lại có rất nhiều ông già bà cả, đàn bà và trẻ nít. Một số đông người đã bị giết một cách đau đớn để nghiên cứu trong các phòng thí nghiệm giống như giết những con thỏ, con chuột... Hitler cho rằng dân tộc mình có nhiệm-vụ bảo-vệ văn-minh, nhưng lại có những hành-dộng tàn-ác thiếu văn-minh !

5) Dứt khoát với Cộng-sản :

Phải công nhận rằng Hitler cùng đảng Quốc-xã của ông đã ý-thức được hiềm-họa của Cộng-sản sớm nhứt. Và đã thi-hành một chương-tình diệt Cộng quy-mô ngay từ khi thế-giới còn đang bờ-ngoại trước đường di-nước bước của bọn Cộng-sản đế-tam Quốc-tế. Nhiều người nói rằng, vì chính-sách sai-lầm của Hitler nên ngày nay nửa nước Đức mới mất về tay Cộng-Sản. Nhưng người ta lại cũng có thè nói rằng, nhờ Hitler nên ngày nay nửa nước Đức còn được ở phía tự-do.

6) Đức-nhân-tâm

Tuy lý-thuyết, chủ-nghĩa và chế-dộ Quốc-xã có nhiều điểm sai-lầm, nhưng Hitler đã thành công được một thời là vì đã đánh trúng tâm lý đại đa số nhân dân Đức : nhiều tự-ái dân-tộc, ưa-hùng-mạnh và có tinh-thần ái-quốc cao.

CÂU HỎI

- 1) Sơ-lược về tiêu-sử Hitler.
- 2) Nói qua về sự thành-lập đảng Quốc-xã.
- 3) Đảng Quốc-xã đã chấp-chánh trong trường hợp nào ?
- 4) Các lý-thuyết nào đã ảnh-hưởng-tới tư-tưởng của Hitler.
- 5) Tóm-lược lý-thuyết Quốc-xã.
- 6) Hãy trình-bầy các điểm chính-yếu của Chủ-nghĩa Quốc-xã.
- 7) Đảng Quốc-xã đã nǎm được chính-quyền nhờ các điều-kiện thuận-tiện nào ?
- 8) Sau khi nǎm chính-quyền, Hitler đã thực-hiện những thay đổi nào về chính-trị tại Đức.
- 9) Chính-sách văn-hóa giáo-dục của Quốc-xã như thế nào ?
- 10) Trình-bầy về vai-trò lãnh-tụ trong chế-dộ Quốc-xã Đức.
- 11) Nói qua về chính-sách kinh-tế của Hitler.
- 12) Đảng Quốc-xã đã thực-hiện những cải-cách nào về mặt xã-hội tại Đức.
- 13) Đảng Quốc-xã đối-xử với người Do-Thát như thế nào ?
- 14) Thát-dộ của Hitler đối với hòa-trúc Versailles ?
- 15) Sơ lược về chính-sách ngoại-giao của Hitler.
- 16) Anh (hay Chị) có những nhận-định nào về Đức Quốc-Xã ?

BÀI THỨ MƯỜI SÁU

Ý PHÁT-XÍT

- I.— Con người Mussolini
- II.— Đảng Phát-xít
- III.— Lý-thuyết và chủ-nghĩa Phát-xít
- IV.— Các điều-kiện giùm đảng Phát-xít nắm chánh-quyền
- V.— Sự thực-hiện chế-dộ Phát-xít
- VI.— Nhận-định

I.— CON NGƯỜI MUSSOLINI

Benito Mussolini sinh ngày 29.7.1883 tại Predappio trong một gia-dình cần-lao, thân-phụ làm nghề rèn kim-khí. Sau khi học hết bậc Trung-học, Mussolini làm nghề giáo-viên.

Năm 1902, Mussolini sang sống tại Thụy-sĩ. Trong thời gian này, ông học thêm, viết báo và gia nhập đảng Xã-hội. Bị chính-phủ Thụy-sĩ trục-xuất, ông trốn qua Pháp, sau đó trở lại Thụy-sĩ rồi lại bị trục-xuất nữa, nên năm 1904, ông trở về nước. Sau đó nhập ngũ, rồi giải ngũ, và trở lại làm giáo viên. Đồng-thời cũng hoạt-dộng đắc-lực cho đảng Xã-hội, và được coi là một đảng-



MUSSOLINI
Nhà độc-tài áo đen

—139—

viên quá khích thuộc cánh tả. Năm 1912, ông làm chủ-bút nhật-báo *Avanti*.

Trước khi thế-chiến thứ nhất thực-sự bùng nổ, vào năm 1912, Mussolini kịch-liệt bài xích Ý gây chiến-tranh với Thổ tại Lybie. Nhưng khi thế-chiến bùng nổ, ông thay-dỗi thái-độ, kêu gọi chính-phủ Ý tuyên chiến với Đức, Áo. Vì vậy ông bị trục-xuất khỏi đảng Xã-hội.

Năm 1915, Mussolini đứng ra lập một chánh đảng, gọi là nhóm hoạt-động cách-mạng (*Fascio d'azione rivoluzionare*) nhưng chánh-đảng này không đem lại kết-quả nào. Khi Đức tuyên chiến với Ý, ông nhập ngũ chiến-dấu, bị thương năm 1917.

Năm 1919 tại Milan, Mussolini lập ra đảng Phát-Xít, cũng năm này, ông ra ứng-cử nhưng thất-bại. Sau đó, nhờ hoàn cảnh thuận-tiện, đảng Phát-Xít bành-trướng mau, tới năm 1922, ông được Hoàng-Đế Ý Victor Emmanuel III mời ra lập chính-phủ.

Sau khi nắm chính-quyền, Mussolini thực-hiện chế-độ độc-tài tại Ý, liên-kết với Hitler. Năm 1940, Mussolini tuyên chiến với đồng-minh.

Tháng 7 năm 1943, quân đồng-minh đồ bộ lên đảo Sicile. 25-7-1943, một cuộc cách-mạng xảy ra ở La-mã, Mussolini bị bắt giam. Sau nhờ quân Đức cứu thoát, ông lên Milan lập chính-phủ Phát-Xít, nhưng bị dân-chúng nổi dậy phản-dối, bị bắt xử tử tại Côme năm 1945.

II.—ĐẢNG PHÁT XÍT

Chữ Phát-xít do ở chữ *Fascio*, là tên gọi một vật dùng làm biều-tượng quyền-uy của Đế-quốc La-mã ngày trước. Biểu-tượng này là một bó roi bằng cây song hoặc cây du, bó bằng giây da, ở giữa bó có một cái búa, cán lẩn ở trong, lưỡi thè ra ngoài. Những cây roi tượng trưng sự trừng-phạt, cái búa tượng-trưng uy-quyền của sự sống và sự chết, Mussolini muốn tái-lập một đế-quốc rộng lớn như đế-quốc La-mã thuở trước, nên dùng biểu-tượng kè trên làm huy-hiệu cho đảng mình. Vì thế đảng ông được gọi là đảng Fascist (Phát-xít).

Mussolini lập đảng Phát-xít tại Milan năm 1919 lúc đầu số đảng viên rất ít, nhưng vì chiến-tranh vừa kết-liễu, những người bất mãn với tình-thế mới gia-nhập đảng rất đông. Lại còn giới tư-bản, kỹ-nghệ và địa-chủ, vì sợ nạn Cộng-sản cướp chính-quyền giống như tại Nga-sô năm 1917, nên tích-cực ủng-hộ đảng Phát-xít để đối phó với Cộng-sản.

Đảng Phát-xít được tổ-chức chặt chẽ, giống hệ-thống tổ-chức của quân đội. Đảng-viên phải triết-dề tôn trọng kỷ-luật, mặc sơ-mi đen, chào theo lối cồ La-Mã, được huấn-luyện quân-sự. Đảng thẳng tay dùng vũ lực trừng-trị những ai chống đối. Các năm 1921 và 1922, đảng viên Phát-xít đã giết, gây thương-tích hoặc khủng-bố hàng ngàn đảng viên Xã-hội, đốt-tới 600 trụ-sở lao-dụng.

Đảng viên Phát-xít tăng mau, tới năm 1921 đã lên tới 320.000, và tới năm 1922 lên tới 480.000 người. Tuy số đảng-viên tăng mau, nhưng số đại-diện của đảng tại Quốc-hội hay còn quá ít, chỉ chiếm vào khoảng 10% tổng số ghế. Ước vọng duy-nhất của đảng vào thờ-ky này là nắm chánh-quyền để thực hiện các mục-tiêu của mình.

Trước sự lớn-mạnh của đảng Phát-xít, đảng Xã-hội gây khó-khăn bằng cách ra lệnh tòng-bãi công vào tháng 8-1922. Mussolini huy động lực-lượng Phát-xít để phá, và đảng Phát-xít thành công. Mussolini đòi nắm chánh-quyền.

Vào cuối tháng 10-1922, đảng Phát-xít gây áp-lực bằng cách chiếm-hữu các sở-cảnh-sát, ga xe lửa, bưu điện và các công-sở khác tại nhiều tỉnh miền Bắc Ý. Các nhóm đảng viên Phát-xít vô-trang bắt đầu kéo về La-mã. Mussolini ở Milan chờ đợi. Chính-phủ yêu cầu Ý-Hoàng ban-bổ tình-trạng thiết-quân-luật để đàn-áp phe Phát-xít. Ngược-lại, Ý-Hoàng mời Mussolini về La-mã lập chính-phủ. Ngày 29-10-1922, Mussolini cùng với các đảng viên sơ-mi đen, hùng-hồ kéo vào La-mã.

Trong cuộc tuyển-cử 1923, đảng Phát-xít chiếm đại-đa-số trong Quốc-Hội (406 trên 535 ghế).

Từ sau ngày Đảng-trưởng Mussolini chấp-chánh, đảng Phát-xít là chánh-đảng hợp-pháp duy-nhất tại Ý, là phuơng-tiện để Mussolini thực hiện chế-độ độc-tài.

III.—LÝ-THUYẾT VÀ CHỦ-NGHĨA PHÁT-XÍT.

1) Lý-thuyết :

Mussolini là người ưa hành-động hơn lý-thuyết, nên hệ-thống tư-tưởng của đảng Phát-xít thiếu mạch-lạc. Người ta nhận thấy tư-tưởng Mussolini đã chịu ảnh-hưởng bởi các tác-phẩm phi-bác dân-chủ của các tác-gia Ý, Đức, Pháp như Gentile, Malaparte.v.v... và có thể tóm-lược mấy điểm-chánh :

a) Quốc-gia trên hết :

Quốc-gia tượng-trưng cho ý chí chung của toàn-dân, nên người dân phải tin-tưởng vào quốc-gia. Sự tin-tưởng này phải nhiệt thành như lòng tin đối với tôn-giáo. Và ý-niệm tề-quốc phải có tính cách thiêng liêng, tối thượng.

b) Nhân-dân thu-động :

Mussolini từng tuyên-bố : «Thế-kỷ 20 là thế-kỷ của lãnh-tụ». Trong một Quốc-gia, nhân-dân là một khối thu-động hèn kém, chỉ có các vĩ-nhân mới dâng kè, nên quyền-hành cần tập-trung trong tay các lãnh-tụ. Nhân-dân chỉ là người tuân-lệnh.

c) Nước Ý hùng-cường :

Ngoài ra, Mussolini còn dựa vào quá-trình lịch-sử của cõi đế-quốc La-mã, cho rằng dân-tộc Ý là một dân-tộc hùng-cường. Người Ý phải tái-lập một đế-quốc rộng lớn, như đế-quốc La-mã xưa kia để xứng đáng với tiền-nhân.

2) Chủ-nghĩa :

Dựa vào các lý-thuyết kề trên, Mussolini đã xây-dựng chủ-nghĩa Phát-xít gồm các điểm chính sau :

a) Tất cả cho quốc-gia :

Vì Quốc-gia trên hết nên Quốc-gia là cứu-cánh của mọi hoạt-động xã-hội. Tất cả mọi cá-nhân phải khép mình vào kỷ-luat quốc-gia, phải phục-tùng Quốc-gia, phải hy-sinh quyền-lợi cá-nhân cho quyền-lợi Quốc-gia, Mussolini đã nhấn mạnh : «Người dân phải quên mình và chỉ được nghĩ tới quyền-lợi quốc-gia».

b) Chính-thể không quan-hệ :

Chỉ có quyền-lợi quốc-gia là trọng-hơn cả nên Chính-thể quốc-gia không quan-hệ. Bất cứ hình-thức nào khai-dí bảo-vệ được quyền-lợi tối thượng của quốc-gia đều có thể chấp-nhận. Vì chính-thể chỉ tiêu-biểu cho trình độ chính-trị, lịch-sử và tâm-lý một dân-tộc vào một thời-đại nhất định nào.

Tuy-nhiên, Mussolini chủ-trương một chính-quyền mạnh để có thể đứng vững và đủ khả-năng lãnh-dạo nhân-dân.

c) Tái-lập đế-quốc :

Đề đạt địa-vị xứng-dáng của một dân-tộc hùng-cường, Mussolini chủ-trương dùng sức-mạnh để thiết-lập một đế-quốc rộng lớn như đế-quốc La-Mã cũ. Vì vậy ông đã dùng biều-tượng quyền-uy của đế-quốc La-mã làm huy-hiệu cho đảng-mình, bắt đảng-viên Phát-xít chào theo kiệu La-mã.

IV.— CÁC ĐIỀU KIỆN GIÚP ĐẢNG PHÁT-XÍT NÂM CHÍNH-QUYỀN

Mussolini là yếu-tố thành-công quan-trọng nhất của đảng Phát-xít là linh-hồn của đảng, nhưng sở dĩ đảng này nắm được chánh-quyền là nhờ các điều-kiện thuận-tiện do thời-cuộc nước Ý gây ra.

1) Về chính-trị :

Trên phương-diện quốc-tế, Ý là một nước thắng-trận trong đệ-nhất thế chiến, nhưng Ý không được đổi-xử một cách xứng-dáng. Các yêu-sách của Ý không được Hội-nghị Hòa-bình tại Ba-Lê tán-thanh, dân-chúng rất bất-mẫn, uy-tín Chính-phủ Ý bị thương-tồn.

Về phía quốc-nội, không đảng nào có đa-số tuyệt-đối tại quốc-hội, Chính-phủ đồ-luôn, dân-chúng mất-tin-tưởng, Tổ-chức lao-động thân-Cộng bành-trướng mau, đoàn-viên lên hàng-triệu người, gây-nhiều khó-khăn như đình-công, chiếm-các xí-nghiệp vv... Bọn Cộng-Sản hoạt-động mạnh, định-cướp chánh-quyền để thực-hiện xã-hội chủ-nghĩa giống Nga-sô.

Vì lo-sợ trước hiềm-hoa Cộng-sản, giới-kỹ-nghệ và tư-bàn Ý tích-cực giúp đỡ và ủng-hộ đảng Phát-xít, vì đảng này chống Cộng-hang nhât.

2) Về quân-sự :

Các cựu-quân-nhân đã từng tham-gia đợt-nhất thế-chiến bắt-mắn vì Hòa-ước Versailles, bắt-mắn vì không có việc làm xứng-dáng (vì trong thời-gian nhập-ngũ, chỗ-làm của họ đã bị người-khác chiếm), lại không-ưa chủ-nghĩa Cộng-sản nên đã gia-nhập đảng Phát-xít rất đông. Nhờ đó đảng-mới tò-chức được một lực-lượng vũ-trang hùng-hậu. Lực-lượng này đã-thắng tay khùng-bỗ bọn đối-lập, khiến thanh-thế đảng Phát-xít tăng-mau.

3) Về kinh-tế xã-hội :

Ý là một nước nghèo, lại bị chiến-tranh tàn-phá, số-thiệt-hại về-nhân-lực, vật-lực và tài-lực lên-rất cao. Vì vậy sau chiến-tranh, kinh-tế Ý khùng hoảng-trầm-trọng : Dân-chúng đói-khô, nhiều-nơi nhân-dân biều-

tình dập phá các tiệm bán thực-phàm, chính quyền lại bắt-lực, hầu hết dân chúng đều bắt-mắn, muốn tìm một lối thoát... Trong khi đó, qua các cuộc diễn-thuyết, Mussolini có tài thu hút quần chúng nên dễ đạt được sự ủng-hộ của nhân dân Ý.

V.— SỰ THỰC-HIỆN CHẾ-ĐỘ PHÁT-XÍT

Sau khi nắm được chính-quyền, Mussolini và đảng Phát-xít đã cấp-tốc thực-hiện nhiều sự thay đổi.

1) Về chính-trị : thiết lập chế-độ độc-tài

Khi mới chấp chính, Mussolini muốn duy-trì hình thức dân-chủ, nhận sự Cộng-tác của những người trung-thành với lý-tưởng tự-do. Vì vậy Mussolini đã thành lập một chính-phủ liên-hiệp, chỉ dành 4 ghế cho đảng viên Quốc-xã. Báo-chí đổi-lập vẫn được xuất-bản. Nhưng vì sự chống đối của các nghị-sĩ phe xã-hội tại Quốc-hội, Mussolini đã giải-tán chính-phủ liên hiệp, lập Chính-phủ mới gồm toàn đảng viên Phát-xít, tước quyền của các nghị-sĩ đổi-lập, đi đến độc-tài.

Chính-thề quân-chủ lập-hiến vẫn còn, nhà Vua vẫn tại vị nhưng không có thực-quyền. Thượng và Hạ-nghị-viện vẫn tồn-tại, nhưng Mussolini sửa đổi lại cách tuyển chọn nghị-sĩ. Tại Thượng-viện, ngoài các nghị-sĩ mân-dời, đảng Phát-xít có quyền chỉ định một số nghị-sĩ nhiệm kỳ hưu-hạn. Nghị-sĩ hạ-viện do dân chúng bầu trong số các ứng cử viên được nghiệp-doàn Phát-xít giới thiệu, và đã được Đại Hội Đồng Phát-xít lựa chọn sẵn. Mussolini là thủ-lãnh của Đại Hội Đồng Phát-xít. Như vậy, tuy các cơ cấu lập-pháp vẫn còn, nhưng trên thực-tế, mọi quyền hành đều tập trung trong tay Mussolini và đảng Phát-xít.

Mussolini được gọi là Thủ-lãnh (Duce) và có địa-vị độc-tôn, có toàn quyền về mọi lãnh-vực, và theo một sắc-luat năm 1928. Mussolini có thể truất-phế cả vua. Thủ-lãnh được coi như không bao giờ lầm-lẫn.

Đảng Phát-xít là chính-đảng hợp-pháp duy nhất, được Quốc-gia thừa nhận, tất cả các viên-chức nắm giữ những địa vị then chốt đều là đảng-viên Phát-xít.

2) Về giáo-dục :

Mussolini hướng giáo-dục về mục-dịch phục-vụ lý-tưởng và chủ-nghĩa Phát-xít. Chương trình giáo-dục và sách giáo-khoa được thay đổi

hỗn. Kỷ luật học-đường nghiêm như kỷ luật quân đội, giáo chức bắt buộc qua những lớp huấn-luyện đặc-biệt, khi di-daty phải mặc đảng-phục.

Thanh-thiếu-niên từ 14 tuổi đều phải gia-nhập các đoàn-thề. Từ 8-14 nhập-doàn thiếu-ni, từ 14-18 doàn thiếu-niên, và từ 18-21 doàn thanh-niên.

3) Về xã-hội:

Có lẽ vì Mussolini xuất-thân từ một gia-dinh lao-dộng nên chế-độ Phát-xít đặc biệt ca-tụng cần-lao, mọi người bị bắt buộc làm việc.

Mussolini cấm đình công, giải tán Tòng-liên-doàn Lao-dộng, thành-lập nghiệp-doàn, đặt dưới quyền chỉ huy trực tiếp của đảng Phát-xít. Nghiệp-doàn có quyền hành khá rộng, được ấn-dịnh mức lương thợ thuyền, được quyền giới-thiệu ứng-cử viên vào Hạ-nghị-viện.

Mussolini cố gắng tăng-gia dân số bằng cách tăng phụ-cấp gia-dinh, tăng huy chương «hiền-mẫu» cho người sanh nhiều, đánh thuế nặng người độc-thân v.v...

4) Về kinh-tế :

Mussolini chú trọng đặc biệt vào việc tăng năng-xuất của ngành nông-nghiệp bằng cách cho nông-dân vay vốn, khuyến-khích cải cách phương-pháp canh-tác... Từ 1925 đến 1933, sản-lượng lúa mì tăng gần gấp đôi. Nhiều đại công-tác được thực hiện để thu dụng nhân-công, giải-quyet nạn thất-nghiệp.

5) Về tôn-giáo.

Mussolini cố gắng giải-quyet mối bất-hòa giữa Chính-phủ và Tòa-thánh Vatican bằng thỏa-hiệp Latran (1929). Mussolini muốn tách rời ảnh hưởng của Giáo-hội Công-Giáo bằng cách giải-tán tò-chức Thanh-niên Công-giáo Ý, và ông còn tuyên-bố : «Tôi chiếm người Công-dân Ý từ lúc người đó chào đời, và chỉ buông tha khi họ trút hơi-thở. Từ lúc đó họ mới thuộc quyền Đức-Giáo-Hoàng».

6) Về quân-sự :

Mussolini tăng thêm quân-số, thiết-lập nhiều xưởng sản-xuất vũ-kí, tích-cực sửa-soạn chiến-tranh.

7) Về ngoại-giao :

Để thực-hiện mộng tái-lập Đế-quốc La-mã, Mussolini đã dùng vũ-lực để thôn-tinh nhiều nước, liên-kết với Đức, đưa Ý vào cuộc đế-nhi thế-ghiến I

Năm 1935, Mussolini đem quân xâm chiếm Ethiopie; năm 1939 chiếm Albania; năm 1940 khai chiến với Đồng-minh, kéo quân vào đất Pháp rồi đánh Hy-lạp, Ai-cập...

Tháng 7-1943, quân Đồng-minh đồ-bộ Đảo Sicile, Ý bại-trận, chế độ Phát-xít xụp-dở.

VI.— NHẬN-ĐỊNH.

1) Quan-niệm quốc-gia không vững-chắc :

Quốc-gia từ người dân mà có chứ người không từ Quốc-gia mà ra. Người dân là rẽ là gốc, Quốc-gia là ngọn. Ngọn che chở cho gốc và gốc nuôi dưỡng ngọn. Nếu chủ-trương quyền-lợi và hạnh-phúc cá-nhân phải hoàn toàn hy-sinh cho quyền-lợi quốc-gia thì chẳng khác gì đem chặt gốc để bảo-vệ ngọn. Đó là một điều quái-gở. Một chế-độ chỉ hứu lý khi quyền-lợi của quốc-gia và cá-nhân được dung hòa một cách tốt đep.

2) Chủ-trương xâm-lược bất-chánh

Chủ-trương thỏa mãn tự-ái dân tộc bằng cách dùng vũ-lực để thiết lập một đế-quốc rộng lớn là điều bất-chánh, vi-phạm nguyễn-tắc công-bằng. Nếu tất cả các nước mạnh đều tự cho phép mình có quyền xâm-chiếm các nước yếu thì công-lý không còn ý-nghĩa gì nữa.

3) Biết lợi-dụng cơ-hội:

Mussolini và đảng Phát-xít đã thành công được trong một thời gian chính là nhờ ở chỗ đã biết lợi-dụng được sự bất-mẫn của nhân-dân và chính-tình bắt-đòn của Ý thời hậu-chiến. Đây là một kinh-nghiệm đe các quốc-gia đang có chiến-tranh phải sửa-soạn trước đe có thể đối phó hữu-hiệu với-các vấn-dề sau khi hòa-bình được vấn-hồi.

4) Chống cộn ghู่-hiệu :

Dầu sao ta cũng phải nhận rằng giống như trường-hợp của Hitler và đảng Quốc-xã Đức, Mussolini và đảng Phát-xít đã đập tan các âm mưu cướp chính-quyền của Cộng-sản một cách hữu-hiệu.

Nếu không có Mussolini và đảng Phát-xít, biết đâu bán đảo Ý đã chẳng bị sơn-dỏ từ lâu rồi.

CÂU HỎI

- 1) Sơ-lược về tiểu-sử Mussolini.
- 2) Tóm tắt về sự thành-lập Đảng Phát-xít.
- 3) Hãy nói qua về các điểm chính của lý-thuyết Phát-xít.
- 4) Chủ-nghĩa Phát-xít có đặc-diểm gì ?
- 5) Mussolini lên cầm-quyền trong trường hợp nào ?
- 6) Các yếu-tố nào khiến đảng Phát-xít Ý năm được chánh-quyền ?
- 7) Chế-độ Phát-xít đã thực hiện những gì về mặt chính-trị tại Ý ?
- 8) Trình-bày về những cải-cách xã-hội của Mussolini.
- 9) Chính-sách kinh-tế của Mussolini.
- 10) Anh (hay Chị) có những nhận-định nào về Mussolini và Đảng Phát-xít Ý ?



CHẾ-DỘ CỘNG-SẢN

A.— Chủ-nghĩa Cộng-sản.

B.— Tổ-chức công-quyền tại Nga-sô.

C.— Tổ-chức công-quyền tại Trung-cộng.

●

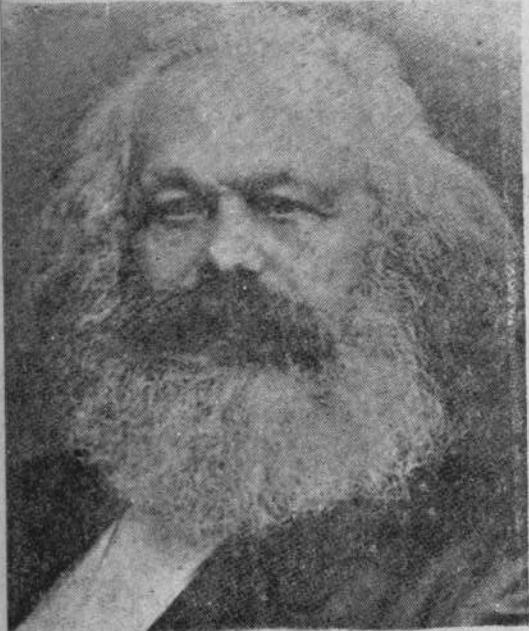
A.— Chủ-nghĩa Cộng-sản.

I.— KARL MARX VÀ LÝ-THUYẾT MÁC-XÍT

Lý-thuyết mác-xít là công-trình chung của Karl-Marx và Frédéric Engels. Đến Lénine, lý-thuyết này được nghiên-cứu và sửa-chữa lại để chuyển sang phương-diện thực-hành và gọi là chủ-nghĩa Cộng-sản. Lấy duy-vật biện-chứng và duy-vật sủ-quan để cất-nghĩa sự tiến-triển của xã-hội loài người, quan-niệm Mác-xít tin rằng giai-cấp vô-sản sẽ là giai-cấp nắm chánh-quyền và thế-giới sẽ trở thành một xã-hội vô giai-cấp, không còn sự cạnh-tranh và bóc-lột giữa người với người nữa.

1) Thân-thế Karl Marx :

Người Đức gốc Do-Thái sinh ngày 5-5-1818, đậu Tiến-sỹ Triết-học (1841); hoạt động chính-trị, gặp Engels tại Ba-lê (1844) và cùng viết sách báo bênh-vực quyền-lợi của giai-cấp vô-sản; viết bản « Tuyên-ngôn của đảng Cộng-Sản » (1848) với chủ-trương lật-dồ tư-bản, hủy-bỏ chế-dộ tư-hữu, thành-lập một xã-hội Cộng-Sản không giai-cấp, chống Chánh-phủ; viết cuốn « Tư-bản luận » năm 1850 (xuất-bản : cuốn I: 1867,



KARL - MARX

cuốn II 1893, cuốn III 1894, hai cuốn sau do Engels xuất-bản); lập Đệ-nhất quốc-tế, viết bản tuyên-ngôn thành-lập (1866); và mất ngày 14-3-1883 tại Anh-Quốc.

2) Duy-vật biện-chứng pháp :

Biện-chứng pháp duy-vật là một tòng-hợp chặt-chẽ giữ tư-tưởng duy-vật của Feuerbach và biện-chứng pháp duy-tâm của Hégel.

a) Quan-niệm duy-vật :

Theo Marx, tất cả đều thoát thai từ vật-chất, một thực tại đệ-nhất hiện-hữu một cách khách-quan. Mọi hoạt động tinh-thần đều là sản-phẩm của vật-chất, do đó sự tiến-hóa của xã-hội lệ thuộc chặt-chẽ vào những điều-kiện vật-chất.

b) Phương-pháp lý-luận :

Phương-pháp lý-luận là phép-biện-chứng gồm chính-dề, phản-dề và hợp-dề. Marx coi biện-chứng pháp là phương-pháp cần thiết để tìm hiểu vú-trụ và xã-hội loài người vì mọi sự thay đổi đều do mâu-thuẫn mà có.

c) Duy-vật biện-chứng-pháp :

Dựa vào khởi điểm duy-vật và phép biện-chứng trên, Marx tự-tạo cho mình một lối lý-luận gọi là biện-chứng pháp duy-vật để nghiên-cứu thế-giới vật-chất, nhằm khám-phá ra những tương-quan liên-hệ phong-phú hơn.

3) Duy-vật sủ-quan :

Quan-niệm duy-vật áp-dụng vào việc nghiên-cứu xã-hội loài người được Marx gọi là duy-vật sủ-quan. Theo ông, tư-tưởng quan thiết yếu cho mọi xã-hội chỉ là những tương-quan về sản-xuất bao gồm những tương-quan giữa người và thiên-nhiên và giữa người với người.

a) Xung-dot giữa người và thiên-nhiên :

Con người có tương-quan với thiên-nhiên vì sự chiến đấu sinh-tồn với thiên-nhiên. Chính sự chênh-lệch về tư-hữu do sự sản-xuất và chiếm-hữu đã phát-sinh các giai-cấp đưa đến sự xung-dot giữa người với người.

b) Xung-dot giữa người với người :

Từ sự nghiên-cứu lịch-sử các xã-hội, nhất là xã-hội tư-bản, Marx nhận thấy có sự xung-dot giữa lực-lượng kiềm-soát sản-xuất và người phụ trách sản-xuất (chủ và thợ). Sự mâu-thuẫn trên cho ta thấy chỉ có

thiều số (giới tư-bản) giữ vai trò kiềm-soát sản-xuất mà thôi. Thêm vào đó, sự khám-phá ra dia-vị lịch-sử của giai-cấp vô-sản đã đưa đến vấn-dề giai-cấp đấu-tranh, một khí-cụ tối-hậu tạo nên những biến-dời khă-dī đưa xã-hội từ cương-vị thấp đến cương-vị cao, mà cương-vị cao nhất là xã-hội Cộng-sản, nơi đó, các lực lượng sản-xuất được tập-trung nhân-danh toàn-thể xã-hội.

II.— CHÁNH-TRỊ MÁC-XÍT

Về chánh-trị, Marx đã áp-dụng những phương-pháp trên để đưa ra mấy luận-cứ :

1) Mọi xã-hội đều chứa đựng những mâu-thuẫn bên trong:

Mâu thuẫn là điều kiện của tiến-bộ nên muốn tiến mau, cần phải thúc đẩy sự tranh chấp giữa các mâu thuẫn của mình. Vì thế, thuyết Mác-xít chủ-trương phải có cách-mạng thường-xuyên.

2) Kinh-tế là nền-tảng của luật tiến-triển xã-hội :

Các giai-doạn của lịch-sử đều bắt nguồn từ kinh-tế : cối xay đã phát sinh xã-hội phong-kiến, máy chạy bằng hơi nước đã phát-sinh xã-hội tư-bản, và phương-thức sản-xuất là yếu-tố chính quyết-định hình-thái, tính-chất, chế-độ xã-hội. Do đó, kinh-tế là hạ-tầng cơ-sở của xã-hội và các trạng-thái chánh-trị chỉ là thượng-tầng kiến-trúc dựa trên cơ cấu hạ-tầng mà thôi.

3) Giai-cấp đấu-tranh là động-cơ thúc-đẩy sự tiến-hóa xã-hội :

Nguyên động-lực của lịch-sử là sự đấu tranh giai-cấp: «Lịch-sử xã-hội từ xưa tới nay chỉ là lịch-sử của giai-cấp đấu tranh». Nền-tảng của sự tranh chấp là sự mâu-thuẫn về quyền-lợi kinh-tế. Marx tiên đoán chế-độ tư-bản sẽ tự tiêu-diệt. Nhưng cần-lao không nên chờ đến ngày tư-bản tự tiêu-diệt mà phải dùng bạo-lực để lật-dò, và thiết-lập một chế-độ cộng-sản. Sự chuyền-hoán từ tư-bản sang cộng-sản sẽ qua ba giai-doạn :

a) Giai-doạn : I giai-doạn vô-sản chuyên chính hay độc-tài cần-lao:

(Để ngăn ngừa âm-mưu phản-động của giai-cấp tư-bản chưa bị tiêu-diệt hoàn-toàn) guồng máy quốc-gia vẫn còn, nhưng thuộc về giai-cấp cần-lao vô-sản.

b) Giai-doạn II : giai-doạn tập-sản :

Quyền sở-hữu về phương-diện sản-xuất được quốc-hữu hóa (nhà nước kinh-tế), không còn chế-độ bóc lột, sự đấu tranh tự tiêu-diệt và guồng máy quốc-gia vẫn duy-trì để cưỡng-chế sản-xuất.

c) Giai-doạn III : giai đoạn Cộng-sản toàn-diện :

Tư-bản bị thanh-toán ; kỹ-nghệ phát-triển đến độ không còn vấn-dề phân-phối sản-xuất ; quốc-gia tự tiêu-diệt, tự-do, bình-đẳng thè-hiện trọn-vẹn thế-giới đại-dồng.

III.— NHẬN-XÉT VỀ LÝ-THUYẾT MÁC-XÍT

Lý-thuyết Mác-xít có nhiều điểm sai lầm :

1) Ở những nước tự-do, xí-nghiệp tư vẫn phát-triển và tiêu tư-sản ngày một gia-tăng, trái với nhận-xét của Marx về sự tập-trung tài-sản trong tay một thiều-số tư-bản.

2) Theo Marx, guồng máy quốc-gia sẽ được bãi-bỏ trong chế-độ xã-hội, nhưng trái lại càng ngày càng đè-nặng lên vai người dân, nhất là trong giai-doạn tập-sản.

3) Duy-vật sử-quan đã không thè-cắt nghĩa được tại sao có chiến-tranh tôn-giáo, cách-mạng đòi quyền dân-tộc tự-quyết. Điều này chứng tỏ đấu-tranh không do sự-kiện vật-chất khách-quan mà do sự-kiện tinh-thần chủ-quan.

4) Căn-cứ vào sự tiến-hóa không ngừng, chế-độ Cộng-sản cũng chỉ là một giai-doạn trong cuộc tiến-hóa, nó sẽ còn biến-dời : chế-độ Cộng-sản đã là chế-độ tốt đẹp nhất chưa ?

Lại nữa, trong giai-doạn Cộng-sản, không còn giai-cấp, không còn đấu-tranh : làm thế nào để có sự tiến-hóa cho được ?

Hai sự kiện trên chứng tỏ sự tự mâu-thuẫn của lý-thuyết Mác-xít.

IV.— SỰ DIỄN-TIẾN CỦA CHỦ-NGHĨA CỘNG-SẢN

1.— Đệ Nhất Quốc tế (1866)

Marx, Engels, Bakounine họp tại Genève, có đại diện của thợ thuyền của một số quốc-gia tham dự đã thành lập ra Đệ Nhất Quốc-tế chỉ nhằm mục đích tuyên-truyền lý-thuyết duy vật trong giới vô-sản. Tổ chức này đã tan rã sau khi cuộc Cách-mạng Ba-lê Công-xá (1871) bị thất bại.

2) Đệ Nhị Quốc-tế (1904) :

Bébel, Kautsky, Vandervelle họp tại Amsterdam cùng các đại diện thuyền trưởng rồi thành lập Đệ-Nhị Quốc-tế chủ-trương tranh-dấu chánh-trị ôn-hòa. Chủ-trương này đã gây sự chia rẽ, càng ngày càng trầm trọng khi thế chiến I bùng nổ giữa hai phe : phe Cộng-Sản quốc-gia và Cộng-Sản quốc-tế.

3) Đệ-tam Quốc-tế (1919).

Sau khi thành công trong cuộc cách-mạng 10-1917 ở Nga, Lénine đã triệu tập một hội nghị tại Moscou và thành lập Đệ tam quốc-tế với chủ-trương cách-mạng bằng vũ-lực và cách-mạng tại từng Quốc-gia một.

4) Đệ tứ Quốc-tế (1929)

Lénine chết (1924), nội bộ Cộng-sản chia làm hai : phe Staline đang cầm quyền tại Nga theo Đệ tam quốc-tế và phe Trotsky chủ-trương liên kết toàn thế-giới và cải-cách toàn-diện. Đệ tứ Quốc-tế ra đời. Năm 1940, Trotsky bị ám sát, nhóm đệ tử tuy vẫn tồn tại, nhưng chỉ còn hoạt động về nghiên-cứu và tuyên-truyền chánh-trị mà thôi, trong khi phe Đệ-tam vẫn phát-triển mạnh.

VI.— CHÁNH-THỀ CỘNG-SẢN

Từ chủ-nghĩa Cộng-sản, một số quốc gia đã thiết-lập chánh-thề Cộng-sản dựa theo khuôn mẫu của nghị-hội chuyên-chế, một hình thức tổ chức công quyền trong đó nguyên-tắc phân quyền ít được áp dụng vì quốc-hội không những giữ quyền lập-pháp mà còn xử-dụng luôn cả quyền hành-pháp. Chánh thề Cộng-sản thể hiện qua các đặc điểm sau :

1) Chính-sách tập-quyền :

Người Cộng-sản quan-niệm rằng chánh-quyền ở trong tay nhân-dân phải được tập-trung để mau thực-hiện được chủ-nghĩa xã-hội. Do đó, trong các quốc-gia Cộng-sản chỉ có một quyền duy-nhất : quyền của nhân-dân. Tuy nhiên trong thực-tế, quyền-hành đều tập trung trong tay đảng Cộng-sản.

2) Hệ-thống các Hội-dồng nhân-dân :

Hội-dồng nhân-dân được tổ-chức từ cấp xã đến trung-ương qua các cấp Quận, Tỉnh, Khu, Tiều-bang v.v... Các hội-dồng này tại mỗi cấp được nhân-dân bầu lên và có quyền-hành rất rộng. Hội-dồng giữ tất

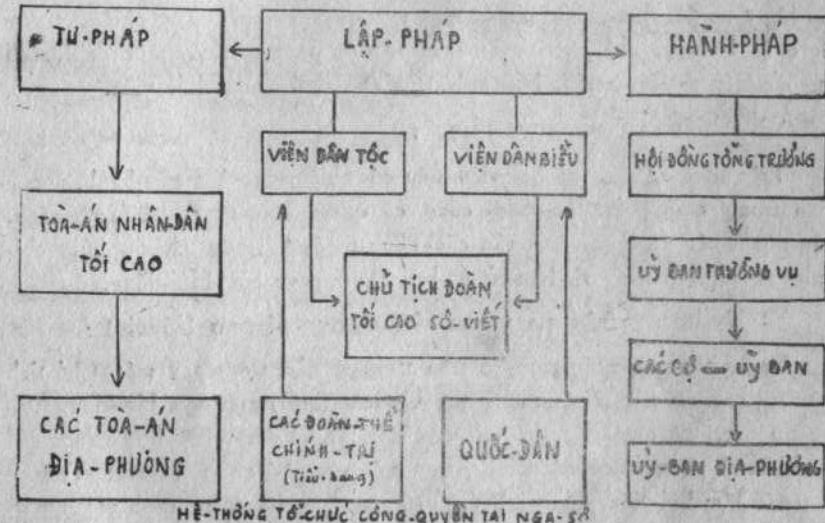
cả các nhiệm-vụ hành-pháp và tư-pháp. Riêng hội-dồng nhân-dân tối-cao cấp trung-ương còn giữ thêm cả quyền lập-pháp.

3) Vai trò của đảng Cộng-sản trong chánh-quyền:

Đảng Cộng-sản giữ vai trò trọng-yếu trong việc điều-khiển guồng máy quốc-gia. Hiến-pháp Nga-sô năm 1936 đã coi đảng Cộng-sản như « cấp điều-khiển nòng-cốt của tất cả các tổ-chức lao-dộng cũng như các tổ-chức xã hội và tổ-chức quốc-gia » (Điều 126). Nơi các nước Cộng-sản, giai-cấp duy nhất là giai-cấp cần-lao, nên chỉ cần đến một đảng. Tại một vài nước Cộng-sản, chế-độ độc-dảng chưa được thiết-lập ngay và bên cạnh đảng Cộng-sản, còn có một số các đảng nhỏ, ít ảnh-hưởng được phép hoạt-dộng nhưng đường lối cũng tương-tự như đảng Cộng-sản. Các đảng họp lại thành một « mặt trận ». Tuy vậy, những chức-vụ quan-trọng trong chánh-quyền đều do các ianh-tụ Cộng-dảng nắm giữ. Do đó, người ta thường gọi các nước Cộng-sản là độc-tài đảng-tri.

B.— Tổ-chức công-quyền tại Nga-Sô:

Nga-Sô hay Liên-Sô là tiếng gọi tắt của Liên-bang cộng-hòa xã-hội chủ-nghĩa Sô-viết (URSS). Liên-Sô không phải là một nước thuần-túy mà là một liên-hiệp gồm 16 nước được sát nháp lần-lần : hai liên-bang Cộng-



—146—

hòa Sô-viết và 14 Cộng-hòa xã-hội Sô-viết. Liên-bang Cộng-hòa còn bao gồm một số những Cộng-hòa tự-trị, miền tự-trị và địa hạt quốc-gia. Tô-chức công-quyền tại đây theo hình-thúc nghị hội chuyên-chế (Quốc-hội-chế).

I.— QUỐC-HỘI

1) Tô-chức :

Quốc-hội Liên-sô được gọi là *Hội-dồng tối-cao Sô-viết* và gồm có hai viện :

a) Viện dân-tộc hay Hội-dồng Sô-viết dân-tộc :

Viện này gồm những đại-biểu của các đoàn thề chánh-trị của các Cộng-hòa liên-bang và Cộng-hòa tự-trị. Mỗi tiêu-bang được bầu 23 người.

b) Viện dân-biểu hay Hội-dồng Sô-viết liên bang :

Viện này gồm những đại-biểu thay mặt cho người dân toàn-thề lãnh-thổ Liên-sô. Mỗi đại-biểu đại-diện cho 300.000 công-dân cử-tri.

Các đại-biểu thuộc hai viện của Hội-dồng tối cao Sô-viết đều do dân bầu lên theo lối đầu-phiếu phô-thông, trực-tiếp và kín. Tuy nhiên, trước các cuộc bầu-cử, nhà cầm quyền thường đưa ra giới thiệu một danh sách ứng cử viên mà họ muốn. Nhiệm-kỳ của các đại-biểu là bốn năm.

2) Nhiệm-vụ và quyền-hạn :

Tên danh-nghĩa, cả hai viện đều có nhiệm-vụ và quyền-hành ngang nhau trong công việc lập-pháp, cũng có quyền biều-quyết về ngân-sách, thấp-thuận các đạo-luat, chất vấn các Tông-trưởng trong chánh-phủ, chỉ-dịnh các Tông-trưởng và bầu-cử ủy-ban thường-vụ của Hội-dồng.

3) Ủy-ban thường-vụ của Hội-dồng tối-cao Sô-viết :

Trong thực-tế, những quyền trên thường nằm trong tay một Chủ-tịch đoàn tối cao Sô-viết (Présidium) hay Ủy-ban thường vụ của Hội-dồng tối cao Sô-viết. Cơ-quan này do hai viện dân-tộc và dân-biểu hợp-chung với nhau bầu ra và gồm có một Chủ-tịch, mười sáu phó chủ-tịch, một Thư-ký và mười lăm hội-viên. Chủ-tịch đoàn tối cao Sô-viết có tư cách của một vị Quốc-trưởng tại các nước dân-chủ tự-do, có quyền ân-xá, tuởng thường, bồi-hiệm hay bái-miễn các đại-sứ, triệu tập Hội-dồng Sô-viết tối cao mỗi năm hai lần. Ngoài ra Chủ-tịch đoàn tối cao Sô-viết còn có những

đặc-quyền vượt phạm-vi của Quốc-trưởng trong chính-thề đại-nghi khác như: bái-chức Tông-trưởng, bồ-nhiệm Tông-trưởng phụ khuyết (trong khi chờ đợi Hội-dồng Tối-cao Sô-viết duyệt y), tô-chức trưng-cầu dân-ý, hủy-bỏ các nghị-dịnh, quyết-dịnh bất-hợp-pháp của Hội-dồng Tông-Trưởng, chỉ định Tông-tư-lệnh quân-dội, ra lệnh động-viên, tuyên-chiến, duyệt các hòa-ước. Nói chung, tất cả quyền-hành của quốc-gia đều tập-trung vào tay Cơ-quan này.

II.— CHÁNH-PHỦ

Việc điều khiển nền hành-chánh trong nước do một hội-dồng Tông-trưởng đảm-nhiệm. Cơ-quan này do Hội-dồng sô-viết tối cao bầu ra giữ nhiệm vụ điều khiển hành-pháp và gọi là Liên-Sô nhân-dân ủy-viên-hội. Đến năm 1946, cơ-quan này đổi tên là Hội-dồng Tông-trưởng và gồm có một Chủ-tịch, 8 Phó chủ-tịch và một số khá nhiều ủy-viên nhân-dân (Tông, Bộ-trưởng) coi các bộ và xử-lý việc chung cho toàn cõi Liên-sô.

Sau khi Staline chết, Hiến-pháp 1936 được sửa đổi và một cơ-quan mới gọi là Ủy-ban thường-vụ trung-ương của Hội-dồng Tông-trưởng được thành lập gồm chừng 50 người hầu hết là đảng-viên Cộng-sản nắm giữ. Ủy-ban này có tính cách một nội-các thâu hẹp để dễ dàng kiềm-soát và chi-đạo. Hội-dồng Tông-trưởng cũng như Ủy ban Thường-vụ hoàn-toàn chịu trách-nhiệm trước chủ-tịch đoàn của Hội-dồng tối-cao Sô-viết về việc thi-hành luật-pháp.

III.— CHÁNH ĐẢNG TẠI NGA-SÔ : ĐẢNG CỘNG-SẢN

Về phương-diện tồ-chức, cơ-quan công-quyền tại Nga-sô không mấy khác các nước tự-do theo Quốc-hội-chế. Nhưng trong thực-tế, mọi quyền-hành quốc-gia đều tập-trung vào tay một đảng hầu như duy-nhất là đảng Cộng-sản đệ-tam quốc-tế. Tất cả các đoàn thề chánh-trị khác đều bị tiêu-diệt hoặc bị đồng-hóa và chỉ tồn-tại trên danh-nghĩa. Đảng Cộng-sản điều-khiển hết mọi cơ-quan, quy-dịnh đường lối chánh-trị. Những cơ-quan tối-cao của Liên-Sô chỉ là những bộ máy dễ thi-hành mệnh-lệnh của Đảng. Hiến-pháp 1936 đã nêu rõ trong khoản 126 và 141 như sau : « Đảng Cộng-sản gồm những công dân hoạt-dộng nhất và ý-thức nhất về giai-cấp thợ-thuyền » và « Đảng Cộng-sản là đạo quân tiền-phong của những người lao-dộng trong cuộc tranh-dấu để cùng-cố và phát-triền chế-dộ xã-hội ».

Điều này chứng tỏ chỉ có đảng-viên đảng Cộng-sản mới được phép hoạt-dộng chánh-trị. Đảng Cộng-sản được tổ-chức rất chặt chẽ và có

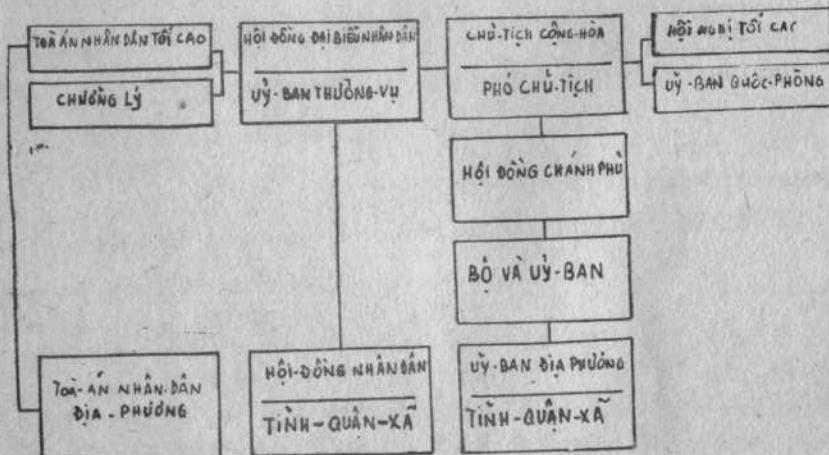
hệ-thống. Ở cấp cao nhất, có Đại-Hội-dảng với một cơ-quan lãnh-dạo thường xuyên gọi là ủy-ban Trung-ương đảng-bộ. Các lãnh-tụ trong ủy-ban này giữ luôn cả chức-vụ Tòng-trưởng trong Hội-dồng Tòng-trưởng hoặc Ủy-viên của Hội-dồng tối-cao sô-viết hay Chủ-tịch đoàn. Nói cách khác, các lãnh-tụ đảng Cộng-sản dù không ở trong guồng máy chánh-quyền cũng có nhiều quyền-hành bao trùm Quốc-gia. Chính sự kiện này đã nới lỏng tính cách độc-tài đảng-trí của đảng Cộng-sản liên-sô trong chánh-quyền. Nhà văn Nam-Tur, Ông Djilas đã coi đó là một chế-dộ của «giai-cấp mới» với những kỹ-thuật thống-trị tân kỳ chưa từng có trong lịch-sử chánh-trị quốc-tế.

c.— Tồ-chức công quyền tại Trung-đông :

Sau khi chiếm toàn thể lục-địa Trung-Hoa, Mao-Trạch-Đông đã tuyên bố thành-lập nước Cộng-hòa Nhân-dân Trung-Hoa ngày 1-10-1949. Hiến-pháp ngày 20-9-1954, đã quy định việc tổ chức công quyền gần giống như ở Quốc-hội chế.

I.— QUỐC-HỘI

Quốc-hội được gọi là Hội-dồng đại-biểu nhân-dân và là cơ-quan tối cao của Cộng-hòa nhân-dân Trung-Hoa (diều 21)



TỔ-CHỨC CÔNG-QUYỀN TẠI TRUNG-HOA CỘNG-SẢN

1) Tổ-chức của Hội-dồng Đại-biểu Nhân-dân :

Hội-dồng gồm các đại-biểu do toàn thể nhân-dân các tỉnh, miền tự-trị và địa hạt quốc-gia bầu vào theo lối trực-tiếp (diều 23).

Nhiệm-kỳ của Hội-dồng là 4 năm, mỗi năm họp một khóa thường lệ triệu tập bởi ủy-ban thường-vụ của Hội-dồng. Ngoài ra, Hội-dồng có thể họp những khóa bất thường cho ủy-ban thường-vụ hay một phần năm (1/5) tổng-số đại-biểu yêu-cầu (diều 24 và 25).

2) Nhiệm-vụ và quyền-hạn (diều 27-28) :

Nhiệm-vụ và quyền-hạn của Hội-dồng đại-biểu nhân-dân được Hiến-pháp quy định như sau :

a) Tu-chinh Hiến-pháp, quy định luật-pháp, kiểm-soát việc thi-hành hiến-pháp.

b) Bầu-cử Chủ-tịch, Phó chủ-tịch của nền Cộng-hòa Nhân-dân quyết định sự tấn-phong Thủ-tướng chiếu đề nghị của Chủ-tịch nền Cộng-hòa, các Ủy-viên trong Hội-dồng chánh-phủ chiếu đề-nghị của Thủ-tướng, quyết định về đề-nghị của Chủ-tịch nền Cộng-hòa về chức vụ Phó chủ-tịch ủy-ban Quốc-phòng, bầu-cử Chủ-tịch tòa-án nhân-dân tối-cao, chưởng-lý của viện chưởng-lý nhân-dân tối-cao.

c) Quyết định kế-hoạch kinh-tế nhà nước, ngân-sách quốc-gia, quy-chế và ranh giới các-tỉnh, miền tự-trị, địa-hạt quốc-gia, biều-quyết các đạo luật ân-xá, quyết định về vấn-dề chiến-tranh và hòa-bình v.v...

Nói chung, Hội-dồng đại-biểu nhân-dân có quyền quyết định tối-hậu về mọi vấn đề quan-trọng liên-quan đến sinh-hoạt quốc-gia.

3) Uỷ-ban thường-vụ của Hội-dồng đại-biểu nhân-dân :

Khi Hội-dồng đại-biểu nhân-dân không nhóm họp, một cơ-quan gọi là Uỷ-ban thường-vụ sẽ xử-lý mọi việc. Cơ-quan này do Hội-dồng đại-biểu nhân-dân bầu lên. Thành phần Uỷ-ban gồm một Chủ-tịch, nhiều Phó chủ-tịch, một Tòng-thư-ký và nhiều ủy-viên. Ngoài nhiệm-vụ triệu tập và điều-khien phiên nhóm của Hội-dồng đại-biểu nhân-dân, Uỷ-ban còn có những nhiệm-vụ và quyền-hạn như : giải-thích luật-pháp, ban-hành sắc-lệnh, kiểm-soát công việc của Hội-dồng chánh-phủ, Tòa-án nhân-dân tối-cao và Viện chưởng-lý nhân-dân tối cao ; hủy-bỏ các quyết định hay nghị-dec của Hội-dồng Chánh-phủ trái với Hiến-pháp, các đạo-luat hay sắc-lệnh, kiểm-diểm hay hủy-bỏ các quyết định bắt-hợp-pháp của các cơ-

quan chánh-quyền địa phương; bồ-nhiệm hay bãi miễn các Phó Thủ-tướng, Tòng-trưởng, Chủ-tịch các Ủy-ban, Tòng-thơ-ký của Hội-dồng Chánh-phủ, Phó Chủ-tịch, quan-tòa hay các nhân-viên khác của Ủy-ban tư-pháp hay Tòa-án nhân-dân tối-cao, Chưởng-lý, Biện lý hay các nhân-viên khác của Viện-Chưởng-lý nhân-dân tối-cao, nhân viên ngoại giao; phê chuẩn hay bãi bỏ các hiệp-ước; ân-xá, tuyên-chiến, động-viên; xử lý các quyền khác mà Hội-dồng đại-biều nhân-dân giao phó. Ủy-ban thường vụ chỉ chịu trách-nhiệm trước Hội-dồng đại-biều nhân-dân và các nhân-viên có thể bị cách chức bởi Hội-dồng. (điều 31 đến 33).

II.— CHÁNH PHỦ

1) Chủ-tịch nền Cộng-hà nhân-dân (điều 39 đến 46)

a) Cách bầu cử nhiệm kỳ :

Chủ-tịch nền Cộng-hà được bầu lên trong một nhiệm-kỳ là bốn năm. Ứng-cử-Viên Chủ-tịch phải từ 35 tuổi trở lên. Chủ-tịch có nhiều Phó chủ-tịch giúp đỡ trong công việc. Hiện nay, Chủ-tịch Cộng-hà nhân-dân Trung-hoa có một Chủ-tịch và 13 Phó Chủ-tịch.

b) Nhiệm-vụ và quyền-hạn :

Chủ-tịch nền Cộng-hà là người đại-diện cho quốc-gia, là Tòng-tư-lệnh quân-đội, Chủ-tịch ủy-ban Quốc-phòng, Chủ-tịch Hội-nghị tối-cao gồm Phó Chủ-tịch nền Cộng-hà. Chủ-tịch ủy-ban thường-vụ, Thủ-tướng và một số nhân-viên khác. Về quyền-hạn, Chủ-tịch có thể ban-hành các đạo-luat chi-định hay cách-chức Thủ-tướng, Phó Thủ-tướng, Tòng-trưởng, Chủ-tịch ủy-ban và Tòng-thơ-ký của Hội-dồng Chánh-phủ, Phó Chủ-tịch ủy-ban Quốc-phòng, ban tặng huy-chương, nhận các nhân-viên ngoại-giao ngoại-quốc, bồ-nhiệm hay triệu-hồi các nhân-viên ngoại-giao ở nước ngoài.

2) Hội-dồng chánh phủ (điều 47 đến 52)

Hội-dồng chánh-phủ là cơ-quan hành-chánh cao nhất.

a) Thành-phần :

Hội-dồng chánh-phủ gồm một Thủ-tướng đứng đầu, nhiều phó Thủ-tướng, Tòng-trưởng, Chủ-tịch Ủy-ban và một Tòng-thơ-ký. Thủ-tướng do Chủ-tịch nền Cộng-hà chi-định, các Tòng-trưởng, Chủ-tịch ủy-ban và Tòng-thơ-ký do Thủ-tướng lựa chọn và được Hội-dồng đại-biều nhân-dân hay Ủy-ban thường-vụ tấn phong. Hiện nay Chánh-phủ Trung-công được điều-hành bởi một Thủ-tướng, 16 Phó Thủ-tướng, 38 Tòng-trưởng, 8 Chủ-tịch Ủy-ban và một Tòng-thơ-ký.

b) Nhiệm-vụ và quyền-hạn :

- Thảo chương-trình làm việc hợp với Hiến-pháp, luật-lệ.
- Phối-hợp và điều-hành công việc của các bộ, Ủy-ban trung-tương hay địa-phương.

- Kiểm-diểm hoặc bãi-bỏ những quyết-định bất-hợp-pháp của Tòng-trưởng, Chủ-tịch Ủy-ban trung-tương hay địa-phương.

- Thi-hành các kế-hoạch kinh-tế và dự-trù ngân-sách.

- Kiểm-soát nội và ngoại-thương.

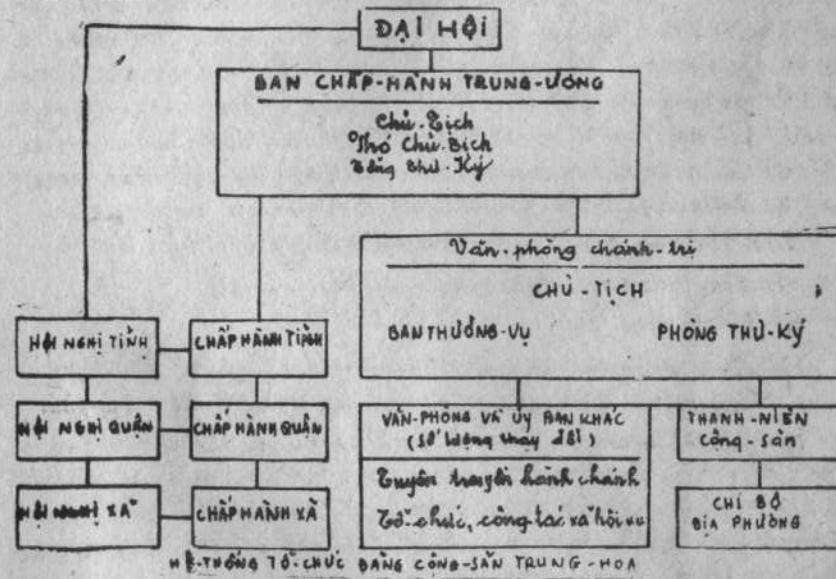
- Duy-trì an-ninh và trật-tự công cộng.

- Bồ-nhiệm hay bãi miễn công chức v.v...

Hội-dồng chánh-phủ chịu trách-nhiệm trước Hội-dồng đại-biều nhân-dân và Ủy-ban thường-vụ.

III.— TƯ PHÁP

Cơ-quan tư-pháp gồm có một Tòa-án nhân-dân tối-cao, một hệ thống các Tòa-án nhân-dân địa-phương và một Viện-chưởng-lý nhân-dân tối-cao. Tòa-án nhân-dân tối-cao và Viện-chưởng-lý chịu-trách nhiệm trước Hội-dồng đại-biều nhân-dân hoặc Ủy-ban thường-vụ của hội-dồng. Chánh-án Tòa-án nhân-dân tối-cao và chưởng-lý do Hội-dồng trên bồ-nhiệm với một nhiệm-kỳ là 4 năm.



IV. — CHÁNH-DÂNG TẠI TRUNG-CỘNG

Ngoài đảng Cộng-sản Trung-hoa còn có tám đảng khác : Ủy-ban Cách-mạng Quốc-dân-dâng, Trung-quốc dân-chủ-hội, Trung-quốc xây dựng dân-chủ hiệp hội, Hiệp-hội Trung-quốc vận-động dân-chủ, Trung-quốc công nông dân-chủ-dâng, Trung-quốc Chih kung tang, chiu-san hội và Đài loan dân-chủ tự-trị hội.

Tất cả các đảng và hội trên lập-thành một mặt trận. Trong thực tế, chỉ có đảng Cộng-sản Trung-hoa là có thực-quyền và thực-lực nhờ sự hành-trưởng nhanh-chóng, sự tồ-chức chặt chẽ, có hệ-thống từ địa-phương đến trung-ương. Các đảng khác chẳng qua chỉ là những chi nhánh của đảng Cộng-sản. Chính-dâng Cộng-sản đã điều-khiển cả guồng máy chánh-trị và hành-chánh, thao-túng xã-hội Trung-hoa bằng đường lối độc tài đảng-trị.

CÂU HỎI

- 1) Thể nào là duy-vật biện-chứng pháp?
- 2) Duy-vật sử-quan là gì?
- 3) Chánh-trị Mác-xít đã đưa ra những luận-cứu nào?
- 4) Nhận-xét về lý-thuyết Mác-xít.
- 5) Chủ-nghĩa Cộng-sản diền-tiễn ra sao?
- 6) Các nước Cộng-sản thường tồ-chức chánh-quyền thế nào?
- 7) Sơ-lược về tồ-chức công-quyền tại Nga-sô.
- 8) Vai trò của đảng Cộng-sản trong đời sống chánh-trị tại Nga-sô.
- 9) Tóm lược tồ-chức công-quyền tại Trung-Cộng.
- 10) Nhiệm-vụ và quyền-hạn của Ủy-ban Thường-vụ.
- 11) Thành-phần, nhiệm-vụ, quyền-hạn của Hội-đồng đại-biểu nhân-dân.
- 12) Thành-phần, nhiệm-vụ và quyền-hạn của Hội-đồng chánh-phủ.
- 13) Các chánh đảng tại Trung-Cộng.